

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MAI VĂN LỢI

**THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
GIẢNG DẠY Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
THÀNH PHỐ CÀ MAU**

Chuyên ngành : Quản lý Giáo dục

Mã số : 60 14 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Người hướng dẫn khoa học :

PGS.TS. BÙI NGỌC OÁNH

Thành phố Hồ Chí Minh – 2008

LỜI CẢM ƠN

Luận văn đã được thực hiện và hoàn thành với sự giúp đỡ quý báu của Thầy, Cô giáo, các bạn đồng nghiệp và bạn bè.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Phòng Khoa học Công nghệ - Sau Đại học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, cảm ơn quý Thầy Cô giáo đã trực tiếp giảng dạy và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập nghiên cứu chương trình đào tạo Thạc sĩ quản lý giáo dục.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo Sở GD&ĐT tỉnh Cà Mau, Ban lãnh đạo và cán bộ Phòng GD&ĐT thành phố Cà Mau, Ban giám hiệu và giáo viên các trường tiểu học thành phố Cà Mau, các bạn đồng nghiệp đã tận tình giúp đỡ và tạo điều kiện cho tác giả hoàn thành luận văn này.

Đặc biệt, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn đến Phó Giáo sư - Tiến sĩ Bùi Ngọc Oánh, người đã tận tình hướng dẫn tác giả thực hiện luận văn.

Tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện, song luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến góp ý của quý Thầy Cô và các bạn đồng nghiệp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2008

Tác giả

Mai Văn Lợi

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BGD&ĐT : Bộ Giáo dục và Đào tạo
- BNV : Bộ Nội vụ
- CBQL : cán bộ quản lý
- CSVC : cơ sở vật chất
- ĐDDH : đồ dùng dạy học
- GD-ĐT : Giáo dục - Đào tạo
- GDTH : Giáo dục tiểu học
- GS : Giáo sư
- GS.VS : Giáo sư Viện sĩ
- GS.TS : Giáo sư Tiến sĩ
- GV : giáo viên
- HS : học sinh
- KT : kỹ thuật
- NXB : Nhà xuất bản
- PGS : Phó Giáo sư
- PGS.TS : Phó Giáo sư Tiến sĩ
- PPDH : phương pháp dạy học
- QLGD : quản lý giáo dục
- TBDH : thiết bị dạy học
- THCS : Trung học cơ sở
- THPT : Trung học phổ thông
- TS : Tiến sĩ
- UBND : Ủy ban nhân dân
- VS : Viện sĩ
- XHCN : Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước hiện nay, vai trò của GD-ĐT, của khoa học và công nghệ được xác định có vị trí cực kỳ quan trọng. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, Giáo dục như nhân tố hết sức quan trọng xây dựng con người với ý nghĩa là nhân vật trung tâm, là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế – xã hội. Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010, trong đó định hướng phát triển cho giáo dục là: “Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên”. Đối với vấn đề quản lý giáo dục, văn kiện Đại hội X của Đảng nêu rõ: “Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo” [21].

Để GD-ĐT có thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống xã hội thì vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học là một đòi hỏi hết sức bức thiết; trong đó vai trò của người giáo viên là yếu tố tiên quyết và vai trò của cán bộ quản lý giáo dục các cấp là nhân tố hết sức quan trọng. Vì vậy, việc chăm lo đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý đã được Đảng và Nhà nước coi đó là kim chỉ nam cho công tác quản lý trong toàn ngành. Đối tượng quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý là giáo viên mà sản phẩm đào tạo của người giáo viên là con người, là thế hệ trẻ, cho nên có thể nói vai trò và ảnh hưởng của đội ngũ cán bộ quản lý có tác dụng sâu xa đến chất lượng giáo dục và đối tượng học sinh.

1.2. Trong thực tế, từ trước đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý được hình thành và phát triển trên cơ sở của sự lựa chọn tự nhiên các giáo viên trong quá trình dạy học và giáo dục.

Phần đông cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục chưa được đào tạo một cách có hệ thống và chính quy. Do đó, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý này còn có không ít hạn chế về trình độ lý luận, văn hoá quản lý, khả năng tác nghiệp và phong cách điều hành tiến trình đào tạo ... Họ chưa thực sự nắm vững những kiến thức cơ bản và mới của khoa học giáo dục, chưa cập nhật được với sự phát triển của giáo dục tại cộng đồng. Tình hình của đội ngũ cán bộ quản lý như vậy nên đã dẫn đến việc quản lý yếu kém của cơ sở giáo dục. Và quản lý yếu kém là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng yếu kém của giáo dục. Đây là một khó khăn rất lớn hiện nay trong quản lý giáo dục đối với cấp tiểu học nói riêng và trong quản lý nói chung. Giải quyết được khó khăn này sẽ góp phần không nhỏ để nâng cao chất lượng GD-ĐT.

Trong hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục tiểu học có một vị trí vô cùng quan trọng, đặt cơ sở ban đầu cho các bậc học khác. Vì vậy, tiểu học chiếm vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục, hình thành nền tảng cho sự phát triển lâu dài về tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất và các kỹ năng cơ bản để học tiếp tục trung học. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng việc phát triển giáo dục tiểu học đó là một trong những mục tiêu để góp phần phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương. Vì vậy, giáo dục tiểu học cần được quan tâm đầu tư tạo điều kiện nhằm phát triển một cách vững chắc.

1.3. Cùng với cả nước, trong thời gian qua, giáo dục của tỉnh Cà Mau nói chung và thành phố Cà Mau nói riêng, đã đẩy mạnh mọi hoạt động giáo dục ở các bậc học, cấp học, trong đó có giáo dục tiểu học. Bên cạnh những thành tựu to lớn (quy mô giáo dục ngày càng phát triển vai trò đặc lực của mình đối với việc phát triển kinh tế – xã hội của địa phương), giáo dục Cà Mau đang còn có nhiều tồn tại cần phải được khắc phục tháo gỡ (tốc độ phát triển giáo dục còn chậm, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu cơ sở vật chất còn nghèo nàn thiếu thốn). Có nhiều nguyên nhân đưa đến những tồn tại ấy, một trong những nguyên nhân đó là những hạn chế non kém của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục trong đó có đội ngũ quản lý ở trường tiểu học. Vì thế giải pháp nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý ở trường tiểu học đang là vấn đề bức thiết.

Xuất phát từ những điều đã nêu trên và đối chiếu với tình hình của tỉnh Cà Mau, muốn phát triển giáo dục của tỉnh Cà Mau nói chung, thành phố Cà Mau nói riêng, trước hết và trong giai đoạn trước mắt cần có những giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý ở trường tiểu học.

Qua tham khảo các chuyên đề, đề tài về quản lý trường tiểu học đặc biệt trong tình hình thực hiện giảng dạy theo chương trình và sách giáo khoa mới hiện nay, bản thân nhận thấy việc nghiên cứu về công tác quản lý giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau theo chương trình mới chưa có ai nghiên cứu,

Do đó tôi chọn đề tài: **“Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học thành phố Cà Mau”** làm luận văn tốt nghiệp về chuyên ngành Quản lý giáo dục.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Điều tra và nắm rõ thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của thành phố Cà Mau, nhằm phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng từ đó đề xuất một vài giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác quản lý giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng về công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau.

4. GIẢI THUYẾT KHOA HỌC

Hiện nay, công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học thành phố Cà Mau vẫn còn những hạn chế, bất cập so với yêu cầu đòi hỏi quản lý giáo dục hiện nay. Nếu đánh giá đúng thực trạng, xác định được nguyên nhân, nêu được ra các giải pháp quản lý phù hợp thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu thực trạng về công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau, nhưng do khả năng và điều kiện có hạn nên chỉ nghiên cứu 33 trường tiểu học trong thành phố Cà Mau và không nghiên cứu việc quản lý hoạt động học tập của học sinh và các hoạt động giáo dục khác.

6. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Từ mục đích nghiên cứu, đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.
- Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của thành phố Cà Mau.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thuộc thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Tham khảo các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu có liên quan đến đề tài.
- Đọc và khái quát các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Nghiên cứu các văn bản về chủ trương chính sách của Nhà nước, Nghị quyết của Đảng và văn bản của Ngành giáo dục.

7.2. Phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu

- Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến dựa trên cơ sở lý luận, mục đích nghiên cứu, trong đó gồm một số lựa chọn:

- + Câu hỏi dành cho giáo viên.
- + Câu hỏi dành cho cán bộ quản lý.

- Xử lý số liệu, thống kê, tính phần trăm, bình luận từng vấn đề.

7.3. Phương pháp quan sát

Phương pháp này thực hiện bằng cách tiếp cận và xem xét để thu thập dữ liệu thực tế về hoạt động quản lý chuyên môn ở các trường tiểu học được tiến hành khảo sát. Nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động chuyên môn và thực trạng các biện pháp quản lý hoạt động chuyên môn ở các trường tiểu học để đánh giá sự phù hợp giữa phương pháp quan sát và phương pháp điều tra.

7.4. Phương pháp phỏng vấn

- Phỏng vấn, trao đổi với cán bộ chuyên môn Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn để nắm bắt tình hình thực tế của trường.

- Tham khảo ý kiến của các chuyên gia với mục đích tìm các kết luận trong việc đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động dạy và đề xuất các giải pháp cho việc quản lý hoạt động giảng dạy có chất lượng.

7.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động quản lý

- Sản phẩm hoạt động quản lý của trường tiểu học là những quyết định quản lý của Hiệu trưởng; Quyết định quản lý trường được thực hiện dưới dạng các văn bản như: kế hoạch dài hạn, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch năm học, kế hoạch học kì, tháng, chương trình công tác tuần.

- Căn cứ vào các tài liệu, các loại kế hoạch, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo chuyên đề và hệ thống sổ sách quản lý, các số liệu để nhận định, đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động giảng dạy

7.6. Phương pháp sử dụng toán thống kê

Dùng phương pháp toán thống kê để xử lý số liệu điều tra, phân tích kết quả nghiên cứu, định lượng chính xác cho từng nội dung, nâng cao tính thuyết phục của các số liệu được nêu ra trong luận văn.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm của nhà trường, hoạt động dạy học do nhiều người tham gia, chiếm giữ thời gian lớn, diễn ra suốt năm học. Vì thế, quản lý hoạt động giảng dạy là vấn đề quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập của học sinh theo yêu cầu của “Mục tiêu giáo dục tiểu học”. Nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý trong và ngoài ngành giáo dục và các giáo viên quan tâm nghiên cứu.

1.1.1. Giáo dục tiểu học một số nước trong khu vực Châu Á

* Giáo dục tiểu học Nhật Bản

Nhật Bản quốc gia Châu Á có nền văn hóa, giáo dục với những thành tựu rực rỡ; có nhiều điều đáng được học tập, bởi vì chính nền giáo dục đó đã tạo nên những con người làm nên một kỳ tích là đưa nước Nhật – một quốc gia tan hoang sau chiến tranh, không tài nguyên, không đất đai màu mỡ - lên hàng quốc gia giàu mạnh trên thế giới, chỉ trong vài ba thập kỷ[31].

- Về chương trình học và sách giáo khoa, Nhật có cách giải quyết linh động, cho phép sự sáng tạo của cấp cơ sở. Nhà nước chỉ quản lý nội dung cơ bản của chương trình, mỗi địa phương có thể tăng giảm số môn học, số giờ ..., cũng như có quyền lựa chọn một trong nhiều loại sách giáo khoa khác nhau. Nội dung các môn học gắn với đời sống, với thực tế, với lứa tuổi, có tính chất cụ thể hơn là lý thuyết chung chung.

- Trong việc giảng dạy tri thức, trường tiểu học Nhật ngày nay dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động thực hành và các hoạt động văn hóa khác. Phương pháp được áp dụng chủ yếu ở tiểu học là nêu vấn đề, học sinh tự do tranh luận, giáo viên không gò ép các em theo một quan điểm cố định nào. Vì thế, giờ học của học sinh nói chung rất sôi nổi, hào hứng.

- Giáo viên tiểu học được đào tạo trong 4 năm, ngay từ đầu đã phải học khoa học sư phạm, đồng thời với các khoa học lý thuyết chứ không chia thành 2 giai đoạn (giai đoạn 1 là đại cương và giai đoạn 2 là chuyên ngành sư phạm) như trước đây.

- Ở bậc tiểu học, mỗi giáo viên phụ trách một lớp trong năm học đó và dạy toàn bộ các môn (trừ môn Nội trợ và Âm nhạc). Việc tổ chức các hoạt động giáo dục cực kỳ phức tạp, ngoài công tác giảng dạy và các công việc khác, giáo viên còn phải quan tâm đến các nhu cầu giáo dục hay các đòi hỏi của cha mẹ học sinh thông qua Hội giáo viên và cha mẹ học sinh và đồng thời cố gắng cải thiện sự hiểu biết của bản thân.

- Việc quản lý hệ thống giáo dục Nhật Bản là phi tập trung, Bộ Giáo dục đóng vai trò của người điều phối.

- Nhật Bản là nước rất quan tâm tới giáo dục tiền học đường, giáo dục tiểu học. Đồng thời phát triển mạnh giáo dục người lớn bồi dưỡng tri thức mới, kỹ thuật công nghệ mới cho người lao động và trong vòng 10 năm gần đây Nhật Bản rất chú ý đào tạo nhân tài, những người sáng tạo lý thuyết và kỹ thuật công nghệ mới với mục tiêu vào thế kỷ XXI. Nhật Bản là nước đứng đầu thế giới về công nghệ kỹ thuật tinh xảo.

*** Giáo dục tiểu học Singapore**

Singapore quốc gia Châu Á trong những năm gần đây đã vươn lên thành một trong những con rồng của Châu Á về sự phát triển kinh tế. Sở dĩ Singapore đạt được những thành tựu này là do sự đóng góp của ngành giáo dục[23].

Singapore là một nước phát triển về kinh tế phần lớn dựa vào công nghiệp vận chuyển và dịch vụ. Do được cấu tạo nhiều dân tộc, Singapore là một quốc gia đa ngôn ngữ và đa văn hóa, để giải quyết một số vấn đề như ngôn ngữ, những giá trị xã hội chung và phát triển kinh tế, chính phủ Singapore đã đưa ra một chính sách giáo dục tương đối hoàn thiện, đặc biệt hệ thống giáo dục tiểu học được quan tâm đáng kể.

Hệ thống giáo dục tiểu học tạo nhiều cơ hội để các loại học sinh khác nhau có thể phát huy được khả năng của mình, đồng thời nhà nước ra quy định để tạo cho con em mọi tầng lớp nhân dân có cơ hội đồng đều để hưởng được sự bình đẳng trong giáo dục.

Ngoài ra trong quá trình thực hiện, chính phủ Singapore cũng đưa ra một số tiêu chuẩn cho việc xây dựng trường sở, tuyển lựa giáo viên, thu nhận học sinh. Ở Singapore không có khái niệm: “trường chuyên, lớp chọn”, nhưng các trường được xã hội, cụ thể là phụ huynh đánh giá xếp loại và có thể “nổi tiếng” hoặc “bị tai tiếng” tùy theo chất lượng đào tạo. Đặc biệt các trường nói chung, các trường tiểu học nói riêng không được nhận thêm một khoản đóng góp “tự nguyện” nào của phụ huynh học sinh.

Giáo dục Singapore có một định hướng khá tốt cho việc sử dụng người sau khi đào tạo – chỉ chọn những môn học rất thực tiễn đáp ứng trực tiếp cho nền sản xuất và đáp ứng cho việc xây dựng một xã hội đa dân tộc, cùng chung sống.

*** Giáo dục tiểu học Philippines**

Philippines là xứ đảo với những đặc trưng địa lý, lịch sử, kinh tế và chính trị vài thế kỷ gần đây đã để lại dấu ấn sâu sắc trong cấu trúc hệ thống giáo dục, trong hoạch định mục tiêu – nội dung – phương pháp và việc tìm kiếm các giải pháp của tiến trình giáo dục nước này[15].

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hệ thống giáo dục có những khác biệt so với nước ta, nhưng điều quan trọng là phù hợp và hữu hiệu, tạo ra những thành tựu giáo dục đáng kể.

- Thanh tra giáo dục thường xuyên giám sát chặt chẽ Hiệu trưởng, giáo viên các trường. Giáo viên - giảng dạy, Hiệu trưởng - quản lý chuyên môn; Thanh tra - giám sát thực hiện; đó là cơ cấu chức năng tới cấp trường tiểu học.

- Vai trò của Hiệu trưởng tiểu học rất quan trọng, với 10 chức năng quy định, những hệ thống lương được xếp thành bốn bậc từ Hiệu trưởng I đến Hiệu trưởng IV, cũng như bốn bậc từ Giáo viên chính I đến giáo viên chính IV, mức lương cùng bậc bằng nhau.

- Giáo viên tiểu học được đào tạo trình độ đại học 4 năm như giáo viên trung học. Hiệu trưởng trường tiểu học ở trường trọng điểm có thể có văn bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Quy trình đổi mới giáo dục tiểu học ở Philippines ở cả ba lĩnh vực: đào tạo giáo viên, cấu trúc chương trình và quản lý giáo dục.

1.1.2. Một số vấn đề rút ra từ giáo dục tiểu học của một số nước trong khu vực Châu Á

Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển giáo dục tiểu học ở một số nước phát triển trong khu vực, chúng tôi nhận thấy có một số điểm đáng chú ý:

- Giáo dục tiểu học được coi trọng, được quan tâm, được xem như là nền tảng của giáo dục, của phát triển xã hội. Ngân sách đầu tư cho giáo dục tiểu học được giải quyết thích đáng, đảm bảo được những điều kiện tối thiểu để thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Mục tiêu của trường tiểu học không phải là cung cấp tri thức khoa học cho trẻ em mà là hình thành nên nhân cách của trẻ trong đó có 3 yếu tố quan trọng nhất là cách tư duy, đạo đức và tâm hồn.

- Có một hệ thống giáo dục đa dạng để thu hút tất cả trẻ em có những khả năng khác nhau vào học và hoàn thành được giáo dục tiểu học ở các loại lớp khác nhau.

- Vấn đề nội dung và phương pháp giáo dục ở tiểu học là sự quan tâm thích đáng đến cá thể, đến sự tôn trọng cá tính và tài năng của mỗi học sinh. Vấn đề cá thể hóa quá trình đào tạo được xem như yêu cầu quan trọng, như một dấu hiệu của đổi mới giáo dục.

- Có sự đa dạng và tính chất mềm dẻo của chương trình giáo dục tiểu học. Bộ GD&ĐT ban hành một chương trình khung, đồng thời vẫn cho phép các tỉnh thành, thậm chí mỗi trường tiểu học có thể điều chỉnh, thay đổi một phần tùy thuộc vào điều kiện và thực tế của cơ sở. Sách giáo khoa không phải chỉ có một bộ, mỗi địa phương có thể chọn bộ sách phù hợp với mình.

Điều đó tạo điều kiện cho mỗi Hiệu trưởng, mỗi trường có thể thực thi công tác quản lý có hiệu quả.

Nhìn chung, có thể nói giáo dục tiểu học ở các nước phát triển trong khu vực đang được đổi mới và phát triển về mục tiêu đào tạo, về đối tượng và phương pháp đào tạo.

Thực tế, nền giáo dục nước nào cũng có vấn đề cần giải quyết, nền giáo dục nào cũng có những thành tựu và những điểm cần khắc phục. Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục tiểu học do chúng ta có cách làm độc lập và sáng tạo. Do đó, chúng ta có thể tham khảo những kinh nghiệm bổ ích và hiệu quả của các nước để hoàn thiện phương pháp Việt Nam nhằm đưa giáo dục của đất nước phát triển theo xu thế mới.

1.1.3. Nghiên cứu giáo dục tiểu học ở Việt Nam

Nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý giáo dục, quản lý trường học, quản lý hoạt động dạy học.

- PGS.TS Nguyễn Ngọc Hối – PGS.TS Phạm Minh Hùng – TS Thái Văn Thành khi nghiên cứu về “Một số biện pháp quản lý hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên” đã khẳng định: “Tùy theo các bậc học, trong từng nội dung hoạt động chuyên môn của giáo viên có thể có những yêu cầu biện pháp khác nhau nhằm góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”. [27]

- TS Trần Kiểm trong giáo trình “Quản lý giáo dục và trường học” (Giáo trình dùng cho học viên cao học Giáo dục học) đã xác định: “Quản lý hoạt động dạy học là quá trình dạy của giáo viên và quá trình học của học sinh. Đây là hai quá trình thống nhất gắn bó hữu cơ”. [28]

- Ở góc độ nghiên cứu khoa học giáo dục, TS Đặng Xuân Hải (Đại học quốc gia Hà Nội) trong bài viết “Đánh giá người Hiệu trưởng nhà trường phổ thông theo hướng chuẩn hóa” trên Tạp chí Giáo dục số 119 tháng 8/2005 đã xác định khi “chuẩn hóa” cán bộ nói chung và cán bộ quản lý nói riêng phải gắn với “hoạt động nghề nghiệp” của cán bộ đó và chuẩn này không chỉ có mục đích xác minh sự vật, đối tượng mà còn là công cụ đánh giá cán bộ một cách khoa học. [26]

- Các đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ của một số tác giả: Huỳnh Thị Kim Trang với đề tài “Thực trạng về công tác quản lý việc dạy và học ở trường tiểu học của một số Phòng GD&ĐT quận (huyện) tại TP Hồ Chí Minh” [41]; Văn Thị Tường Oanh với đề tài “Biện pháp xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học tỉnh Bạc Liêu” [33]; Nguyễn Văn Tạo với đề tài “Thực trạng việc quản lý hoạt động giảng dạy ở một số trường tiểu học

huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre”[39]... mỗi đề tài nghiên cứu đều đề cập đến những khía cạnh khác nhau của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trường học.

- Gần đây nhất, vào năm 2006 Dự án phát triển giáo viên tiểu học đã cho xuất bản tài liệu “Quản lý chuyên môn ở trường tiểu học theo chương trình và sách giáo khoa mới” (Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tiểu học) nhằm cung cấp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tiểu học ở các cơ quan quản lý giáo dục, các trường tiểu học những kiến thức, kỹ năng về quản lý chuyên môn để thực hiện tốt chương trình – sách giáo khoa mới ở tiểu học.[10]

Như vậy, quản lý hoạt động dạy học thực sự là vấn đề cấp thiết đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu và cần được tiếp tục nghiên cứu. Với nguồn tư liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy chưa có tác giả nào đề cập và nghiên cứu vấn đề này ở phạm vi thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nên đã chọn đề tài: **“Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau”** và từ đó đề xuất những biện pháp quản lý phù hợp và hiệu quả để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ở trường tiểu học nhất là trong giai đoạn thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới.

1.2. Một số khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu

1.2.1. Quản lý

Khi con người với tư cách là những cá nhân đơn lẻ không thể thực hiện để đạt được những mục tiêu mà họ đề ra thì họ bắt đầu hình thành các tập thể, nhóm. Quản lý xuất hiện như một yếu tố cần thiết để phối hợp những nỗ lực cá nhân nhằm đạt tới những mục tiêu chung.

Có nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm quản lý. Dưới đây là một số quan niệm chủ yếu.

Theo Đại Bách khoa toàn thư Liên xô, 1977 quản lý là chức năng của những hệ thống có tổ chức với bản chất khác nhau (xã hội sinh vật, kỹ thuật), nó bảo toàn cấu trúc xác định của chúng, duy trì chế độ hoạt động, thực hiện những chương trình, mục đích nhất định.

Một số quan niệm khác:

- Theo định nghĩa của các tác giả trong tác phẩm “Khoa học tổ chức và quản lý – một số vấn đề lý luận và thực tiễn” – Trung tâm nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý – NXB Thống kê – Hà Nội -1999 cho rằng “Quản lý là một quá trình tác động gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý nhằm đạt được mục tiêu chung”.

- Quản lý là tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể những người lao động nói chung là khách thể quản lý nhằm thực hiện được mục tiêu dự kiến. Theo

- Quản lý là nhằm phối hợp nỗ lực của nhiều người, sao cho mục tiêu của từng cá nhân biến thành những thành tựu của xã hội. Trần Kiêm: Giáo trình “Quản lý giáo dục và trường học” (Giáo trình dùng cho học viên cao học Giáo dục học). Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 1997[28, tr. 15].

- Quản lý là tác động có mục đích đến tập thể những con người để tổ chức và phối hợp hoạt động của họ trong quá trình lao động. TS Nguyễn Bá Sơn: Một số vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 [37, tr. 15].

Có nhiều góc độ xem xét quản lý:

- Góc độ chung nhất: quản lý là vạch ra mục tiêu cho một bộ máy, lựa chọn phương tiện, điều kiện tác động đến bộ máy để đạt tới mục tiêu.

- Góc độ kinh tế: quản lý tính toán sử dụng hợp lý các nguồn lực nhằm đạt tới mục tiêu đã đề ra.

Như vậy, quản lý bao gồm các thành phần:

. Chủ thể quản lý và tác động trong quản lý

. Mục tiêu quản lý

. Đối tượng quản lý

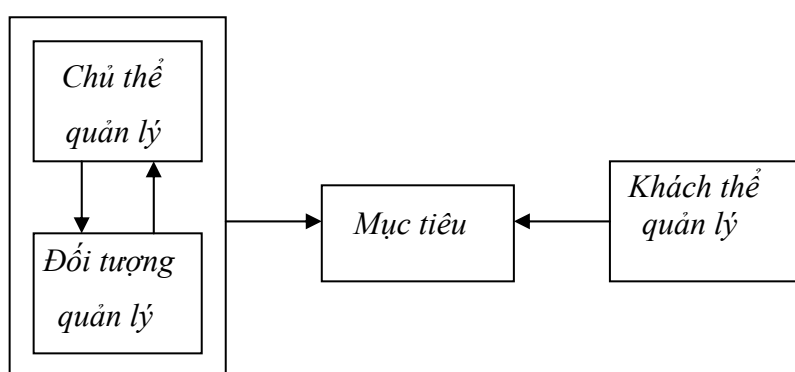
Có thể xem xét quản lý dưới 2 góc độ:

- Góc độ tổng hợp mang tính chất chính trị xã hội.

- Góc độ mang tính chất hành động.

Từ những điểm chung của các khái niệm trên, có thể hiểu: quản lý là tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý (người quản lý) lên khách thể quản lý và đối tượng quản lý trong một tổ chức nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đặt ra trong biến động của môi trường, làm cho tổ chức vận hành (hoạt động) có hiệu quả.

Sơ đồ 1.1: quan hệ trong hệ thống quản lý.



1.2.2. Quản lý giáo dục

Giáo dục xuất hiện nhằm thực hiện cơ chế truyền kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người, của thế hệ đi trước cho thế hệ sau và để thế hệ sau có trách nhiệm kế thừa, phát triển nó một cách sáng tạo, làm cho xã hội, giáo dục và bản thân con người phát triển không ngừng. Để đạt mục đích đó, quản lý được coi là nhân tố tổ chức, chỉ đạo việc thực thi cơ chế nêu trên. Như vậy, giáo dục và quản lý giáo dục là tồn tại song hành, nếu nói giáo dục là hiện tượng xã hội tồn tại lâu dài cùng xã hội loài người thì cũng có thể nói như thế về quản lý giáo dục.

Giống như khái niệm “quản lý” đã trình bày ở trên, khái niệm “quản lý giáo dục” cũng có nhiều quan niệm khác nhau. Sau đây tác giả chỉ nêu một vài quan niệm phù hợp với đề tài này.

Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Quang quan niệm “Quản lý giáo dục là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (hệ giáo dục) nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường XHCN của Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ thống giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất”[35].

Tiến sĩ Nguyễn Gia Quý “Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động giáo dục tới mục tiêu đã định, trên cơ sở nhận thức vận dụng đúng những quy luật khách quan của hệ thống giáo dục quốc dân”[36].

Theo TS Trần Kiểm thì khái niệm “quản lý giáo dục” có nhiều cấp độ. Ít nhất có hai cấp độ chủ yếu: cấp vĩ mô và cấp vi mô[28].

Đối với cấp vĩ mô: Quản lý giáo dục được hiểu là những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ cấp cao nhất đến các cơ sở giáo dục là nhà trường) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ mà xã hội đặt ra cho ngành Giáo dục.

Đối với cấp vi mô: Quản lý giáo dục được hiểu là hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, công nhân viên, tập thể học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Những khái niệm trên tuy được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng tựu trung: Quản lý giáo dục là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng, của chủ thể quản lý (người quản lý hay tổ chức quản lý) lên đối tượng giáo dục và khách thể quản lý giáo dục về các mặt chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế,... bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên

tác, các phương tiện, các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển của đối tượng.

1.2.3. Quản lý nhà trường

Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức theo các loại hình công lập, dân lập và tư thục. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc mọi loại hình đều được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục. Khái niệm quản lý trường học đã được các nhà khoa học, nhà giáo giải thích như sau:

- Trong bối cảnh xã hội Việt Nam, GS.VS Phạm Minh Hạc xác định “Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và từng học sinh”[25].

- PGS.TS Trần Tuấn Lộ quan niệm “Quản lý trường học là sự quản lý của Hiệu trưởng trường đó đối với toàn bộ những con người, những hoạt động, những tổ chức và những phương tiện vật chất, kỹ thuật, tài chính của trường để đạt cho được mục tiêu của sự giáo dục (và đào tạo) học sinh loại trường đó[29].

Trên cơ sở các khái niệm trên, có thể được hiểu “Quản lý nhà trường là những hoạt động có ý thức, có kế hoạch và hướng đích của chủ thể quản lý tác động đến các hoạt động của nhà trường hướng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo có chất lượng và hiệu quả”

1.2.4. Quản lý hoạt động giảng dạy

Hoạt động là sự tương tác giữa chủ thể và đối tượng nhằm biến đổi đối tượng theo mục tiêu mà chủ thể đặt ra. Quá trình chủ thể tác động vào đối tượng nhằm tạo ra sản phẩm.

Dạy học là dạng đặc biệt của hoạt động nhận thức, trong quá trình đó, học sinh dưới sự chỉ đạo của giáo viên đạt tới mục đích trí dục. Như vậy trí dục và dạy học gắn bó chặt chẽ với nhau: trí dục là mục đích, là kết quả của dạy học; còn dạy học là phương tiện, là con đường chính yếu để đạt tới mục đích trí dục.

Hoạt động dạy học bao gồm hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động của học sinh. Hai hoạt động này có sự gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau, tồn tại cho nhau và vì nhau.

Hoạt động dạy và học trên lớp là hoạt động chủ yếu, được tiến hành thông qua các môn học quy định theo chương trình và kế hoạch giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

Như vậy, quản lý hoạt động giảng dạy là tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo chương trình cụ thể trong điều kiện cụ thể của cơ sở vật chất, đội ngũ nhà trường. Do đó, ngoài

việc am hiểu về hoạt động dạy học như trên, để quản lý tốt, người cán bộ quản lý phải căn cứ vào: những văn bản pháp quy đối với hoạt động dạy học và các hoạt động có liên quan; thực trạng dạy học của giáo viên; sự chỉ đạo trực tiếp, cụ thể của cơ quan chuyên môn cấp trên trong từng năm, từng thời kỳ.

1.3. Một số vấn đề lý luận liên quan đến quản lý trường tiểu học

1.3.1. Trường tiểu học

Theo điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT [14].

- Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường tiểu học có nhiệm vụ tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục theo sự phân công của cấp có thẩm quyền. Tổ chức và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học của học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn quản lý của trường.

Trường tiểu học có trách nhiệm quản lý giáo viên, nhân viên, học sinh và tổ chức tham gia các hoạt động xã hội trong phạm vi cộng đồng; quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

Trường tiểu học do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quản lý. Phòng giáo dục và đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với mọi loại hình trường, lớp tiểu học và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn.

- Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia là nhà trường được xây dựng hoàn chỉnh về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học... nhằm tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện nhân cách của mình, từng học sinh có điều kiện phát triển mọi khả năng sẵn có của mình và đó chính là tiền đề, cơ sở phát triển những mầm mống tài năng của đất nước một cách cơ bản và vững chắc phục vụ kịp thời những yêu cầu của đất nước trong giai mới – công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chuẩn quốc gia về trường tiểu học nhằm xây dựng hệ thống trường tiểu học theo một mô hình thống nhất trong cả nước. Đây thực sự là dấu hiệu cơ bản đánh dấu bước phát triển mới ở bậc tiểu học – Bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.3.2. Quản lý trường tiểu học

Quản lý trường tiểu học là quản lý quá trình diễn ra trong nhà trường bằng cách sử dụng có hiệu quả nhất đầu vào (cơ sở vật chất, tài chính, nguồn nhân lực) để đạt kết quả đào tạo có chất lượng cao nhất khi sử dụng các phương pháp, phương tiện phù hợp với các quy luật tâm lý, quy luật giáo dục học, để tiến hành việc biến đổi đối tượng đào tạo từ chưa biết đến biết.

Theo Điều lệ trường tiểu học về cơ cấu bộ máy quản lý và các mối quan hệ phối hợp quản lý được thể hiện như sau:

- Hiệu trưởng trường tiểu học là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm đối với các trường công lập, công nhận đối với trường tiểu học tư thục theo đề nghị của Trưởng phòng giáo dục và đào tạo. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng trường công lập là 5 năm; hết nhiệm kỳ, Hiệu trưởng được luân chuyển đến một trường khác lân cận hoặc theo yêu cầu điều động. Hiệu trưởng chỉ được giao quản lý một trường tiểu học.

Sau mỗi năm học, Hiệu trưởng trường tiểu học được cấp thẩm quyền đánh giá về công tác quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Hiệu trưởng trường tiểu học phải là giáo viên có thời gian dạy học ít nhất 3 năm ở cấp tiểu học, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý trường học và có sức khỏe. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt của công việc, người được bổ nhiệm hoặc công nhận Hiệu trưởng có thể có thời gian dạy học ít hơn theo quy định.

Hiệu trưởng trường tiểu học là người đại diện cho trường về mặt pháp lý, có trách nhiệm và thẩm quyền cao nhất về hành chính, chuyên môn trong trường, là người trực tiếp tổ chức, quản lý, chỉ đạo việc thực hiện các công tác của trường theo đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, pháp luật, thể lệ quy định của Nhà nước và mục tiêu, chương trình, nội dung kế hoạch giáo dục của Bộ GD&ĐT.

Hiệu trưởng trường tiểu học là người tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương (xã, phường) các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục, là người tuyên truyền vận động các đoàn thể, tổ chức xã hội và cha mẹ học sinh tham gia vào việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Hiệu trưởng trường tiểu học là nhà giáo dục có tâm hồn, phẩm chất cao đẹp; có trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đồng thời là người hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên nhà trường.

- Hiệu trưởng trường tiểu học có nhiệm vụ và quyền hạn:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục từng năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;

Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường;

Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách;

Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy bình quân 2 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định;

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

Tổ chức học tập bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ và nhân viên; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho giáo viên, cán bộ, nhân viên.

Thường xuyên cải tiến công tác quản lý trường học, đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường đồng bộ, có hiệu quả.

- *Phó Hiệu trưởng trường tiểu học:*

Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm đối với trường công lập, công nhận

đối với trường tư thục theo đề nghị của Trường phòng Giáo dục và Đào tạo. Trường hạng I có 2 Phó Hiệu trưởng; trường hạng II, hạng III có 1 Phó Hiệu trưởng; trường tiểu học có từ 20 học sinh khuyết tật trở lên được bố trí thêm 1 Phó Hiệu trưởng. Các hạng I, II, III của trường tiểu học được quy định tại Thông tư 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 liên tịch Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập[12].

Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Phó Hiệu trưởng trường tiểu học phải là giáo viên có thời gian dạy học ít nhất 2 năm ở cấp tiểu học, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý trường học và có sức khỏe. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt của công việc, người được bổ nhiệm hoặc công nhận Phó Hiệu trưởng có thể có thời gian dạy học ít hơn theo quy định.

Phó Hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do Hiệu trưởng phân công. Điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền;

Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy bình quân 4 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.

1.3.3. Giáo viên tiểu học

Giáo viên trường tiểu học là người làm nhiệm vụ giảng dạy giáo dục học sinh trong trường tiểu học và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học. Giáo viên tiểu học là người góp phần quyết định trong việc thực hiện có chất lượng hoạt động dạy và hoạt động học.

Giáo viên tiểu học là người thầy đầu tiên gần gũi và có uy tín đối với học sinh tiểu học. Lời nói, cử chỉ, cuộc sống và lao động sư phạm của họ có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển nhân cách của mỗi học sinh.

Giáo viên tiểu học là người có hiểu biết, có uy tín và gắn bó với cộng đồng. Hoạt động của họ trong và ngoài nhà trường có tác động to lớn đến sinh hoạt văn hóa và đời sống ở địa phương. Đặc biệt ở các vùng núi cao xa xôi hẻo lánh, vùng dân tộc thiểu số.

Nhiệm vụ của giáo viên tiểu học:

Giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lý học sinh trong các hoạt động

giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Rèn luyện sức khỏe, học tập văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục

Phối hợp với Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh, với gia đình học sinh và các tổ chức xã hội có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục.

1.3.4. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên tiểu học

Trong giảng dạy người giáo viên không những truyền đạt thông tin, kiến thức cho học sinh mà còn tổ chức, hướng dẫn điều khiển quá trình nhận thức của học sinh. Mặt khác người giáo viên còn tổ chức cho học sinh các hoạt động giáo dục, tạo điều kiện để học sinh có thể hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết cho việc lao động và sinh hoạt trong một xã hội không ngừng biến đổi. Ngoài ra người giáo viên còn nghiên cứu khoa học và tham gia nhiều hoạt động xã hội khác phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục học sinh. Từ cách nhìn nhận về người giáo viên tiểu học như trên, có thể thấy lao động sư phạm của người giáo viên có những đặc điểm cơ bản sau:

- Hoạt động của người giáo viên tiểu học rất đa dạng, phong phú nhưng cũng rất phức tạp. Lao động sư phạm là một nội dung lao động nghề nghiệp đặc biệt có những nét đặc thù do mục đích, đối tượng và công cụ của lao động sư phạm qui định.

Lao động sư phạm là quá trình tác động qua lại giữa người dạy và người học. Trong đó người dạy là những người có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ nghề nghiệp, còn người học có nhiệm vụ học tập, tiếp thu những giá trị văn hóa của xã hội loài người.

- Đối tượng lao động sư phạm của người giáo viên tiểu học rất đa dạng, phong phú, có những đặc điểm tâm sinh lý riêng. Sản phẩm của lao động sư phạm được thể hiện ra tri thức, thể chất, kĩ năng, ý chí, phẩm chất và tính cách của học sinh. Do đó, người giáo viên tiểu học cần phải tổ chức, điều khiển quá trình tác động sư phạm một cách hợp qui luật.

Đối tượng lao động của sư phạm là học sinh tiểu học, chúng không chỉ chịu tác động của giáo viên, nhà trường mà còn chịu ảnh hưởng của gia đình, bạn bè, các phương tiện thông tin đại chúng... Những tác động này có mặt tích cực hoặc tiêu cực, tự giác hoặc tự phát theo nhiều mức độ và cách thức khác nhau. Vì vậy lao động sư phạm của người giáo viên tiểu học có nhiệm vụ điều chỉnh mọi tác động từ các phía đến người học sinh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

- Để tác động đến học sinh tiểu học – đối tượng đặc biệt của lao động sư phạm, người giáo viên cần có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết để giáo dục học sinh và tổ chức các dạng hoạt động như học tập, vui chơi giải trí... Đồng thời giáo viên là người đào luyện con người, vì vậy người giáo viên tiểu học cần phải giảng dạy và giáo dục học sinh với tất cả tình cảm và tâm hồn mình. Mặt khác nhân cách của người giáo viên tiểu học cũng có ý nghĩa giáo dục rất quan trọng và ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển nhân cách của học sinh.

Ngoài những công cụ lao động sư phạm trên còn phải kể đến những phương tiện tác động khác như đồ dùng dạy học, thiết bị kỹ thuật... có tác dụng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh.

1.3.5. Những văn bản chỉ đạo của trung ương và địa phương về quản lý giảng dạy ở tiểu học

- Ngày 15 tháng 6 năm 2004, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Mục tiêu là xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm, tay nghề của nhà giáo, thông qua việc quản lý, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả sự nghiệp giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Ngày 11 tháng 1 năm 2005 Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã ký quyết định số 09/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010”. Mục tiêu tổng quát là xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn của nhà giáo, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”[17].

- Ngày 18 tháng 3 năm 2004, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ký quyết định về Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá IX, trong đó có ghi: “Nhanh chóng triển khai thực hiện đề án Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý”.

- Chương trình tiểu học được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là chương trình để đảm bảo sự thống nhất về dạy học và giáo dục trong phạm vi cả nước, được vận dụng linh hoạt theo đặc điểm từng vùng, từng địa phương, từng đối tượng học sinh[11].

- Điều lệ trường tiểu học được ban hành theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều lệ quy định tổ chức và hoạt động của trường tiểu học bao gồm: tổ chức và quản lý nhà trường; chương trình và các hoạt động giáo dục; giáo viên; học sinh; tài sản của nhà trường; nhà trường, gia đình và xã hội[14].

- Kế hoạch số 1142/KH-SGD&ĐT ngày 21/8/2006 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau, về việc thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Cà Mau giai đoạn 2005-2010”[47].

1.3.6. Nội dung quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học.

1.3.6.1. Quản lý mục tiêu giáo dục tiểu học.

Mục tiêu của GDTH theo điều 27 – Luật giáo dục năm 2005 có ghi: “Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở” [30]. Song trong quá trình thực hiện giáo dục, cần phát triển tính sáng tạo, khả năng độc lập giải quyết vấn đề.

Quản lý mục tiêu giáo dục tiểu học được cụ thể hóa thành quản lý các mục tiêu của các môn học và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình tiểu học. Đặc biệt, được cụ thể hóa và quản lý thực hiện các yêu cầu cơ bản cần đạt của học sinh tiểu học bao gồm các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thói quen, niềm tin, thái độ, hành vi, định hướng...

Quản lý mục tiêu giáo dục là quản lý việc thực hiện các yêu cầu về nội dung giáo dục tiểu học. Đó là “Giáo dục tiểu học phải đảm bảo cho học sinh có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát múa, âm nhạc, mỹ thuật”.

Quản lý mục tiêu giáo dục là sự phối hợp điều khiển các tác động có chủ đích vào đối tượng (học sinh) giáo dục để các khía cạnh của mục tiêu giáo dục được thực hiện một cách đồng bộ.

1.3.6.2. Quản lý việc phân công giảng dạy

Phân công giảng dạy cho giáo viên là khâu đầu tiên và quan trọng trong việc sử dụng nhân sự, do đó nếu Hiệu trưởng hiểu đúng, biết rõ, đánh giá chính xác từng giáo viên để phân công một cách hợp lý, phù hợp với khả năng, đúng sở trường thì sẽ tạo cho họ có niềm tin trong nghề nghiệp và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Hiệu trưởng phân công giáo viên cần đảm bảo nguyên tắc kết hợp giữa yêu cầu công tác và khả năng chuyên môn nghiệp vụ của từng người, đồng thời phân công theo hướng chuyên sâu những giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng nên được bố trí dạy ở các lớp đầu cấp và cuối cấp, trong đó có một số trường hợp phân công giáo viên theo lớp suốt cấp học. Hiện nay, do yêu cầu phải dạy đủ 9 môn nên việc bố trí giảng dạy ở một số môn năng khiếu (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục) có thể mời giáo viên thỉnh giảng để đảm trách các môn này.

Việc phân công giảng dạy phải căn cứ vào năng lực của giáo viên, điều kiện cụ thể của nhà trường, quyền lợi của học sinh, đặc điểm yêu cầu của đối tượng học sinh theo từng lớp, có tham khảo nguyện vọng của giáo viên và phải mang tính ổn định.

Việc phân công giáo viên có thể thực hiện như sau:

- Trên cơ sở thống kê trình độ, năng lực và tình hình thực tế của từng giáo viên, Hiệu trưởng dự kiến phân công;
- Tham khảo ý kiến của phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn;
- Thảo luận tại phiên họp liên tịch;
- Ra quyết định phân công.

Phân công giáo viên đúng với khả năng sẽ đem lại hiệu quả tốt. Ngược lại, nếu phân công không đúng nguyên tắc, nặng về cảm tính, tình cảm cá nhân sẽ dẫn đến hậu quả xấu đối với công tác quản lý giảng dạy. Do đó, người Hiệu trưởng phải lựa chọn và cân nhắc kỹ lưỡng trước khi phân công để phát huy tối đa năng lực của đội ngũ giáo viên.

1.3.6.3. Quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên

- Quản lý việc thực hiện chương trình.

Điều 3 trong điều lệ trường tiểu học ban hành năm 2007 có ghi: “Trường tiểu học có nhiệm vụ tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành”[14].

Chương trình tiểu học được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là chương trình khung để đảm bảo sự thống nhất về dạy học và giáo dục trong phạm vi cả nước, được vận dụng linh hoạt theo đặc điểm từng vùng, từng địa phương, từng đối tượng học sinh[11].

Thực hiện chương trình dạy học là thực hiện kế hoạch giảng dạy theo mục tiêu giáo dục tiểu học. Về nguyên tắc chương trình là pháp lệnh nhà nước do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Hiệu trưởng phải tổ chức đề cán bộ, giáo viên nhà trường quán triệt đầy đủ chương trình tiểu học; quán triệt các hướng dẫn thực hiện và các chỉ thị năm học của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng điều khiển hoạt động dạy học phải dựa vào nội dung chương trình theo yêu cầu và hướng dẫn của chương trình. Do đó, việc nắm vững chương trình dạy học là một tiền đề để đảm bảo hiệu quả quản lý dạy và học, cụ thể là nắm vững những vấn đề:

- . Những nguyên tắc cấu tạo chương trình của cấp học;
- . Những nguyên tắc cấu tạo chương trình dạy học môn học, nội dung phạm vi kiến thức của từng môn học;
- . Phương pháp dạy học đặc trưng của từng môn học;
- . Kế hoạch dạy học từng môn học.

Quản lý việc thực hiện chương trình dạy học của giáo viên là quản lý việc dạy đúng và đủ chương trình quy định. Thực hiện yêu cầu này, người hiệu trưởng làm tốt một số việc sau đây:

- . Yêu cầu giáo viên lập kế hoạch dạy học môn học. Đây là kế hoạch chủ yếu của người giáo viên và cần phải được trao đổi trong tổ chuyên môn;
- . Bảo đảm thời gian qui định cho chương trình (trong chỉ thị của Bộ GD&ĐT gọi là biên chế năm học). Nghiêm cấm việc cắt xén chương trình để dành thời gian cho những hoạt động khác;
- . Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và tổ chuyên môn phải theo dõi việc thực hiện chương trình hàng tuần, hàng tháng của giáo viên;
- . Sử dụng các phương tiện hỗ trợ cho việc theo dõi như biểu bảng, sổ sách, phiếu báo giảng, sổ dự giờ, lịch kiểm tra học tập, sổ ghi đầu bài...

- Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp.

Chuẩn bị giờ lên lớp là khâu quan trọng nhất của người giáo viên, do đó quản lý tốt việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên là trách nhiệm của Hiệu trưởng.

Soạn bài là khâu chuẩn bị cần thiết của giáo viên cho giờ lên lớp, nó thể hiện các vấn đề về nội dung; phương pháp giảng dạy và phải sát với từng đối tượng học sinh, đúng yêu cầu của chương trình quy định.

Để quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên có hiệu quả, Hiệu trưởng cần hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch bài dạy, biết và thực hiện đúng các quy định, các yêu cầu chung về soạn bài phù hợp với tình hình cụ thể của trường. Chuẩn bị và hướng dẫn các quy định về cung cấp, sử dụng sách, tài liệu, trang thiết bị phục vụ dạy học theo quy định và theo thực tế của trường. Để quản lý tốt việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên, Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn:

- . Giúp đỡ giáo viên chuẩn bị soạn bài khó;
- . Tổ chức trao đổi trong tổ những vấn đề liên quan đến giờ lên lớp;
- . Chuẩn bị tốt các phương tiện dạy học cần thiết cho giờ lên lớp;
- . Kiểm tra, theo dõi, nắm tình hình soạn bài để kịp thời khuyến khích hoặc nhắc nhở giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn.

- Quản lý giờ lên lớp của giáo viên.

Giờ lên lớp là hình thức tổ chức cơ bản và chủ yếu nhất của quá trình dạy học để thực hiện mục tiêu dạy học. Giờ lên lớp quyết định chất lượng dạy học cơ bản, trong đó giáo viên là người trực tiếp quyết định và chịu trách nhiệm. Do vậy, giờ lên lớp thể hiện rõ nhất trách nhiệm và khả năng của GV.

Để quản lý giờ lên lớp có hiệu quả, yêu cầu trong quản lý là:

. Xây dựng được tiêu chuẩn giờ lên lớp là nội dung cần thiết, đây là cơ sở để giáo viên nhận thấy được trình độ nghề nghiệp của mình đạt ở mức độ nào so với chuẩn, từ đó có hướng phấn đấu vươn lên;

. Xây dựng nề nếp giờ lên lớp sẽ giúp giáo viên có thói quen tự giác và nghiêm túc trong khi lên lớp là cơ sở để tác động một cách tích cực để giờ lên lớp góp phần thực hiện mục tiêu dạy học.

. Hiệu trưởng sử dụng tiêu chuẩn đánh giá giờ lên lớp làm cơ sở kiểm tra, đánh giá và từng bước nâng cao chất lượng giờ lên lớp.

- Quản lý việc dự giờ.

Dự giờ và phân tích sự phạm bài học để chỉ đạo hoạt động chính là một nhiệm vụ trọng tâm của Hiệu trưởng, là công việc đặc thù, cơ bản làm cho việc quản lý trường học khác với các dạng quản lý khác.

Trong quản lý hoạt động giảng dạy có hiệu quả khi có tác động tích cực vào giờ lên lớp tốt. Do vậy, việc dự giờ, phân tích sự phạm bài học là biện pháp quan trọng nhất trong việc quản lý giờ lên lớp.

- Hiệu trưởng phải nắm vững lý luận dạy học và lý thuyết về bài học; nắm được một số quan điểm trong phân tích sự phạm bài học và tổ chức tốt việc dự giờ trong trường (có kế hoạch, chuẩn đánh giá, hồ sơ lưu trữ ...);

- Chỉ đạo phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn nghiên cứu lý thuyết dự giờ và phân tích sự phạm bài học giúp giáo viên thống nhất về cách xem xét, đánh giá khi phân tích bài dạy; biết chú ý đến những vấn đề có tác dụng nâng cao trình độ nghiệp vụ của bản thân.

- Quản lý việc cải tiến phương pháp giảng dạy.

Ở cấp tiểu học vai trò của phương pháp dạy học rất quan trọng, phương pháp dạy học được thể hiện từ khâu lựa chọn và trình bày nội dung dạy học trong chương trình, sách giáo khoa đến khâu dạy học trên lớp và tự học của học sinh. Có thể nói phương pháp dạy học ở tiểu học trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng dạy học, do đó việc quản lý cải tiến phương pháp là yếu tố quan trọng trong việc quản lý hoạt động giảng dạy của người giáo viên.

Trong trường tiểu học, quản lý phương pháp dạy học là tổ chức, điều phối sao cho các phương pháp bổ sung, hỗ trợ nhau nhằm hoàn thành nội dung và hướng tới việc thực hiện mục tiêu dạy học quy định. Trước hết giáo viên cần nắm vững chương trình, nội dung sách giáo khoa, yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng môn học. Do đó, cần tiếp tục bồi dưỡng giáo viên để có thể giảng dạy chất lượng các môn học và trong quản lý chỉ đạo cần thực hiện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo trong học tập và trong các hoạt động. Trong quá trình giảng dạy trên lớp được diễn ra nhẹ nhàng, tự nhiên, chất lượng và hiệu quả; ủng hộ cải tiến phương pháp giáo dục, giảng dạy phù hợp với đặc trưng từng bộ môn văn hóa làm sao cho học sinh học tập tích cực, chủ động; cổ vũ, thúc đẩy việc cải tiến hình thức tổ chức giáo dục, dạy học làm cho việc dạy và học sinh động, đạt chất lượng

Cùng với yêu cầu cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập, các trường cần chú ý đến yêu cầu tăng cường mua sắm dụng cụ, trang thiết bị dạy học và tổ chức tốt việc sử dụng, bảo quản, duy trì phong trào tự làm đồ dùng dạy học và dự thi sử dụng đồ dùng dạy học.

1.3.6.4. Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh là quá trình thu thập, xử lý thông tin về trình độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên; từ những thông tin và kết quả đó làm cơ sở trong quá trình điều chỉnh việc giảng dạy của giáo viên.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh là một nội dung cần thiết trong quá trình giảng dạy. Kết quả học tập của học sinh là cơ sở phản ánh chất lượng giảng dạy của giáo viên.

Trên những cơ sở đó việc quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, Hiệu trưởng cần chú ý:

- Phải thực hiện một cách nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện đúng theo nguyên tắc đánh giá xếp loại của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh;

- Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm tác động trực tiếp đến giáo viên để họ thực hiện đầy đủ và khoa học, qua đó xác định được mức độ chất lượng học tập của học sinh và năng lực giảng dạy của giáo viên, thấy được những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo và đầu tư.

1.3.6.5. Quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

Nhân tố quyết định chất lượng học tập của học sinh là chất lượng của giáo viên. Vì vậy công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên là điều kiện tiên quyết nhằm khẳng định sự tồn tại của nhà trường trong xu thế hiện nay.

Nâng cao chuyên môn giáo viên còn có ý nghĩa bền vững, có tác dụng lâu dài cho sự phát triển của nhà trường và trước mắt là đáp ứng yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp theo chương trình - sách giáo khoa mới. Muốn vậy, Hiệu trưởng cần giúp cho giáo viên cần rèn luyện năng lực chuyên môn vững vàng thể hiện ở hai lĩnh vực là kiến thức và kỹ năng sư phạm. Nội dung và các hình thức bồi dưỡng bao gồm:

- Bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ chương trình của Bộ GD&ĐT.
- Đào tạo chuẩn hóa và nâng chuẩn đội ngũ giáo viên là yêu cầu cấp bách nhằm đáp ứng việc thực hiện chương trình Tiểu học mới.
- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên phải được tổ chức thường xuyên. Nội dung chủ yếu của hình thức bồi dưỡng này là cập nhật kiến thức, hướng dẫn rèn luyện kỹ năng giảng dạy các môn học, hướng dẫn cải tiến phương pháp giảng dạy.

Quản lý công tác bồi dưỡng chuyên môn giáo viên là quá trình thường xuyên liên tục gắn với công việc hằng ngày và được quyết định bởi chính sự cố gắng học hỏi của mỗi giáo viên dưới sự giúp đỡ của đồng nghiệp và các lực lượng khác.

1.3.6.6. Quản lý cơ sở vật chất – trang thiết bị dạy học

Các yếu tố về cơ sở vật chất – trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy tuy không thực tiếp làm thay đổi quá trình dạy học, song nó đóng vai trò rất quan trọng vì chúng tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả. Quản lý tốt cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học sẽ có tác động tích cực đối với việc nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên.

Để khai thác một cách triệt để các phương tiện và điều kiện hỗ trợ giảng dạy, Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn tổ chức hướng dẫn giáo viên sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học, đồng thời tăng cường sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất – thiết bị dạy học; đẩy mạnh phong trào thi đua trong giáo viên về sử dụng thiết bị dạy học và tự làm đồ dùng dạy học.

Nâng cao chất lượng các thiết bị thông tin, thiết bị nghe nhìn để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên sử dụng hiệu quả các thiết bị theo chương trình dạy học mới.

Để quản lý cơ sở vật chất – trang thiết bị dạy học, Hiệu trưởng cần đảm bảo cho GV có đủ phương tiện giảng dạy bằng việc khai thác triệt để các nguồn cung cấp và hằng năm cần có kế hoạch mua sắm, bổ sung trang thiết bị dạy học.

1.3.6.7. Tổ chức công tác thi đua khen thưởng

Công tác thi đua là công việc được thực hiện thường xuyên trong năm học ở tất cả các trường nhằm động viên, khuyến khích các thành viên trong tập thể sư phạm khắc phục khó khăn và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh đạt thành tích trong học tập.

Quản lý thi đua trong nhà trường không chỉ dựa vào kết quả cuối năm, mà còn phải dựa vào những hoạt động khác được diễn ra trong suốt năm học, tránh bệnh thành tích trong quá trình thực hiện. Chính vì thế, Hiệu trưởng cần có sự chỉ đạo thống nhất các hình thức thi đua ở trường, theo dõi chặt chẽ các hoạt động thi đua và đồng thời phải có chế độ khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần thi đua trong toàn trường.

Kết luận chương 1

Tóm lại, hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm của nhà trường tiểu học. Đó là nhiệm vụ, trách nhiệm của người cán bộ quản lý trường tiểu học và còn là con đường trực tiếp, thuận lợi để giúp cho giáo viên thực hiện chức năng cao quý của mình, qua đó học sinh lĩnh hội được khối lượng kiến thức và giá trị tinh thần của nhân loại. Hoạt động dạy học do nhiều người tham gia, chiếm giữ thời gian lớn, diễn ra liên tục trong suốt năm học. Hoạt động này đòi hỏi năng lực chuyên sâu của thầy và sự hợp tác có phương pháp của trò. Vì thế, quản lý hoạt động dạy

học là một việc khó khăn và phức tạp, đòi hỏi người cán bộ quản lý phải có nhận thức đầy đủ về hoạt động dạy học và cần quản lý nó trong mối tương quan với các hoạt động khác trong trường; cần nắm được những kỹ năng cụ thể, cơ bản về tổ chức, quản lý hoạt động này mới đem lại được hiệu quả mong muốn.

Qua phân tích cơ sở lý luận và những vấn đề chúng tôi trình bày ở trên, cho thấy cơ sở lý luận nêu trên là cần thiết, song nếu chúng ta đánh giá đúng thực trạng, xác định đúng nguyên nhân việc quản lý hoạt động giảng dạy của trường tiểu học trên một địa bàn và ở một địa phương cụ thể, thì nó sẽ là cơ sở quan trọng để đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học một cách có hiệu quả nhất. Vấn đề này sẽ được chúng tôi giải quyết ở các chương tiếp theo.

Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TP CÀ MAU

2.1. Khái quát về tình hình kinh tế, xã hội và giáo dục của thành phố Cà Mau

2.1.1 Tình hình kinh tế, xã hội

Thành phố Cà Mau là cửa ngõ của tỉnh trên trục đường chiến lược quốc lộ 1A và quốc lộ 63, cách Thành phố Hồ Chí Minh 350km, cách Cần Thơ 180km về phía Bắc và nối dài tới thị trấn Năm Căn.

Thành phố Cà Mau hiện là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Cà Mau, nằm cuối cùng của cực nam đất nước, có diện tích tự nhiên 245,8 km², dân số khoảng 202.471 người (số liệu Niên giám thống kê năm 2005), có 15 đơn vị hành chính cơ sở (gồm 8 phường và 7 xã).

Thành phố Cà Mau là thành phố trẻ được công nhận từ năm 2002 là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Cà Mau với cơ cấu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỉ trọng 55,9%, thương mại – dịch vụ chiếm 37,7% và nông nghiệp chiếm là 6,4% (số liệu năm 2005) tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm trên 10%. Thành phố Cà Mau có thế mạnh về thương mại – dịch vụ và tiềm năng du lịch và đặc biệt thành phố Cà Mau có khu “*Khi điện đạm*” đã tạo cho Cà Mau từng bước chuyển mình thành khu công nghiệp lớn ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long. Hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống lưới điện quốc gia phủ khắp các xã, phường đã góp phần tạo nên bộ mặt của một xã hội văn minh.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, thành phố Cà Mau đã từng bước phát triển ngày càng vững mạnh.

2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo TP Cà Mau

- Về thuận lợi và thành tựu

Thành ủy, UBND thành phố Cà Mau luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, được thể hiện trong các nghị quyết, đề án, chương trình hành động và phương hướng phát triển GD&ĐT đến năm 2010.

Hệ thống mạng lưới trường lớp từ mầm non, tiểu học đến trường trung học cơ sở được phát triển và bố trí một cách hợp lý trên địa bàn (18 trường mầm non, 33 trường tiểu học, 14 trường THCS), đã tạo cho thành phố Cà Mau một thế mạnh vững chắc trong công cuộc đổi mới giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được đầu tư và phát triển đủ về số, đảm bảo về chất và đồng bộ về cơ cấu. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện kịp thời, phù hợp với điều kiện và năng lực công tác. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được đầu tư và quan tâm đúng mức, cơ bản đã đảm bảo được yêu cầu về chuẩn đào tạo và đã giải quyết được tình trạng thiếu giáo viên. Công tác xã hội hóa giáo dục được triển khai tốt và có hiệu quả. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp được tăng cường đầu tư xây dựng, trang bị theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa.

Thành phố Cà Mau được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ năm 1997; phổ cập tiểu học đúng độ tuổi năm 2000 và công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2005. Hiện nay, TP Cà Mau đang đầu tư xây dựng và có nhiều giải pháp để thực hiện 20% số xã, phường được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học. Tính đến năm học 2007-2008, thành phố Cà Mau đã có 2 trường Mầm non, 2 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Những phát triển trên đây, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đã tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế, tài nguyên, môi trường cũng như những vấn đề xã hội khác của tỉnh.

- Về khó khăn và tồn tại

Tuy có những thuận lợi và thành tựu nói trên song giáo dục thành phố Cà Mau vẫn còn những thách thức khó khăn và tồn tại.

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục còn hạn chế; quản lý còn nặng về hành chính sự vụ. Vì thế, các cấp quản lý thiếu chủ động trong thực hiện.

Đội ngũ cán bộ quản lý các trường học thuộc thành phố Cà Mau vừa thiếu, vừa không đồng bộ về cơ cấu và trình độ đã ảnh hưởng đến chất lượng chỉ đạo và quản lý giáo dục.

Mặt khác, một bộ phận đội ngũ giáo viên ở thành phố Cà Mau chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong công cuộc đổi mới giáo dục, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học. Sự thừa, thiếu không đồng bộ diễn ra ở các cấp học, thừa giáo viên tiểu học, thiếu giáo viên mầm non, thiếu giáo viên trung học cơ sở và ở các môn đặc thù: Nhạc, Hoạ, Công nghệ, Thể dục trước yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, việc đánh giá, sắp xếp, phân loại lại đội ngũ thừa, thiếu không đồng bộ này không chỉ là đòi hỏi bức xúc của tỉnh, mà còn là của giáo dục cơ sở.

Đa số các trường học thiếu phòng chức năng, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện trường học. Các điều kiện, phương tiện phục vụ dạy - học còn thiếu thốn nhiều nhất là các điểm

trường ở xã (cả thành phố cho đến nay chỉ có 2 trường Mầm non, 2 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia).

Với những khó khăn và tồn tại trên tác động đến quy mô phát triển và chất lượng giáo dục Cà Mau sẽ khó gỡ, nếu không có những giải pháp đầu tư mạnh, mang tính đột phá.

2.2. Thực trạng giáo dục tiểu học ở TP Cà Mau

2.2.1. Tình hình phát triển giáo dục tiểu học của TP Cà Mau

Theo báo cáo của Phòng GD&ĐT TP Cà Mau về tình hình phát triển trường lớp từ năm học 2003-2004 đến năm học 2007-2008 được thống kê như sau:

Bảng 2.1: Tình hình phát triển trường lớp giáo dục tiểu học từ năm học 2003-2004 đến năm học 2007-2008

TT	NĂM HỌC	TỔNG SỐ					Tỉ lệ GV/lớp	Trường đạt chuẩn
		Trường	Lớp	Học sinh	Giáo viên	Tỉ lệ HS/lớp		
1	2003 – 2004	33	706	21399	999	28,8	1,4	1
2	2004 – 2005	33	688	19733	1167	26,6	1,6	
3	2005 – 2006	33	669	18281	1073	27,3	1,5	
4	2006 – 2007	33	674	18500	986	27,4	1,4	1
5	2007 – 2008	33	672	18748	1059	27,8	1,5	

(Nguồn Phòng GD &ĐT thành phố Cà Mau năm 2008)

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 2.1 cho thấy về quy mô phát triển trường lớp, đội ngũ giáo viên và học sinh tiểu học của thành phố Cà Mau đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổng số lớp trên trường không quá 30 lớp, sĩ số học sinh/lớp không quá 35HS/lớp thực hiện đúng theo Điều lệ trường tiểu học; tỉ lệ giáo viên bình quân trên lớp đảm bảo được yêu cầu dạy 1 buổi/ ngày, nhưng nếu giảng dạy 2 buổi/ ngày thì còn thiếu giáo viên theo quy định của điều lệ trường tiểu học.

- Số lượng học sinh tiểu học theo thống kê trên hàng năm đều có giảm, đây là xu hướng chung của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cũng như cả nước, do sau khi các tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học – xóa mù chữ và do việc sinh đẻ có kế hoạch...,

tuy nhiên việc duy trì sĩ số vẫn được đảm bảo và những năm gần đây số học sinh càng ngày càng ổn định. Năm học 2006-2007 so với năm học 2007-2008 tăng 248 học sinh (tỉ lệ 1,3%).

- Số trường tiểu học trong 5 năm qua đạt mức chất lượng tối thiểu chiếm tỷ lệ 97%, tuy nhiên trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia còn quá ít, chỉ có 2/33 trường tiểu học (tỷ lệ 6%). Nguyên nhân do điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên... còn nhiều khó khăn, nhất là các trường ở các xã vùng nông thôn.

2.2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học TP Cà Mau

Ngành GD&ĐT TP Cà Mau đã xác định đội ngũ cán bộ quản lý là lực lượng quan trọng trong việc điều hành, tổ chức và quản lý việc giảng dạy theo chương trình, sách giáo khoa mới. Do đó, việc đề bạt, điều động đội ngũ cán bộ quản lý theo từng năm học được thực hiện theo đúng quy định và đến năm học 2007-2008 kết quả được thể hiện theo bảng thống kê 2.2 Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học TP. Cà Mau năm học 2007-2008.

Bảng 2.2: Tình hình đội ngũ CBQL trường tiểu học TP Cà Mau

CÁN BỘ QUẢN LÝ	Số lượng		Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị			Thâm niên quản lý			Đã bồi dưỡng quản lý	
	TS	Nữ	ĐH	CD	TH	CC	TC	SC	<5	5-10	>10	HT	PHT
Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng	87	27	66	2	19	1	36	28	16	33	38	33	49
			87			65			87			82	

- Về số lượng: năm học 2007-2008 tổng số cán bộ quản lý các trường tiểu học thành phố Cà Mau hiện có 87, trong đó có 27 là cán bộ nữ chiếm tỷ lệ thấp (tỷ lệ 31%), đây là điều ngành giáo dục và đào tạo thành phố cần quan tâm bồi dưỡng đề bạt cán bộ quản lý nữ trong những năm học tới.

- Về trình độ đào tạo: đội ngũ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng các trường tiểu học có nhiều thuận lợi là tất cả đều có trình độ từ Trung học sư phạm trở lên, trong đó có 68/87 CBQL có trình độ Cao đẳng sư phạm và Đại học sư phạm (chiếm tỷ lệ 78,16%). Tuy nhiên, hiện vẫn còn 19/87 CBQL (chiếm tỷ lệ 21,84%) có trình độ Trung học sư phạm, do đó ngành GD&ĐT thành phố Cà Mau cần phải có kế hoạch để bồi dưỡng nâng chuẩn trong những năm tiếp theo.

- Về thâm niên và trình độ quản lý: Đa số Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có thời gian thời gian quản lý từ 5 năm trở lên khá nhiều có 71/87 CBQL (chiếm tỷ lệ 81,60%) và đã được bồi dưỡng về công tác quản lý là 82/87 CBQL (chiếm tỷ lệ 94,25%), đây là điểm thuận lợi trong việc chỉ đạo và quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học.

2.2.3. Tình hình đội ngũ giáo viên tiểu học của TP Cà Mau

Đội ngũ giáo viên tiểu học có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chất lượng giáo dục theo mục tiêu đào tạo. Đầu tư và phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số, mạnh về chất và đồng bộ về cơ cấu là cơ sở để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục. Do đó, để quản lý hoạt động giảng dạy tốt thì việc đầu tiên là phải nắm được tình hình đội ngũ GV

Tiến hành điều tra, khảo sát đội ngũ giáo viên của 33 trường tiểu học TP Cà Mau năm học 2007-2008, kết quả được thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: Tình hình đội ngũ GV tiểu học TP Cà Mau năm học 2007-2008.

Số GV		Độ tuổi		Trình độ chuyên môn			Thâm niên công tác		Chất lượng giảng dạy		
TS	Nữ	30-40	Trên 41	ĐH	TH	9+3	11-15	>15	Khá giỏi	TB	Yếu
1059	822	544	195	229	96	734	319	345	817	152	90

- *Về số lượng:* Năm học 2007-2008, tổng số đội ngũ giáo viên trường tiểu học thành phố Cà Mau hiện có 1059/ 822 nữ, số giáo viên nữ chiếm tỷ lệ khá cao (tỷ lệ 77,84%), đây là tính đặc thù của bậc tiểu học. Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,5 đảm bảo theo yêu cầu quy định.

- *Về độ tuổi và thâm niên công tác:* Đội ngũ giáo viên trường tiểu học thành phố Cà Mau có tuổi đời khá cao, số GV có tuổi đời từ 30 đến 40 tuổi là 544/1059 người (chiếm tỷ lệ 51,36%), và trên 41 tuổi là 195/1059 người (chiếm tỷ lệ 18,41%). Đây là điều khó khăn của nhà trường trong việc đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cho GV giảng dạy. Về thâm niên công tác lại có điểm thuận lợi hơn, số GV có tuổi nghề từ 11 năm trở lên khá cao 664/1059 GV (chiếm tỷ lệ 62,7%), với lực lượng này có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục. Đa số giáo viên giỏi cấp thành phố và cấp tỉnh đa số nằm trong đội ngũ này, họ là lực lượng nòng cốt của ngành trong việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa tiểu học, thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học trong nhiều năm nay.

- *Về trình độ chuyên môn:* Qua thống kê cho thấy về trình độ chuyên môn đội ngũ giáo viên tiểu học của thành phố Cà Mau còn nhiều bất cập, số giáo viên có trình độ đại học tương đối nhiều 229/1059 GV (chiếm tỷ lệ 21,62%), trong khi đó số giáo viên còn trình độ hệ 9 + 3 chiếm tỷ lệ rất cao 734/1059 GV (tỷ lệ 69,31%). Đây là điều khó khăn trong việc chỉ đạo và quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học.

Cà Mau là tỉnh nằm cuối cùng của đất nước, có nhiều khó khăn, chịu nhiều ảnh hưởng của chiến tranh, nên sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng cơ sở vật chất, trường lớp thiếu thốn, giáo viên không đủ đảm bảo yêu cầu giảng dạy..., từ đó, nhiều trường học, lớp học tạm bợ được xây dựng lên và theo đó phải nhanh chóng đào tạo một số lượng giáo viên, chủ yếu là giáo viên tiểu học. Nhiều hình thức đào tạo mới xuất hiện dưới dạng cấp tốc như hệ 9 + 1, hệ 9

+ 2, hệ 9 + 3, 12 + 1... đã kéo dài hàng chục năm. Đó chính là thực trạng giáo viên tiểu học thành phố Cà Mau còn nhiều giáo viên hệ 9 + 3. Đồng thời số giáo viên có trình độ đại học nhiều ở thành phố Cà Mau là do có chương trình đào tạo từ xa Huế, chương trình đại học tại chức, kết quả của các hình thức đào tạo này cũng đã đem lại kết quả thiết thực cho người học. Tuy nhiên, về chất lượng đào tạo với hình thức này kết quả cũng chưa đạt yêu cầu cao.

- *Về chất lượng giảng dạy:* qua kết quả khảo sát và báo cáo tổng kết năm học 2006-2007 của thành phố Cà Mau về chất lượng giảng dạy của giáo viên trong các năm học qua luôn được cải thiện và phát triển. Tỷ lệ giáo viên đạt loại giỏi và loại khá tương đối cao (loại giỏi 476/1059 GV tỷ lệ 44,95%, loại khá 341/1059 GV tỷ lệ 32,20%), tỷ lệ này là điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý. Tuy nhiên, số giáo xếp loại trung bình và yếu vẫn còn (loại trung bình 14,35% và loại yếu 8,50%). Đây là điều khó khăn trong công tác quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên, nhà trường phải cần lưu ý và quan tâm nhiều hơn nữa trong công tác bồi dưỡng và đào tạo để nâng cao chất lượng giảng dạy.

2.2.4. Về chất lượng học tập ở các trường tiểu học TP Cà Mau

Hàng năm, vào đầu năm học các trường tiểu học đều tổ chức thực hiện việc khảo sát chất lượng, trên cơ sở đó cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện năm học.

Để nâng cao chất lượng học tập cho học sinh tiểu học, Phòng GD&ĐT TP Cà Mau đã chỉ đạo các trường thực hiện tốt việc kiểm tra, đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/ QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo[8].

Qua báo cáo tổng kết năm học và qua điều tra khảo sát tình hình chất lượng học tập của học sinh tiểu học trong các năm thay sách kết quả được thể hiện trên bảng thống kê 2.4 và bảng 2.5.

Bảng 2.4: Thống kê kết quả xếp loại học lực môn Tiếng Việt và môn Toán của học sinh tiểu học TP Cà Mau năm học 2005-2006

Môn	Xếp loại			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Tiếng Việt	41,3%	38,8%	18,7%	1,2%
Toán	41,6%	36,3%	20,8%	1,3%

Bảng 2.5: Thống kê kết quả xếp loại học lực môn Tiếng Việt và môn Toán của học sinh tiểu học TP Cà Mau năm học 2006-2007

Môn	Xếp loại			
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Tiếng Việt	48,7%	33,0%	15,8%	2,5%
Toán	48,4%	28,9%	19,9%	2,8%

Qua kết quả số liệu thống kê ở bảng 2.4 và bảng 2.5 cho thấy chất lượng hai môn Tiếng Việt và môn Toán của học sinh tiểu học TP Cà Mau xếp loại khá, giỏi chiếm tỷ lệ khá cao.

- Năm học 2005-2006: tỷ lệ xếp loại khá, giỏi môn Tiếng Việt 80,1% và môn Toán 77,9%.

- Năm học 2006-2007: tỷ lệ xếp loại khá, giỏi môn Tiếng Việt 81,7% và môn Toán 77,3%.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu năm học 2005-2006 môn Tiếng Việt 1,2%, môn Toán 1,3%; nhưng đến năm học 2006-2007 xếp loại yếu lại tăng lên môn Tiếng Việt 2,5 %, môn Toán 2,8%.

Qua 5 năm triển khai đại trà chương trình-sách giáo khoa mới kết quả chất lượng học sinh có chuyển biến rất rõ nét, được thể hiện và đánh giá như sau:

Kết quả thu được khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới xác định đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã quán triệt ý nghĩa, mục tiêu và tầm quan trọng của việc thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới.

Chương trình và sách giáo khoa mới tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Từ đó, giúp học sinh lĩnh hội kiến thức một cách chủ động, sáng tạo; các kỹ năng được thực hành ngày càng theo đúng yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng. Chất lượng dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới ngày càng vững chắc và ổn định.

Tuy nhiên, nội dung dạy học 1 buổi/ngày quá nhiều và có phần quá tải nên trong tiết dạy thường chưa chuyển tải hết được nội dung bài học, còn nặng nề hoặc kém hiệu quả đối với một bộ phận không nhỏ học sinh. Một số giáo viên còn khó khăn và lúng túng trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, về phân bố thời gian hợp lý cho tiết dạy, về sử dụng đồ dùng dạy học và tổ chức cho học sinh sử dụng đồ dùng thực hành cá nhân để hình thành kiến thức mới và rèn luyện các kỹ năng nên chất lượng và hiệu quả không cao.

Thành phố Cà Mau, có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với các huyện trong tỉnh, nhưng giáo dục tiểu học vẫn còn nhiều khó khăn về đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Chính vì thế, nó có ảnh hưởng nhiều đến công tác quản lý của nhà trường và chất lượng dạy học.

2.3. Thực trạng công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học TP Cà Mau

Trên cơ sở phân tích lý luận và tìm hiểu thực trạng giáo dục tiểu học của thành phố Cà Mau bằng cách lập bộ phiếu hỏi ý kiến của 33 trường tiểu học, với 87 cán bộ quản lý, 441 tổ trưởng chuyên môn và giáo viên tiểu học thuộc Phòng GD&ĐT thành phố Cà Mau.

Bộ phiếu hỏi về thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy sắp xếp thành 8 nội dung quản lý, được đánh giá và nhận xét như sau:

2.3.1. Thực trạng về phân công giảng dạy cho giáo viên

Ở cấp tiểu học phân công giảng dạy cho giáo viên tuy dễ dàng hơn ở cấp trung học, nhưng lại rất quan trọng vì mỗi giáo viên dạy một lớp sẽ tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục. Khi phân công giảng dạy cho giáo viên đòi hỏi người Hiệu trưởng phải hiểu rõ đặc điểm, trình độ, năng lực chuyên môn và các điều kiện khác của từng giáo viên, để có cơ sở phân công hợp lý và đạt được hiệu quả cao nhất trong giảng dạy và giáo dục học sinh.

Bảng 2.6: Những căn cứ để phân công giảng dạy cho giáo viên.

Nội dung căn cứ để phân công	Cán bộ quản lý		Giáo viên	
	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ(%)
a. Phẩm chất đạo đức	80/87	91,95	375/441	85,03
b. Năng lực chuyên môn	85/87	97,70	410/441	92,97
c. Trình độ đào tạo	53/87	60,91	294/441	66,66
d. Sức khỏe của giáo viên	69/87	79,31	329/441	74,60
e. Điều kiện cụ thể của nhà trường	59/87	67,81	228/441	51,70
f. Đối tượng HS theo từng lớp	41/87	47,12	158/441	35,82
g. Nguyên vọng của giáo viên	41/87	47,12	179/441	44,67

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Kết quả điều tra cho thấy, cán bộ quản lý và giáo viên các trường tiểu học đều cơ bản dựa trên căn cứ vào năng lực chuyên môn (có 97,70% ý kiến của CBQL và 92,97% ý kiến của GV) và phẩm chất đạo đức (có 91,95% ý kiến của CBQL và 85,03% ý kiến của GV), kế tiếp dựa vào trình độ đào tạo và sức khỏe của giáo viên. Đối chiếu với thực trạng đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau, vừa thiếu các môn chuyên, vừa không đồng bộ về hệ

đào tạo và năng lực chuyên môn; nên việc căn cứ vào hoàn cảnh, nguyện vọng của giáo viên để phân công là điều khó thực hiện.

Việc căn cứ vào điều kiện của nhà trường và đối tượng học sinh theo từng lớp để phân công giáo viên, chưa được Hiệu trưởng nhà trường quan tâm thường xuyên.

Đối với cấp tiểu học việc phân công giáo viên dạy theo lớp cũng rất quan trọng, vì điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh. Ý kiến của giáo viên về cách phân công giảng dạy đạt hiệu quả được thể hiện ở bảng 2.7: Ý kiến của giáo viên về cách phân công giảng dạy đạt hiệu quả.

Bảng 2.7: Ý kiến của GV về cách phân công giảng dạy đạt hiệu quả

Nội dung khảo sát	Trường chuẩn quốc gia		Trường ở phường		Trường ở xã	
	Tần số N=30	Tỉ lệ (%)	Tần số N=183	Tỉ lệ (%)	Tần số N=228	Tỉ lệ (%)
- Phân công GV dạy một khối lớp nhiều năm	28	93.33	120	65.57	138	60.53
- Phân công GV dạy theo lớp	0	0	19	10.38	22	9.65
- Phân công GV theo nhóm 1, 2, 3 và nhóm 4, 5	2	6.67	44	24.04	57	25,00
- Cách phân công khác(dạy theo môn)	0	0	0	0	11	4.82

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Để xác định việc phân công giáo viên theo lớp ở cấp tiểu học có đạt hiệu quả, tác giả đã trao đổi và lập phiếu hỏi đối với CBQL và GV dạy ở các trường theo khu vực trường đạt chuẩn quốc gia, khu vực trường tiểu học ở phường và khu vực trường tiểu học ở các xã, qua kết quả thống kê ở bảng 2.7 cho thấy Hiệu trưởng phân công giáo viên dạy một lớp nhiều năm đạt hiệu quả cao hơn, số ý kiến của trường đạt chuẩn quốc gia là 28/30 ý kiến (chiếm tỷ lệ 93,33%), ý kiến của khu vực phường và ở xã là tương đồng (khu vực phường có 120/183 ý kiến chiếm tỷ lệ 65.57%, ở khu vực xã có 138/228 ý kiến chiếm tỷ lệ 60,53%). Việc phân công giáo viên dạy theo lớp, dạy theo nhóm lớp và dạy theo môn ý kiến của giáo viên chưa đồng tình cao.

Thực tế các trường Tiểu học tại thành phố Cà Mau việc phân công GV trong thời gian qua được thể hiện như sau: những trường chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc gia phần lớn phân công theo hướng chuyên sâu (những GV có trình độ chuyên môn giỏi thường được bố trí dạy ở các lớp đầu cấp hay cuối cấp). Một số trường phân công giáo viên theo lớp suốt cấp học hoặc phân công giáo viên chỉ dạy một lớp trong cấp học.

Hiện nay do yêu cầu phải dạy đủ 9 môn, dạy theo chương trình sách giáo khoa mới nên việc bố trí giáo viên dạy ở một trường gặp nhiều khó khăn: thiếu giáo viên dạy các môn năng khiếu (Âm nhạc, Mỹ thuật, Kỹ thuật, Thể dục), có nơi giải quyết vấn đề này bằng cách mời giáo viên thỉnh giảng, đưa giáo viên đi bồi dưỡng ngắn hạn . . . nhưng việc quản lý chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ thỉnh giảng này thì gặp nhiều khó khăn.

Thực tế hiện nay ở thành phố Cà Mau, việc phân công giáo viên ở một số trường vẫn còn tình trạng bất hợp lý như một số giáo viên tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm, Trung học Sư phạm, nhưng khi về nhận công tác tại một trường Tiểu học thì lại đảm nhận công tác giáo viên dự khuyết hoặc dạy Thể dục hay làm Tổng phụ trách đội, làm công tác phổ cập, xoá mù chữ. . .vấn đề này là hiện tượng lãng phí và bất hợp lý.

2.3.2. Thực trạng về quản lý thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy

Quản lý thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy là yêu cầu bắt buộc đối với Hiệu trưởng nhà trường trong việc quản lý hoạt động dạy học.

Kết quả khảo sát qua ý kiến của cán bộ quản lý và giáo viên trường tiểu học về việc thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy được thể hiện ở bảng 2.8: Ý kiến của CBQL và GV trường tiểu học về việc thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy.

Bảng 2.8: Ý kiến về việc thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy.

Nội dung khảo sát	Nhóm đánh giá	Số phiếu	Rất tốt		Tốt		Trung bình		Chưa tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Nắm vững chương trình toàn cấp	CBQL	87	25	28.74	50	57.47	11	12.64	1	1.15
	GV	441	129	29.25	272	61.68	39	8.84	1	0.23
b. Nắm vững chương trình lớp đang dạy	CBQL	87	45	51.72	39	44.83	1	1.15	2	2.3
	GV	441	253	57.37	181	41.04	6	1.36	1	0,23
c. Hướng dẫn GV lập kế hoạch dạy học	CBQL	87	20	22.99	63	72.41	4	4.6	0	0
	GV	441	158	35.83	264	59.86	18	4.08	1	0,23
d. Kiểm tra qua báo cáo của tổ CM, giáo án và phiếu báo giảng của GV	CBQL	87	24	27,57	61	70,11	2	2,30	0	0
	GV	441	170	38,55	264	59,86	7	1,59	0	0

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Qua kết quả điều tra khảo sát, trao đổi với giáo viên và cán bộ quản lý trường tiểu học thành phố Cà Mau cho thấy giáo viên nắm rất vững chương trình lớp đang dạy, có 83/87 ý kiến của CBQL (tỷ lệ 99,55%) và 434/441 ý kiến của GV (tỷ lệ 98,41%). Trong khi đó vẫn còn một số giáo viên chưa nắm vững chương trình toàn cấp (ý kiến của CBQL đánh giá 13,79% và của GV đánh giá 9,07%), đây là điều khó khăn cho Hiệu trưởng trong việc phân công giảng dạy cho giáo viên và nâng cao chất lượng dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới.

**Mặt được:* đã tổ chức cho giáo viên nắm được chương trình, kế hoạch dạy học và yêu cầu các tổ chuyên môn, cá nhân làm kế hoạch.

**Mặt hạn chế:* Hiệu trưởng các trường tiểu học chưa áp dụng những biện pháp một cách hữu hiệu để quản lý việc thực hiện kế hoạch, nên dẫn đến kết quả thực hiện thấp, thậm chí còn yếu. Đây là điều không thể buông lỏng trong việc quản lý thực hiện chương trình.

Đặc biệt là Hiệu trưởng chưa có biện pháp xử lý nghiêm túc đối với các trường hợp thực hiện sai nội dung chương trình dạy học. Chính vì thế, cho nên tình trạng dồn ép, cắt xén chương trình xảy ra là điều khó tránh.

2.3.3. Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của GV

Để tìm hiểu thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên tiểu học ở thành phố Cà Mau. chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu báo cáo tổng kết năm học của Phòng GD&ĐT và của các trường tiểu học; sử dụng phiếu hỏi ý kiến đối với cán bộ quản lý và giáo viên.

Các phiếu hỏi ý kiến dùng để nhận xét, đánh giá thực trạng về công tác quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên theo thang điểm từ 1 đến 4 điểm (1 điểm: chưa tốt, 2 điểm: trung bình, 3 điểm: tốt, 4 điểm: rất tốt), sau đó tính giá trị trung bình \bar{X} của các mức độ trên để đánh giá.

2.3.3.1. Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên.

Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên tiểu học là yêu cầu nhiệm vụ của người Hiệu trưởng trong việc quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học.

Thực trạng về quản lý việc soạn bài chuẩn bị giảng dạy của giáo viên tiểu học ở thành phố Cà Mau qua khảo sát 33 trường tiểu học được thể hiện ở bảng 2.9.

Bảng 2.9: Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Hướng dẫn GV cách soạn bài	GV	441	156	269	16	0	3.32
		100%	35.37	61,0	3.63	0	
	CBQL	87	22	64	1	0	3.24
		100%	25.29	73.56	1.15	0	
b. Có kế hoạch kiểm tra giờ lên lớp	GV	441	159	265	12	5	3.31
		100%	36.05	60.09	2.72	1.13	
	CBQL	87	18	62	7	0	3.13
		100%	20.69	71.26	8.05	0	
c. Chuẩn bị ĐDDH trước khi lên lớp	GV	441	128	279	30	4	3.08
		100%	29.02	63.27	6.8	0.91	
	CBQL	87	16	53	16	2	2.95
		100%	18.39	60.92	18.39	2.3	
d. Kiểm tra hồ sơ giảng dạy định kỳ và đột xuất	GV	441	201	227	12	1	3.42
		100%	45.58	51.47	2,72	0.23	
	CBQL	87	34	49	4	0	3.34
		100%	39.08	56.32	4.6	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Qua bảng số liệu cho thấy tiêu chí a, b, c, d được giáo viên trường tiểu học đánh giá việc quản lý từ mức độ tốt trở lên là 96,37%; 94,14%; 92,29%; 97,05%; các mức độ trung bình tương ứng 3,93%; 2,72%; 6,8%; 2,72%; và các giá trị trung bình tương ứng là 3,32; 3,31; 3,08; 3,42. Điều này chứng tỏ cán bộ quản lý các trường tiểu học đã quản lý tốt việc soạn bài chuẩn bị giảng dạy của giáo viên.

Kết quả đánh giá của CBQL về tiêu chí a, c, d từ mức độ tốt trở lên là 98,85%; 91,35%; 95,4%; các mức độ trung bình tương ứng là 1,15%; 8,05%; 4,6% và các giá trị trung bình tương ứng là 3,24; 3,13; 3,34. Tuy nhiên, ở tiêu chí c (chuẩn bị ĐDDH trước khi lên lớp của GV) chưa được quản lý tốt còn đến 20,69% ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình và chưa tốt. Do đó, cán bộ quản lý cần tập trung trong quản lý và chỉ đạo tiêu chí này tốt hơn, cần tạo điều kiện tốt hơn nữa về thời gian, về các phương tiện, đồ dùng dạy học... để hỗ trợ họ việc soạn bài.

- Về cơ bản, Hiệu trưởng đã tạo điều kiện về những cơ sở cần thiết để giáo viên thực hiện việc chuẩn bị bài lên lớp. Tuy nhiên, kết quả ở mức trung bình còn đến 20%; ở đây phải nói tới

tài liệu tham khảo còn thiếu nhiều (chỉ có sách giáo khoa và sách giáo viên của lớp đang dạy).

Việc ký duyệt giáo án và kiểm tra giáo án định kỳ các trường có thực hiện. Song kết quả thực hiện chưa đạt yêu cầu theo quy định, chủ yếu là ký để kiểm tra việc soạn bài, còn khâu duyệt giáo án hầu như chưa được quan tâm đúng mức (nhiều giáo án chép y nguyên trong sách giáo viên, nhiều giáo án soạn quá dài, thường là chép lại giáo án cũ...), đồng thời cũng có trường hợp thời gian ký duyệt không đúng theo quy định (có giáo án dạy rồi mới ký duyệt).

- Việc kiểm tra giáo án định kỳ theo kết quả khảo sát mức độ chưa đạt yêu cầu theo quy định. Điều này thể hiện việc thực hiện kế hoạch chưa sát với yêu cầu của kế hoạch đề ra.

2.3.3.2. Quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên.

Bảng 2.10: Ý kiến của cán bộ quản lý và GV trường tiểu học về việc quản lý giờ lên lớp của GV.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	— X
a. Quy định cụ thể việc thực hiện giờ lên lớp của GV	GV	441	252	186	2	1	3.56
		100%	57.14	42.18	0.45	0.23	
	CBQL	87	43	43	1	0	3.54
		100%	49.43	49.43	1.15	0	
b. Có kế hoạch quản lý giờ lên lớp của GV	GV	441	206	225	9	1	3.44
		100%	46.71	51.02	2.04	0.23	
	CBQL	87	23	60	3	1	3.21
		100%	26.44	68.97	3.45	1.15	
c. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy trên lớp của GV	GV	441	152	276	13	0	3.32
		100%	34.47	62.59	2.95	0	
	CBQL	87	22	63	2	0	3.23
		100%	25.29	72.41	2.3	0	
d. Đưa vào tiêu chuẩn thi đua	GV	441	181	244	13	3	3.37
		100%	41.04	55.33	2.95	0.68	
	CBQL	87	27	57	3	0	3.28
		100%	31.03	65.52	3.45	0	
e. Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại giờ dạy	GV	441	197	230	13	1	3.41
		100%	44.67	52.15	2.95	0.23	
	CBQL	87	38	46	3	0	3.4
		100%	43.68	52.87	3.45	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Kết quả điều tra việc quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên được trình bày ở bảng 2.10 cho thấy Hiệu trưởng các trường tiểu học thành phố Cà Mau đã thường xuyên quản lý giờ lên lớp của GV, 99,32% cán bộ quản lý và 98,86% giáo viên đánh giá tốt việc quy định cụ thể việc thực hiện giờ lên lớp, xây dựng được tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy trên lớp. Tuy nhiên, việc tổ chức dự giờ định kì, đột xuất, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại giờ dạy chưa được cán bộ quản lý thực hiện một cách thường xuyên, có 2,95% ý kiến của GV và 3,45% ý kiến của CBQL đánh giá ở mức độ trung bình.

Như vậy, qua kết quả đánh giá trên cho thấy Hiệu trưởng các trường tiểu học thành phố Cà Mau đã có những quy định và tổ chức thực hiện quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên đạt hiệu quả, song việc thực hiện các biện pháp này chưa thật đồng bộ.

Kết quả khảo sát cho ta thấy các biện pháp quản lý nhằm đảm bảo nề nếp được thực hiện khá thường xuyên, nhưng đây là yêu cầu bắt buộc nên đòi hỏi phải có những biện pháp triệt để. Các mặt đi vào chiều sâu chuyên môn, khoa học thực sự thì kết quả thực hiện chưa tốt, có phần yếu kém như phân tích bài dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém.

2.3.3.3. Quản lý việc cải tiến phương pháp giảng dạy.

Thực trạng về quản lý việc cải tiến phương pháp giảng dạy của giáo viên tiểu học thành phố Cà Mau qua khảo sát 33 trường tiểu học được thể hiện qua bảng 2.11: Thực trạng việc cải tiến phương pháp giảng dạy của giáo viên tiểu học TP Cà Mau.

Bảng 2.11: Thực trạng việc cải tiến phương pháp giảng dạy của GV

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Tổ chức cho GV học tập, nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy	GV	441	182	236	21	2	3.36
		100%	41.27	53.51	4.76	0.45	
	CBQL	87	25	59	3	0	3.25
		100%	28.74	67.82	3.45	0	
b. Tạo điều kiện cho GV dự dụng ĐDDH	GV	441	151	262	24	4	3.27
		100%	34.24	59.41	5.44	0.91	
	CBQL	87	17	65	5	0	3.14
		100%	19.54	74.71	5.75	0	
c. Tổ chức chuyên đề, thao giảng, trao đổi cải tiến phương pháp giảng dạy	GV	441	228	195	15	3	3.47
		100%	51.7	44.22	3.4	0.68	
	CBQL	87	30	48	9	0	3.24
		100%	34.48	55.17	10.34	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

- Kết quả thống kê cho thấy tiêu chí a, b được cán bộ quản lý các trường tiểu học đánh giá việc quản lý từ mức độ tốt trở lên là 96,56%; 94,25%; các mức độ trung bình 3,45%; 5,75% và các giá trị trung bình tương ứng là 3,25; 3,14.

- Đối với giáo viên tiểu học đánh giá các tiêu chí a, b từ mức độ tốt trở lên là 94,8%; 93,65%; các mức độ trung bình trở xuống tương ứng là 4,76; 5,44 và các giá trị trung bình tương ứng là 3,36 và 3,27

Kết quả đánh giá trên của cán bộ quản lý và giáo viên trường tiểu học cho thấy các giá trị trung bình đều đạt mức độ từ tốt trở lên, điều đó chứng tỏ Hiệu trưởng các trường tiểu học quản lý tốt việc thực hiện tiêu chí a và tiêu chí b. Mặc dù, các giá trị trung bình đều đạt mức độ từ tốt trở lên, nhưng Hiệu trưởng cần chú ý quản lý tiêu chí c tốt hơn nữa theo đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học thì tỷ lệ phần trăm ở mức độ trung bình khá cao (GV có 3,4%; CBQL có 10,34%).

Phòng Giáo dục – Đào tạo thành phố Cà Mau đã có chỉ đạo để đổi mới phương pháp dạy học, trước hết giáo viên cần nắm vững nội dung, chương trình sách giáo khoa mới; nội dung giảm tải ở Tiểu học, yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng môn học; tiến hành cải tiến phương pháp dạy học sao cho việc lên lớp diễn ra nhẹ nhàng, tự nhiên, chất lượng và hiệu quả. Trên khả năng kinh phí hiện có, các địa phương mua sắm và sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học theo danh mục quy định, khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học góp phần tích cực đổi mới phương pháp dạy học.

Theo báo cáo của các Phòng Giáo dục – Đào tạo trong năm học 2006-2007, toàn thành phố đã thực hiện được 15 chuyên đề chuyên môn tập trung vào các môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Sức khỏe, Âm nhạc, Kỹ thuật, Mĩ thuật; bồi dưỡng khối trưởng, giáo viên giỏi. . .

Thực tế, hầu hết các ý kiến cho rằng việc đề xuất các phương pháp giảng dạy thông qua các tiết mẫu là một việc làm hết sức cần thiết cho người giáo viên. Tuy nhiên, bằng phương pháp trò chuyện, qua trao đổi với Hiệu trưởng trường Tiểu học thuộc Phường 2, phường 5, xã Tắc Vân cho rằng phần lớn các tiết dạy minh họa đều có sự chuẩn bị rất kỹ từ người dạy đến học sinh; về phương pháp thì lại đưa ra phương pháp “sắm vai” như diễn kịch. Kịch bản phải có người đạo diễn, như vậy khi áp dụng vào thực tế ở lớp, trong một buổi dạy bao gồm nhiều tiết thì không thể nào thực hiện được những phương pháp mà họ được xem minh họa. Mặt khác, với “phương pháp dạy học trên phiếu giao việc” cũng là phương pháp gây nhiều tốn kém, vì một buổi dạy giáo viên phải photocopy nhiều phiếu cho học sinh ở từng môn học. Dạy học lấy

học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh . . . định hướng thì đã rõ, nhưng thể hiện trên bài giảng thế nào thì vô cùng khó.

Theo nhận định của Phòng Giáo dục – Đào tạo thì việc đổi mới phương pháp chưa đi vào chiều sâu và trở thành yêu cầu trọng tâm của việc chuyển tải nội dung kiến thức môn học. Hiện nay phần lớn còn thể hiện ở các tiết thao giảng, minh hoạ chuyên đề hơn là ở các tiết học thường ngày để đem lại hiệu quả thiết thực cho trẻ trong hoạt động học tập, nhất là ở những khu vực vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, thiếu thốn cơ sở vật chất. . . Giáo viên còn lệ thuộc quá nhiều vào sách hướng dẫn giảng dạy, chưa mạnh dạn sáng tạo, bổ sung kiến thức, liên hệ thực tế. Còn ngại dạy khác với sách vở đã ghi. . . Tài liệu, sách tham khảo quá nhiều trên thị trường, giáo viên không có điều kiện chọn lọc khi sử dụng và hướng dẫn học sinh sử dụng

- GV lên lớp với sách giáo khoa, số đông có sách giáo viên, sách “bài soạn” (có sẵn); số ít (rất ít) có thêm một số tài liệu tham khảo. Học sinh chỉ có sách giáo khoa, vở ghi chép, bảng con . . . Tình trạng dạy “chay” khá phổ biến, chỉ có một số giáo viên có thói quen làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

- Ở trên lớp, giáo viên chủ yếu chỉ giảng bài, thuyết trình, làm mẫu, hỏi học sinh. Hoạt động chủ yếu của học sinh là nghe giảng, xem làm mẫu, trả lời, làm theo mẫu có sẵn.

Giáo viên làm việc theo tài liệu có sẵn nên thường bị phụ thuộc vào những tài liệu đó. Trong nhiều năm qua, việc đánh giá thường chỉ xem giáo viên có tuân theo những gì đã có sẵn, đã qui định (sách giáo khoa, bài soạn sẵn, phân phối chương trình).

Học sinh thường bị phụ thuộc vào giáo viên. Nhiều học sinh chỉ biết nghe theo, làm theo sự áp đặt từ giáo viên. Khả năng linh hoạt, chủ động và sáng tạo của cả giáo viên lẫn học sinh đều hạn chế.

- Hiện tượng dạy học đồng loạt, bình quân rất phổ biến trong các trường tiểu học. Số đông giáo viên yêu cầu mọi học sinh cùng học như nhau, cùng làm một số bài tập thực hành như nhau, thậm chí cùng bằng lòng cách giải quyết theo khuôn mẫu có sẵn.

Tình trạng này đã không tạo điều kiện khuyến khích học sinh phát triển năng lực cá nhân gây cho học sinh sự nhàm chán trong học tập và tạo sự trì trệ trong lao động lẽ ra rất sáng tạo của giáo viên. Một số ít học sinh có năng lực cần phát triển năng lực của mình thường phải học thêm ở nhà hoặc ở nơi khác.

- Do quá quen thuộc với cách dạy học và cách chỉ đạo dạy học như trên, nên các thông tin về phương pháp dạy học hiện đại dù được tuyên truyền, phổ biến thì cũng không dễ áp dụng vào quá trình dạy học ở tiểu học. Cá biệt có một số ít giáo viên muốn cải tiến phương pháp dạy

học theo khuynh hướng tiến bộ, nhưng những cải tiến đó thường không nhân rộng được, có những trường hợp còn không được cấp chỉ đạo trực tiếp khuyến khích.

- *Trình độ chuyên môn của giáo viên tiểu học* có ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình sử dụng và cải tiến phương pháp dạy học. Cho đến nay, vẫn còn 69,3% GV tiểu học trình độ đào tạo hệ 9+3.

Mỗi giáo viên tiểu học lại phải dạy nhiều môn học, mỗi môn học lại có những sắc thái riêng về phương pháp dạy học theo đặc trưng của nội dung môn học, có môn học đòi hỏi phải có những năng lực đặc biệt (năng khiếu), chẳng hạn: năng lực Hát – Nhạc, những hiểu biết về hội họa... mới có thể dạy được. Hiện nay, đang rất thiếu các giáo viên chuyên trách các bộ môn Hát – Nhạc, Mĩ thuật, Thể dục ở tiểu học. Theo điều tra mỗi giáo viên tiểu học chỉ có thể dạy Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Kỹ thuật cũng đã quá mệt mỏi vì hàng ngày phải chuẩn bị và dạy từ 4 đến 5 tiết. Nếu dạy đủ 9 môn học thì phải dạy học cả ngày hoặc dạy nhiều hơn 5 buổi trong mỗi tuần và phải có thêm giáo viên chuyên trách về Hát – Nhạc, Mĩ thuật, Thể dục.

Trình độ chuyên môn và điều kiện lao động của giáo viên tiểu học có nhiều hạn chế như vậy, nhưng khi học ở trường sư phạm và khi công tác giáo viên chỉ được trang bị những kiến thức đã cũ về PPDH. Khi phải thay đổi những thói quen trong nghề nghiệp, không ít giáo viên còn lúng túng, bần khoản và rất dễ quay trở lại thói quen cũ.

2.3.4. Thực trạng về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

Bảng 2.12: Thực trạng việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Phổ biến các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS	GV	441	254	183	4	0	3.57
		100%	57.6	41.5	0.91	0	
	CBQL	87	48	39	0	0	3.55
		100%	55.17	44.83	0	0	
b. Chỉ đạo GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng quy định	GV	441	240	189	12	0	3.52
		100%	54.42	42.86	2.72	0	
	CBQL	87	44	43	0	0	3.51
		100%	50.57	49.43	0	0	
c. Xây dựng chế độ thông tin hai chiều giữa GV và PHHS	GV	441	137	275	20	1	3.21
		100%	31.07	62.36	4.54	0.23	
	CBQL	87	24	56	7	0	3.2
		100%	27.59	64.37	8.05	0	
d. Kiểm tra việc chấm bài kiểm tra của GV	GV	441	150	270	20	1	3.29
		100%	34.01	61.22	4.54	0.23	
	CBQL	87	24	60	3	0	3.24
		100%	27.59	68.97	3.45	0	
e. Kiểm tra sổ điểm,	GV	441	253	186	2	0	3.57
		100%	57.37	42.18	0.45	0	

học bạ, sổ liên lạc	CBQL	87	37	50	0	0	3.43
		100%	42.53	57.47	0	0	
f. Động viên, khen thưởng GV và HS kịp thời	GV	441	186	223	26	6	3.34
		100%	42.18	50.57	5.9	1.36	
	CBQL	87	25	57	5	0	3.23
		100%	28.74	65.52	5.75	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Kết quả thu được ở bảng 2.12 Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS cho thấy, Hiệu trưởng các trường đã thường xuyên thực hiện việc phổ biến các văn bản, quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm, đánh giá xếp loại học sinh và chỉ đạo giáo viên tổ chức kiểm tra, thi nghiêm túc, đánh giá đúng chất lượng, đảm bảo công bằng, không chạy theo thành tích. Kết quả khảo sát các nội dung này cho thấy có từ 97% đến 99% GV và 100% CBQL đánh giá ở mức độ tốt. Kết quả mức độ về giá trị trung bình cũng chiếm khá cao 3,51 và 3,57.

Tuy nhiên, nội dung thông tin hai chiều giữa giáo viên với phụ huynh học sinh chưa được Hiệu trưởng các trường tiểu học thực hiện tốt. Qua khảo sát thực tế có 8,05% CBQL và 4,25% GV đánh giá Hiệu trưởng các trường tiểu học thành phố Cà Mau chưa thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

Theo dõi kiểm tra việc chấm bài trả bài cho học sinh được đánh giá mức độ thường xuyên bình quân là 95,4% (ý kiến của GV 95,32% và CBQL 95,56%). Tuy nhiên, vẫn còn 3,5% ý kiến của CBQL và 4,5% ý kiến của GV đánh giá mức độ trung bình và chưa tốt việc chấm bài và trả bài kiểm tra cho học sinh. Đây là thực trạng chung của nhiều trường ở cấp tiểu học, Hiệu trưởng chưa quản lý chặt chẽ, giáo viên chưa nhận thức đầy đủ việc chấm bài và trả bài cho học sinh là yêu cầu bắt buộc trong việc thực hiện quy chế chuyên môn.

Điều vừa trình bày trên cho thấy rằng việc quản lý chất lượng ở các trường mới chủ yếu nhằm vào các mục tiêu đặt ra từ đầu năm để “phấn đấu”, rồi xem kết quả cuối cùng có đạt hay không mà chưa chú trọng tới cách thức quản lý theo lộ trình của công việc và các hoạt động.

2.3.5. Thực trạng về quản lý việc kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy của GV

Quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên là nhiệm vụ thường xuyên của người quản lý, nhằm giúp giáo viên biết được kết quả giảng dạy của mình để phấn đấu tốt hơn nữa và nhà quản lý có cơ sở để phân công trong năm học tới.

Bảng 2.13: Thực trạng quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên.

Nội dung đánh giá kết quả giảng dạy	CBQL		Giáo viên	
	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%
1. Dựa vào kết quả chất lượng cuối năm của học sinh	75/87	86,2	342/441	77,55
2. Dựa vào kết quả thi học kỳ	36/87	41,4	201/441	45,6
3. Dựa vào tiết dự giờ đột xuất	60/87	68,97	305/441	69,2
4. Dựa vào việc kiểm tra hồ sơ sổ sách định kỳ và cuối năm	53/87	60,9	265/441	60,09
5. Dựa vào việc thi GV dạy giỏi	31/87	35,63	137/441	31,07
6. Ý kiến nhận xét của đồng nghiệp	53/87	60,9	197/441	44,67
7. Ý kiến của tổ trưởng chuyên môn	54/87	62,06	204/441	46,3

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Kết quả khảo sát cho thấy Hiệu trưởng các trường tiểu học kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy chủ yếu dựa vào kết quả chất lượng cuối năm của học sinh (có 86,2% ý kiến của CBQL và 77,55% ý kiến của GV); kế đó dựa vào tiết dự giờ đột xuất (có 68,97% ý kiến của CBQL và 69,2% ý kiến của GV) và dựa vào việc kiểm tra hồ sơ sổ sách định kỳ và cuối năm (có 60,9% của CBQL và 60,09% ý kiến của GV).

Các tiêu chí dựa vào kết quả thi học kỳ, việc thi GV dạy giỏi, ý kiến nhận xét của đồng nghiệp và của tổ trưởng chuyên môn được đánh giá thấp. Nhìn chung, việc kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy của GV được Hiệu trưởng kết hợp hài hoà giữa các tiêu chí và có chọn trọng tâm, trọng điểm.

2.3.6. Thực trạng về quản lý công tác bồi dưỡng chuyên môn giảng dạy

Quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học là nhiệm vụ quan trọng của Hiệu trưởng trường tiểu học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học trong giai đoạn hiện nay.

Qua báo cáo tổng kết năm học 2006-2007 của Phòng GD&ĐT thành phố Cà Mau, báo cáo tổng kết và qua trao đổi với CBQL và GV các trường cho thấy, Hiệu trưởng các trường tiểu học đã triển khai đầy đủ các văn bản có liên quan đến việc bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ III (2003 – 2007) cho giáo viên, việc bồi dưỡng giảng dạy theo chương trình sách giáo khoa mới.

Bảng 2.14 Thực trạng quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ GV.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ GV	GV	441	193	231	16	1	3.4
		100%	43.76	52.38	3.63	0.23	
	CBQL	87	30	55	2	0	3.32
		100%	34.48	63.22	2.3	0	
b. Xác định nhu cầu, lập kế hoạch đào tạo,	GV	441	146	264	30	1	3.26
		100%	33.11	59.86	6.8	0.23	
	CBQL	87	23	56	8	0	3.17

bồi dưỡng đội ngũ GV		100%	26.44	64.37	9.2	0	
c. Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ	GV	441	175	241	23	2	3.34
		100%	39.68	54.65	5.22	0.45	
	CBQL	87	20	62	5	0	3.17
		100%	22.99	71.26	5.75	0	
d. Giới thiệu và cung cấp tài liệu cho GV	GV	441	154	245	37	5	3.24
		100%	34.92	55.56	8.39	1.13	
	CBQL	87	19	61	6	1	3.13
		100%	21.84	70.11	6.9	1.15	
e. Tạo điều kiện cho GV đi học nâng cao trình độ	GV	441	252	177	10	2	3.54
		100%	57.14	40.14	2.27	0.45	
	CBQL	87	40	43	4	0	3.41
		100%	45.98	49.43	4.6	0	
f. Quản lý việc tự học, tự bồi dưỡng của GV	GV	441	115	300	26	0	3.2
		100%	26.08	68.03	5.9		
	CBQL	87	20	56	11	0	3.1
		100%	22.99	64.37	12.64		

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

- Qua bảng số liệu cho thấy việc kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên, đã được đội ngũ cán bộ quản lý đánh giá mức độ tốt trở lên khá cao 97,7% (85/87 ý kiến) và giá trị trung bình là 3,32. Đối với ý kiến của giáo viên đánh giá tiêu chí này từ mức độ tốt trở lên là 96,14% (424/442 ý kiến) và giá trị trung bình là 3,4. Kết quả đánh giá trên cho thấy các giá trị trung bình đều đạt từ mức độ tốt trở lên, điều đó chứng tỏ Hiệu trưởng các trường tiểu học đã quản lý tốt việc thực hiện tiêu chí này.

- Về lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo thống kê thi công tác này Hiệu trưởng chưa có kế hoạch mang tính chiến lược trong việc bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Công tác này thường hay bị động, qua kết quả điều tra có 9,2% CBQL đánh giá mức độ trung bình và có 7,03% GV đánh giá mức độ trung bình và chưa thực hiện tốt.

- Qua kết quả điều tra, hai nội dung quản lý đáng băn khoăn là việc giới thiệu, cung cấp tài liệu cho giáo viên và quản lý việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên còn nhiều hạn chế. Có từ 8,05% đến 12,64% ý kiến của CBQL và có từ 5,9% đến 9,52% ý kiến của GV đánh giá mức độ trung bình và chưa tốt về tiêu chí này. Thực chất việc tự quản lý bồi dưỡng của giáo viên các trường tiểu học đã qua quy định còn mang tính hình thức qua sổ ghi chép tự bồi dưỡng là chính, do đó người Hiệu trưởng cần có kế hoạch và biện pháp phù hợp để quản lý công tác này tốt hơn.

Thực trạng về công tác bồi dưỡng ở Tiểu học trong các năm qua:

- *Bồi dưỡng thường xuyên* theo chương trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Phòng Giáo dục – Đào tạo phối hợp với trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau để tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên. Nhưng thực tế giáo viên tự học là chính nên kết quả chưa cao.

- *Bồi dưỡng tại trường*: thông qua các hình thức dự giờ thăm lớp giữa các giáo viên trong trường, tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ của các khối lớp, tổ chức thảo luận chuyên đề... Với thực tế cách làm này chỉ đáp ứng trước mắt yêu cầu giảng dạy của giáo viên có thể dạy đạt chất lượng một số môn trong chương trình Tiểu học.

- *Bồi dưỡng thông qua chuẩn hoá đội ngũ*: Việc chuẩn hoá đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học hiện nay là một yêu cầu cấp bách. Vì thế hiện nay ở thành phố Cà Mau đã và đang tổ chức đồng thời 3 loại hình đào tạo bồi dưỡng cho giáo viên như: lớp tiêu chuẩn hoá giáo viên (dành cho giáo viên thuộc hệ đào tạo 9+3, 12+1), lớp Cử nhân Cao đẳng (do trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau tổ chức), lớp Cử nhân Tiểu học (liên kết đào tạo theo hướng từ xa với Đại học Huế, Hà Nội), nhưng bên cạnh đó biện pháp quản lý cụ thể còn lúng túng và gặp nhiều trở ngại như không có người dạy thay nếu giáo viên đi học hoặc điều kiện học tập, điều kiện về tài chính còn thiếu thốn.

Đánh giá chung về việc quản lý vấn đề bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ở thành phố Cà Mau, chúng ta thấy đa số các trường đều nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, nhưng bên cạnh đó thì việc bồi dưỡng giáo viên giỏi, giáo viên yếu ở các đơn vị chưa thật sự được quan tâm nhiều. Đối với giáo viên giỏi thì thường được tập trung bồi dưỡng vào đợt chuẩn bị đi thi giáo viên giỏi cấp huyện hay cấp tỉnh; còn GV yếu (về chuyên môn) ít được các cấp quản lý ở địa phương chú ý để tổ chức các biện pháp nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ này.

2.3.7. Thực trạng về quản lý CSVC – trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy

Thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện và thiết bị dạy học ở các trường tiểu học còn nhiều khó khăn được thể hiện ở bảng 2.15 Ý kiến của GV về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.

Bảng 2.15: Ý kiến của GV về CSVC phục vụ giảng dạy.

TT	Trường tiểu học	Số phiếu	Mức độ								\bar{X}
			Rất tốt (4 điểm)		Tốt (3 điểm)		Tạm được (2 điểm)		Chưa tốt (1 điểm)		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Hùng Vương	17	2	11.76	15	88.24	0	0	0	0	3.12
2	Nguyễn Đình Chiểu	13	0	0	13	100	0	0	0	0	4,0
3	Phường 4	13	0	0	9	69.23	4	30.77	0	0	2.69
4	Phường 6/1	17	1	5.88	7	41.18	9	52.94	0		2.53
5	Lạc Long Quân	17	0	0	6	35.29	9	52.94	2	11.76	2.24

6	Phường 8/1	22	0	0	1	4.55	20	90.91	1	4.55	2,0
7	Phường 9	22	0	0	5	22.73	4	18.18	13	59.09	1,64
8	Quang Trung	14	0	0	5	35.71	9	64.29	0	0	2,36
9	Phường 1/1	13	0	0	1	7.69	12	92.31	0	0	2,08
10	Lý Văn Lâm 1	12	0	0	6	50,0	6	50,0	0	0	2,5
11	Tân Thành 1	11	2	18.18	7	63.64	2	18.18	0	0	3,0
12	Tân Định	13	1	7.69	9	69.23	1	7.69	2	15.38	2,69
13	Kim Đồng	9	0	0	9	100	0	0	0	0	3,0
14	Trần Hưng Đạo	12	1	8.33	3	25	6	50	2	16.67	2,25
15	An Xuyên 1	19	1	5.26	9	47.37	5	26.32	4	21.05	2,37
16	Hòa Thành 2	12	1	8.33	7	58.33	2	16.67	2	16.67	2,58
	Cộng	236	9	3.81	112	47.46	89	37.71	26	11.02	2.44

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

- Qua bảng số liệu khảo sát 16 trường tiểu học (2 trường đạt chuẩn, 7 trường ở phường và 7 trường ở xã) cho thấy mức độ đánh giá tạm được và chưa tốt còn chiếm tỷ lệ khá cao (trường tiểu học phường 9 có tỷ lệ 77,27% và giá trị trung bình chỉ đạt 1,64; trường tiểu học phường 8/1 có tỷ lệ 95,46% và giá trị trung bình chỉ đạt 2,0...). Với kết quả trên cho thấy tình hình cơ sở vật chất, phương tiện và thiết bị dạy học ở các trường tiểu học hiện nay là điều đáng được quan tâm, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học, nhiều trường lớp hiện đang xuống cấp, các trường còn thiếu phòng chức năng, phòng làm việc.

Để quản lý và sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, Hiệu trưởng cần đảm bảo cho giáo viên có đủ phương tiện giảng dạy bằng việc khai thác triệt để các nguồn cung cấp, hàng năm cần có kế hoạch mua sắm, bổ sung trang thiết bị dạy học; đồng thời tăng cường khai thác, sử dụng tối đa các phương tiện phục vụ cho công tác giảng dạy.

Bảng 2.16: Thực trạng quản lý và sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của thành phố Cà Mau:

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Tham mưu các cấp đầu tư trang thiết bị dạy học	GV	441	100	300	38	3	3.13
		100%	22.68	68.03	8.62	0.68	
	CBQL	87	11	69	7	0	3.05
		100%	12.64	79.31	8.05	0	
b. Quản lý, sử dụng có	GV	441	119	285	36	1	3.18

hiệu quả thiết bị dạy học		100%	26.98	64.63	8.16	0.23	
	CBQL	87	16	63	8	0	3.09
		100%	18.39	72.41	9.2	0	
c. Tổ chức phong trào làm ĐDDH	GV	441	69	287	77	8	3,0
		100%	15.65	65.08	17.46	1.81	
	CBQL	87	10	35	38	4	2.59
		100%	11.49	40.23	43.68	4.6	
d. Vận động các nguồn lực mua sắm trang thiết bị dạy học	GV	441	54	238	91	58	2.65
		100%	12.24	53.97	20.63	13.15	
	CBQL	87	7	19	37	24	2.1
		100%	8.05	21.84	42.53	27.59	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.16 thực trạng quản lý và sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy cho thấy có 91,95% CBQL và 90,71% GV đánh giá Hiệu trưởng đã quan tâm thực hiện thường xuyên công tác tham mưu với cơ quan quản lý trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Việc quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất thiết bị dạy học hiện có ở trường được đánh giá mức độ khá tốt.

Tuy nhiên, việc vận động các nguồn lực mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy của Hiệu trưởng các trường tiểu học chưa đạt hiệu quả cao. Có 70,12% cán bộ quản lý, 33,38% giáo viên đánh giá ở mức trung bình và chưa tốt và giá trị trung bình chỉ đạt ở mức 2,1 đến 2,65.

Qua kết quả điều tra việc tổ chức phong trào làm đồ dùng dạy học ở các trường tiểu học chưa được Hiệu trưởng quan tâm thực hiện thường xuyên và chưa được sự hưởng ứng nhiệt tình của đội ngũ giáo viên. Vì vậy, kết quả thực hiện đạt ở mức độ trung bình là khá cao, có 43,68% cán bộ quản lý, 17,46% giáo viên đánh giá ở mức độ trung bình và giá trị trung bình chỉ đạt từ 2,59 đến 3,0.

2.3.8. Thực trạng về quản lý công tác thi đua khen thưởng

Kết quả điều tra qua bảng 2.17 (trang 69) cho thấy ý kiến của CBQL và GV về công tác thi đua khen thưởng có nhiều trường đánh giá là hợp lý, điều đó đã cho thấy Hiệu trưởng tiểu học ở thành phố Cà Mau có quan tâm đến công tác thi đua khen thưởng để kịp thời động viên, khuyến khích giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ, như trường tiểu học Nguyễn Tạo, trường tiểu học Tân Thành 2 và trường tiểu học Tân Định có 100% ý kiến của giáo viên đánh giá là hợp lý.

Tuy nhiên, qua khảo sát vẫn có một số trường tiểu học, giáo viên đánh giá công tác thi đua khen thưởng của trường chưa hợp lý như trường tiểu học Kim Đồng (25%), trường tiểu học Lý Văn Lâm 1 (6,67%), trường tiểu học Hoà Tân 3 (6,67%). Qua kết quả khảo sát trên cho thấy

công tác thi đua khen thưởng là điều kiện rất quan trọng trong việc tổ chức quản lý và điều hành hoạt động dạy học ở trường tiểu học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Bảng 2.17: Ý kiến của CBQL và GV về công tác thi đua khen thưởng

TT	Trường tiểu học	Số phiếu	Rất hợp lý		Hợp lý		Tạm được		Chưa hợp lý	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phường 1/1	15	1	6.67	13	86.67	1	6.67	0	0
2	Nguyễn Tạo	35	17	48.57	18	51.43	0	0	0	0
3	Phường 4	15	4	26.67	8	53.33	3	20	0	0
4	Phường 6/1	19	11	57.89	7	36.84	1	5.26	0	0
5	Lạc Long Quân	20	0	0	11	55,0	8	40	1	5,0
6	Phường 8/1	25	5	20,0	19	76,0	1	4,0	0	0
7	Phường 9	25	12	48,0	11	44,0	2	8,0	0	0
8	Lý Văn Lâm 1	15	6	40,0	8	53.33	0	0	1	6.67
9	Hòa Thành 2	15	5	33.33	8	53.33	2	13.33	0	0
10	Hòa Tân 3	15	2	13.33	11	73.33	1	6.67	1	6.67
11	Tân Thành 2	9	2	22.22	7	77.78	0	0	0	0
12	Tân Định	15	5	33.33	10	66.67	0	0	0	0
13	Kim Đồng	12	1	8.33	7	58.33	1	8.33	3	25,0
14	Trần Hưng Đạo	15	2	13.33	12	80,0	1	6.67	0	0
15	An Xuyên 1	21	8	38.1	12	57.14	0	0	1	4.76
16	An Xuyên 4	10	0	0	8	80,0	2	20,0	0	0
Cộng		281	81	28.83	170	60.5	23	8.19	7	2.49

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

2.4. Đánh giá chung về thực trạng công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học TP Cà Mau.

2.4.1. Ưu điểm

2.4.1.1. Về nhận thức

Cùng với sự lớn mạnh của bậc học, đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học thành phố Cà Mau ngày càng phát triển. Đội ngũ cán bộ quản lý đã khắc phục nhiều khó khăn để đảm nhiệm tốt công tác quản lý trường học. Những công việc làm của đội ngũ cán bộ quản lý là những bài học kinh nghiệm tốt, sinh động, không những thể hiện tấm lòng nhiệt tình mà còn thể

hiện óc sáng tạo, tinh thần mạnh dạn dám nghĩ dám làm, cách làm việc khoa học trên cơ sở nhận thức đúng đắn về bậc học, về chức năng quản lý của người Hiệu trưởng.

Đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học của thành phố Cà Mau đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động giảng dạy, xác định đây là hoạt động trung tâm của nhà trường, là cơ sở để tổ chức và điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học. Từ nhận thức đó, Hiệu trưởng các trường tiểu học đã có một số biện pháp quản lý cụ thể chỉ đạo đạt được một số kết quả nhất định.

Với vai trò quản lý, Hiệu trưởng các trường đã thường xuyên tác động đến đội ngũ giáo viên nhận thức được vai trò mang tính chất quyết định của người thầy trong quá trình dạy học để nâng cao chất lượng giảng dạy. Đồng thời làm cho họ ý thức được nhiệm vụ dạy học qua việc phổ biến các văn bản, quy chế chuyên môn.

Đội ngũ giáo viên các trường tiểu học của thành phố Cà Mau nhiệt tình, tận tâm với nghề, có tinh thần trách nhiệm, luôn có ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức nhà giáo và có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2.4.1.2. Về mặt quản lý hoạt động giảng dạy

Đa số Hiệu trưởng các trường tiểu học của thành phố Cà Mau thực hiện được các nội dung quản lý hoạt động giảng dạy, dựa trên các cơ sở pháp lý như Luật giáo dục, Điều lệ trường tiểu học, Pháp lệnh công chức và các văn bản chuyên môn của ngành.

Các nội dung quản lý hoạt động dạy học đã được nhà trường tiến hành đúng theo quy định. Hiệu trưởng các trường có chú ý đến việc quản lý các nội dung thực hiện nhiệm vụ dạy học của giáo viên, quan tâm đến việc xây dựng nề nếp trong quản lý.

Hiệu trưởng đã tổ chức xây dựng và quản lý kế hoạch, quản lý chương trình dạy học, theo dõi việc thực hiện quy chế chuyên môn ở các mặt như hồ sơ giáo viên, soạn bài, giảng dạy trên lớp, kiểm tra đánh giá chất lượng học tập của học sinh.

Hiệu trưởng các trường đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực giáo viên, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời quan tâm đến việc trang bị tài liệu, sách giáo khoa, các phương tiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Chú ý tổ chức phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” để kích thích sự nỗ lực của giáo viên. Tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện tốt việc kết hợp nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục học sinh.

2.4.2. Hạn chế

2.4.2.1. Về nhận thức

Một số Hiệu trưởng trường tiểu học, chưa thật có ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động dạy học. Vì thế trong quản lý còn mang tính hình thức, làm theo kinh nghiệm là chính, ít chú ý nâng cao nhận thức bằng khoa học quản lý và khoa học giáo dục.

Một số ít giáo viên chưa ý thức cao trong công tác, chưa được sự tác động thường xuyên từ các cấp quản lý, còn thụ động trong công tác.

2.4.2.2. Về mặt quản lý hoạt động giảng dạy

- Đa số Hiệu trưởng các trường tiểu học chỉ chú ý đến kế hoạch năm học của trường, còn kế hoạch của các bộ phận, các tổ khối chuyên môn và của giáo viên thì còn hình thức, sơ sài và làm kế hoạch như để đối phó nên thiếu tính thực tế và tính khả thi của kế hoạch.

- Việc quản lý kiểm tra sinh hoạt của tổ chuyên môn, dự giờ và rút kinh nghiệm của Hiệu trưởng một số trường tiểu học chưa được thực hiện thường xuyên. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn còn mang tính hình thức, nội dung nặng về mặt hành chính; việc dự giờ rút kinh nghiệm sư phạm bài dạy còn mang tính chiếu lệ, ít chú ý tới phương pháp, nội dung và cách tổ chức lớp học mà chỉ chủ yếu đánh giá các bước lên lớp, chưa thật sự góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy và năng lực chuyên môn cho giáo viên.

- Về đổi mới phương pháp dạy học, đây là hoạt động còn bộc lộ rất nhiều yếu kém và bất cập, ở một số trường tiểu học Hiệu trưởng chưa đầu tư đúng mức và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc đổi mới phương pháp dạy học. Đây là thói quen ít chịu nghiên cứu tìm tòi, ngại khó của người quản lý. Vì thế, một bộ phận giáo viên khi giảng dạy chủ yếu là áp đặt, thuyết giảng, ít quan tâm đến kỹ năng thực hành và vận dụng.

- Một số trường tiểu học, việc quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh còn nhiều hạn chế. Thường ở các trường, người Hiệu trưởng mới chỉ dừng ở việc quản lý đề kiểm tra học kỳ, còn các bài kiểm tra 1 tiết, 15 phút giao cho Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn quản lý, do đó khâu này thường bị buông lỏng, dẫn đến tình trạng kết quả đánh giá học sinh thiếu chính xác, học sinh chưa đủ chuẩn vẫn lên lớp.

- Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên còn nhiều bất cập, các trường chưa xây dựng được kế hoạch mang tính tổng thể về phát triển đội ngũ giáo viên của nhà trường qua từng giai đoạn phát triển. Vì thế đa số các trường tiểu học ở thành phố Cà Mau thiếu những biện pháp tích cực để bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.

- Việc khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, cơ sở vật chất sẵn có ở trường tiểu học còn thấp. Chưa phát huy hết khả năng của giáo viên làm đồ dùng dạy học phục vụ cho giờ dạy.

Tính chủ động của Hiệu trưởng để huy động lực lượng xã hội và phát huy tác dụng của các đoàn thể, hội phụ huynh học sinh, sáng tạo trong công tác còn hạn chế; chưa phát huy tốt tính tích cực, chủ động của đội ngũ cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn; khâu tham mưu với cấp trên còn thiếu chủ động.

2.4.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân chủ quan

- Hiệu trưởng chưa thật sự ý thức sâu sắc nhiệm vụ quản lý hoạt động dạy học nên có khi khoán trắng cho Phó Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng lại khoán hết cho Tổ trưởng chuyên môn). Hiệu trưởng chỉ đạo chung hoặc có làm thì chủ yếu là làm theo kinh nghiệm, thiếu tính khoa học, thiếu năng lực trong đổi mới quản lý.

- Đội ngũ Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn có những hạn chế về sự năng động trong quản lý, chưa có biện pháp tích cực đổi mới quản lý mà chủ yếu quản lý theo lối hành chính sự vụ.

- Đa số Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa được bồi dưỡng về công tác quản lý trường học.

Nguyên nhân khách quan

- Đội ngũ giáo viên vừa thừa, vừa yếu, lại vừa không đồng bộ, số giáo viên thâm niên công tác ít lại chiếm khá đông, kinh nghiệm dạy học còn hạn chế. Một bộ phận giáo viên ý thức trách nhiệm đối với nghề còn thấp, thiếu ý thức vươn lên.

- Về số lượng và chất lượng đầu vào của học sinh: tuy là thành phố của tỉnh song học sinh không chỉ ở địa bàn thành phố mà số học sinh ở các huyện về học chiếm tỷ lệ khá cao. Cho nên chất lượng đầu vào chưa đồng bộ và tình trạng sĩ số học sinh quá tải gây khó khăn lớn cho công tác quản lý dạy học.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học còn nhiều bất hợp lý, nguồn tài chính chi cho hoạt động dạy học ít ỏi, cơ sở vật chất, phương tiện dạy học ở tiểu học thiếu thốn nhiều, phương tiện giao thông đi lại còn nhiều khó khăn.

- Quản lý cấp trên còn mang nặng tính bao cấp, thiếu tính kế hoạch, nên gây nhiều khó khăn cho người quản lý nhà trường. Thông tin, số liệu chưa kịp thời, lạc hậu.

Tất cả nguyên nhân trên đã ảnh hưởng không tốt đến quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng trường Tiểu học thành phố Cà Mau; từ đó dẫn đến việc nâng cao chất lượng dạy học còn nhiều khó khăn bất cập.

Kết luận chương 2

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của các trường tiểu học thành phố Cà Mau cho thấy hầu hết Hiệu trưởng trường tiểu học thành phố Cà Mau đã có ý thức về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động dạy học và về vai trò trách nhiệm đối với công tác dạy học. Các trường đã có chú ý và tổ chức triển khai các biện pháp quản lý thực hiện nhiệm vụ dạy học của giáo viên, tích cực bồi dưỡng giáo viên theo hướng chuẩn hóa.

Đồng thời các trường đã có chú ý trang bị sách, tài liệu tham khảo, một số phương tiện cần thiết cho hoạt động dạy học, tổ chức phong trào thi đua hai tốt, xây dựng môi trường sư phạm khá tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế, tồn tại cần phải được khắc phục.

Về mặt tác động nhận thức, ý thức của cán bộ quản lý và giáo viên tuy đã có ý thức về tầm quan trọng của quản lý dạy học, song nhiều cán bộ quản lý vẫn chưa quán triệt sâu sắc, cho nên ít chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học giáo dục. Một số giáo viên có tư tưởng làm việc qua loa, thiếu tinh thần trách nhiệm trước công việc; ít hoặc thiếu quan tâm đến hoạt động quản lý dạy học.

Trong công tác quản lý dạy học còn bộc lộ nhiều hạn chế, nặng về hình thức, sự vụ hành chính, thiếu biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Khâu kiểm tra đánh giá chất lượng hoạt động dạy học ở một số trường tiểu học còn thiếu các biện pháp cụ thể, đồng thời chưa phát huy, khai thác có hiệu quả các phương tiện, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cho hoạt động dạy học.

Tính chủ động của cán bộ quản lý để phát huy nội lực trong đội ngũ quản lý và giáo viên để phối hợp và tạo điều kiện cho các đoàn thể trong trường hoạt động còn hạn chế; vì vậy vận động các lực lượng xã hội tham gia thúc đẩy hoạt động dạy học cũng như tham mưu với cấp trên còn rất bị động.

Chương 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TP CÀ MAU

3.1. Cơ sở đề ra biện pháp

3.1.1. Căn cứ vào quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Đảng ta rất quan tâm đến vấn đề giáo dục và đào tạo. Trong các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khoá VIII, lần thứ hai khoá VIII đã khẳng định “việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục – đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và tăng cường cơ sở vật chất các trường học là một nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục và đào tạo” [18].

Chỉ thị 40 CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cũng đã đề ra mục tiêu là “Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hoá, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm, tay nghề của nhà giáo; thông qua việc quản lý, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả sự nghiệp giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”[20].

Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ X (4-2001) tiếp tục khẳng định: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức; cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam[21].

Đồng thời, Đại hội cũng đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 -2010, trong đó định hướng phát triển cho Giáo dục là: “Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên”.

3.1.2. Căn cứ kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Cà Mau giai đoạn 2005 -2010” (Kế hoạch số 1142/KH-SGD&ĐT ngày 21/8/2006 của Sở GD&ĐT Cà Mau)[47].

Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2005 – 2010 đã xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể đến năm 2010 như sau:

- Mục tiêu

“Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh nhà theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn của nhà giáo, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và của địa phương”.

- Nhiệm vụ cụ thể đến năm 2010

Một là: Khắc phục cơ bản những bất hợp lý về số lượng và cơ cấu của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong toàn tỉnh.

Hai là: Nâng cao chất lượng toàn diện đối với đội ngũ nhà giáo, trọng tâm là nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giáo dục và đạo đức nghề nghiệp.

Ba là: Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Bốn là: Thực hiện các chính sách, chế độ đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Năm là: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp và sự tham gia của toàn bộ xã hội trong công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

3.1.3. Căn cứ vào thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy trong các trường tiểu học của thành phố Cà Mau

Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của các trường tiểu học thành phố Cà Mau trong chương 2 cho thấy việc quản lý đã được quan tâm chỉ đạo và đã xây dựng được một số biện pháp quản lý đạt hiệu quả. Tuy nhiên, trong thực tế công tác quản lý hoạt động giảng dạy của Hiệu trưởng các trường tiểu học vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như trong quản lý thiếu kế hoạch cụ thể, chưa có những biện pháp quản lý toàn diện các nội dung, các hoạt động của nhà trường để đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Một số cán bộ quản lý do năng lực còn hạn chế nên trong quản lý thường dựa vào kinh nghiệm, thiếu khoa học, kém hiệu quả; trong lãnh đạo nặng về sự vụ hành chính, cơ sở vật chất và xem nhẹ công tác dạy và học. Do đó, kết quả giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Một số biện pháp cụ thể

3.2.1. Biện pháp 1: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý của cán bộ quản lý

3.2.1.1. Mục đích

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và triển khai chương trình, sách giáo khoa mới, Hiệu trưởng trường tiểu học cần được đào tạo bồi dưỡng một cách đầy đủ, hệ thống cả 3 lĩnh vực: phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và năng lực quản lý.

3.2.1.2. Những nội dung cốt yếu cần đào tạo, bồi dưỡng

Bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước... Chú trọng cả phẩm chất đạo đức và kiến thức, cả lý luận và thực tiễn; bồi dưỡng kiến thức cơ bản và hướng dẫn kỹ năng thực hành.

Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý xã hội... chuyên môn nghiệp vụ, phong cách lãnh đạo.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL giáo dục theo hướng chuyên môn hoá. Trong từng giai đoạn cần có những chuyên đề mới bổ sung để cập nhật với tình hình, Do vậy, cần trang bị cho Hiệu trưởng phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng xem đó là một nhu cầu rất quan trọng, không thể thiếu được của họ trong quản lý.

3.2.1.3. Phương thức bồi dưỡng

- Phương thức tự học, tự bồi dưỡng: đây là phương thức chủ yếu trong bồi dưỡng của người Hiệu trưởng trường tiểu học hiện nay. Cách thức tổ chức do mỗi cá nhân tự đặt ra cho phù hợp hoàn cảnh của mình, học ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi điều kiện. Nội dung rất đa dạng, tự học, tự rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; tự học về chuyên môn giáo dục tiểu học; tự học về nghiệp vụ quản lý giáo dục tiểu học

- Phương thức tập trung: tham gia đầy đủ và tích cực trong các lớp tập trung bồi dưỡng do các cấp quản lý tổ chức.

- Phương thức đào tạo từ xa (Distance Education): là một hình thức học tập tại chỗ đang được sử dụng rộng rãi và có ý nghĩa phát triển đối với người học (tạo được nhiều cơ hội học tập nhằm phát triển tối đa các khả năng của mỗi cá nhân), đồng thời có ý nghĩa xã hội sâu rộng (tạo được một xã hội học tập lành mạnh). Đào tạo từ xa đối với cán bộ quản lý hiện nay chủ yếu bằng phương thức tổ chức tại cơ sở địa phương liên kết với các trường sư phạm.

- Phương thức học trực tuyến (E-learning: học qua mạng) tùy theo điều kiện của người học.

3.2.2. Biện pháp 2: Kế hoạch hoá trong quản lý hoạt động giảng dạy

3.2.2.1. Mục đích

Kế hoạch là phương hướng hoạt động của bất kỳ tổ chức nào. Trong quản lý chuyên môn, kế hoạch dạy học của nhà trường là kế hoạch có tính bao quát nhất. Nó được thể hiện cả chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và cách thức quản lý của lãnh đạo nhà trường.

Kế hoạch hoá trong quản lý nhằm giúp người quản lý huy động được sức mạnh tổng hợp của mỗi cá nhân, các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường vào quản lý hoạt động giảng dạy một cách phù hợp và có hiệu quả.

3.2.2.2. Tổ chức thực hiện

Kế hoạch trường học có tính liên tục. Giáo dục là một quá trình, do đó phải có hệ thống mục tiêu thống nhất, liên tục, gắn bó chặt chẽ với nhau mới mang lại kết quả đào tạo. Chất lượng giáo dục của năm học là sự kế tiếp của năm trước và là cơ sở cho chất lượng năm sau. Do đó, nhà trường phải vừa có kế hoạch ngắn hạn (1 năm học) vừa có kế hoạch dài hạn (3 hoặc 5 năm học; kế hoạch cá nhân của GV, công nhân viên; kế hoạch của các tiểu ban; kế hoạch của Hiệu trưởng

- Việc xây dựng kế hoạch phải đảm bảo các yêu cầu sau

Phải có tác dụng giúp nhà trường thực hiện được các nhiệm vụ năm học với những chỉ tiêu phấn đấu tích cực, bằng những biện pháp sáng tạo phù hợp với khả năng điều kiện cho phép

Có tác dụng đưa mọi hoạt động giáo dục, quản lý của nhà trường vào nề nếp và ngày càng có chất lượng

Giúp các cấp quản lý chỉ đạo có thêm cơ sở kiểm tra, đánh giá, giúp cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

Khi xây dựng kế hoạch, người quản lý phải phân tích được mặt mạnh, mặt yếu của nhà trường; những cơ hội và thách thức đối với đổi mới giáo dục tiểu học, đồng thời phải có các căn cứ như: các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý; các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Khi xây dựng kế hoạch phải tuân thủ các bước như sau

Các công việc chuẩn bị cho lập kế hoạch: xác định căn cứ, thu thập thông tin của ngành, địa phương, của nhà trường; dự báo, chẩn đoán về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; dự báo các kết quả, các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt trong việc thực hiện đổi mới giáo dục và triển khai chương trình – sách giáo khoa mới ở trường tiểu học.

Xây dựng kế hoạch sơ bộ: dự kiến các mục tiêu, biện pháp, điều kiện thực hiện đổi mới giáo dục và tập trung thực hiện chương trình – sách giáo khoa mới; thảo luận tập thể, tổ chức hội nghị cán bộ, giáo viên về xây dựng kế hoạch ...

Xây dựng kế hoạch chính thức: chính thức hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp và các điều kiện thực hiện; báo cáo trình duyệt các cơ quan quản lý (Phòng GD&ĐT, UBND xã phường), sau khi kế hoạch đã được các cơ quan quản lý duyệt, kế hoạch trở thành căn cứ pháp lý trong quản lý.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch

+ Ở giai đoạn tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, người Hiệu trưởng cần thực hiện tốt các nội dung sau:

Lập chương trình trong quản lý hoạt động giảng dạy một cách cụ thể;

Tiến hành chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm để chỉ đạo toàn diện;

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để bổ sung điều chỉnh kế hoạch;

Thường xuyên tổ chức phong trào thi đua thực hiện kế hoạch và quan tâm đến công tác tổng kết thi đua để kịp thời động viên và uốn nắn những sai lệch trong quá trình thực hiện.

+ Ở giai đoạn kiểm tra người Hiệu trưởng cần nắm vững và thực hiện tốt các yêu cầu cơ bản như: thực hiện kiểm tra đủ các nội dung của quản lý hoạt động giảng dạy; phải xây dựng được các chuẩn đánh giá và bộ công cụ đánh giá đo lường cụ thể cho các nội dung của hoạt động giảng dạy; phải áp dụng nhiều hình thức khác nhau và sử dụng các phương pháp kiểm tra một cách linh hoạt sáng tạo, thực hiện có hiệu quả dân chủ hoá trong kiểm tra hoạt động giảng dạy ở nhà trường; đảm bảo các nguyên tắc và yêu cầu trong kiểm tra; thực hiện kiểm tra theo kế hoạch.

3.2.3. Biện pháp 3: Các biện pháp về quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của GV

Trên cơ sở thực trạng việc quản lý hoạt động giảng dạy Hiệu trưởng tổ chức điều phối sao cho các hoạt động theo kế hoạch đào tạo thực hiện một cách đầy đủ, không bị sai lệch so với mục tiêu giáo dục.

Trên cơ sở nội dung quản lý hoạt động giảng dạy, người hiệu trưởng xác định mối quan hệ và tác động qua lại giữa các nội dung để quản lý một cách bao quát và toàn diện.

Chức năng cơ bản của quản lý giáo dục là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá. Dựa trên các chức năng này, người Hiệu trưởng thiết lập các biện pháp quản lý mục tiêu, nội dung dạy học một cách đồng bộ.

3.2.3.1. Quản lý việc thực hiện chương trình dạy học

*** Mục đích**

Yêu cầu GV thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình; đảm bảo, nâng cao chất lượng giờ lên lớp Giúp Hiệu trưởng có cơ sở chính xác để nâng cao chất lượng giảng dạy.

*** Tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở chương trình tiểu học, căn cứ các chỉ thị hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, người Hiệu trưởng tổ chức đề cán bộ, giáo viên nhà trường quán triệt đầy đủ chương trình tiểu học; quán triệt các hướng dẫn thực hiện và các chỉ thị năm học của Bộ GD&ĐT; quán triệt kế hoạch của nhà trường.

Quản lý việc thực hiện chương trình dạy học của GV là quản lý việc dạy đúng và đủ chương trình quy định. Thực hiện yêu cầu này, người Hiệu trưởng làm một số việc sau đây:

- Đề nghị GV lập kế hoạch dạy học môn học. Đây là kế hoạch chủ yếu của giáo viên và cần phải được trao đổi trong tổ chuyên môn.

- Bảo đảm thời gian quy định cho chương trình. Nghiêm cấm việc cắt xén chương trình để dành thời gian cho những hoạt động khác.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn phải theo dõi việc thực hiện chương trình hàng tuần, hàng tháng của giáo viên.

- Sử dụng phương tiện hỗ trợ cho việc theo dõi: biểu bảng, sổ sách, phiếu báo giảng, sổ dự giờ, lịch kiểm tra học tập,...

Thường xuyên tổ chức các hình thức kiểm tra việc thực hiện chương trình sao cho có sự thống nhất chặt chẽ về sử dụng quỹ thời gian trong toàn trường.

Kiểm tra việc thực hiện đổi mới nội dung chương trình qua hồ sơ chuyên môn của GV: chỉ đạo cho Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn ký duyệt giáo án, duyệt từng tuần hoặc định kỳ.

3.2.3.2. Quản lý việc soạn bài và giờ lên lớp của giáo viên

*** Mục đích**

Quản lý việc soạn bài và giờ lên lớp của giáo viên nhằm đảm bảo nội dung, kiến thức, lựa chọn phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc trưng bộ môn, với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và trình độ của học sinh.

Giúp Hiệu trưởng có cơ sở kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên.

*** Tổ chức thực hiện**

Hiệu trưởng xây dựng được các quy định về quản lý việc soạn bài và chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên:

- Soạn bài phải đúng với quy chế, chu đáo trước khi lên lớp, chống việc soạn bài nhằm mục đích đối phó kiểm tra. Đưa việc soạn bài vào nền nếp – nghiêm túc, chất lượng; khuyến khích tính tích cực, tự giác, sáng tạo của giáo viên.

- Với người quản lý, giờ lên lớp tập trung thông tin phong phú về các chủ thể của quá trình dạy học, về hoạt động dạy học. Do đó, yêu cầu về quản lý phải xây dựng được chuẩn giờ lên lớp, xây dựng nền nếp giờ lên lớp và tác động tích cực để mọi giờ lên lớp đều góp phần thực hiện mục tiêu dạy học.

- Phó Hiệu trưởng hướng dẫn cho giáo viên lập kế hoạch soạn bài và thực hiện tốt các quy định, các yêu cầu chung về soạn bài phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường và chỉ đạo của cấp trên sao cho đảm bảo tính thống nhất trong toàn trường. Chuẩn bị và hướng dẫn các quy định về cung cấp, sử dụng sách, tài liệu, trang thiết bị phục vụ dạy học theo quy định và theo thực tế của nhà trường.

- Quy định chế độ kiểm tra các loại sổ sách liên quan đến giờ lên lớp; chế độ dự giờ học tập, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn... . Xử lý kịp thời các trường hợp giáo viên nghỉ dạy và không thực hiện nghiêm túc chương trình.

- Đối với Tổ trưởng chuyên môn đảm bảo việc chấp hành những quy chế, quy định của ngành và của trường liên quan đến giờ lên lớp; xây dựng, củng cố và duy trì tốt nền nếp giờ lên lớp; giúp đỡ giáo viên chuẩn bị soạn các bài khó, tổ chức trao đổi những vấn đề chung liên quan đến giờ lên lớp, phân công giúp đỡ các giáo viên tập sự, mới chuyển khối, mới chuyển trường về trường việc soạn bài và chuẩn bị giờ lên lớp.

- Đối với giáo viên có kế hoạch giảng dạy cá nhân, xác định những vấn đề để cần đầu tư nhiều cho bản thân; cập nhật thông tin, tư liệu mới liên quan đến việc giảng dạy, soạn bài và chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho giờ lên lớp. Đối với giáo viên giỏi, có năng lực, giáo viên dạy lâu năm một khối lớp, có uy tín nghề nghiệp được tập thể công nhận được soạn giáo án bổ sung, để dành thời gian nghiên cứu, đi sâu vào kiến thức mới, chọn lọc kinh nghiệm giúp đỡ đồng nghiệp cùng nhau tiến bộ.

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi, nắm tình hình soạn bài để kịp thời khuyến khích hoặc nhắc nhở tổ khối, giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn.

- Với giáo viên đưa vào chuẩn giờ lên lớp và các quy định khác về nề nếp, về thực hiện sổ sách... để tự kiểm tra và rút kinh nghiệm việc dạy hàng tuần.

Tổ chức kiểm tra giờ lên lớp của giáo viên một cách thường xuyên, trở nên bình thường trong nhà trường, biến kiểm tra thành tự kiểm tra của mỗi giáo viên.

3.2.3.3. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

*** Mục đích**

Thực hiện nghiêm túc quy chế cho điểm, nhận xét – đánh giá học sinh, qua đó xác định được mức độ chất lượng học tập của học sinh và năng lực giảng dạy của giáo viên; thấy được những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo, đầu tư.

Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn của ngành về đánh giá, xếp loại học sinh.

*** Tổ chức thực hiện**

Hiệu trưởng chỉ đạo cho Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn nghiên cứu và phổ biến đến giáo viên các quy định về kiểm tra đánh giá và cho điểm; lập kế hoạch kiểm tra; soạn và phổ biến những quy định về nề nếp kiểm tra.

Hiệu trưởng cần nắm được tình hình của giáo viên thực hiện sự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh với những nội dung sau:

- Có lịch kiểm tra hàng tháng và cả học kỳ;
- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, cho điểm như quy định của Bộ GD&ĐT.
- Chấm trả bài đúng thời gian.
- Báo cáo tình hình kiểm tra theo qui định của trường.

Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh (phối hợp kiểm tra- đánh giá trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan)

Kết quả của hoạt động dạy học của giáo viên được tập trung và thể hiện rõ ràng nhất là kết quả học tập của học sinh. Một căn cứ mang tính định lượng và cơ bản là kết quả học tập của học sinh. Vì thế, để đánh giá một cách chính xác, Hiệu trưởng phải chỉ đạo kiểm tra nghiêm túc tránh việc chạy theo thành tích.

3.2.3.4. Tăng cường quản lý cải tiến phương pháp dạy học

*** Mục đích**

Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh và giáo viên. Nâng cao chất lượng dạy học nhằm đáp ứng việc đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Trong trường tiểu học, quản lý phương pháp dạy học là tổ chức, điều phối sao cho các phương pháp bổ sung, hỗ trợ nhau nhằm hoàn thành nội dung và hướng tới việc thực hiện mục tiêu dạy học quy định.

*** Tổ chức thực hiện**

- Đổi mới nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên: khẳng định quyết tâm và trách nhiệm trong đổi mới cách dạy, cách học ở tiểu học; xác định đổi mới phương pháp giáo dục là quá trình lâu dài, phải kiên trì, làm từng bước (theo điều kiện cụ thể của từng trường, từng địa phương), phải ủng hộ và khuyến khích sự chủ động, năng động, sáng tạo của giáo viên và học sinh, tránh áp đặt, bảo thủ hoặc cực đoan.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về các phương pháp dạy học tích cực; tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, thảo luận tổ chuyên môn về: lựa chọn phương pháp dạy học tích cực phù hợp với tâm sinh lý học sinh tiểu học và phù hợp với nội dung chương trình tiểu học mới; thống nhất trong tổ chuyên môn về các phương pháp dạy học phù hợp với từng môn học, từng chương, từng bài và từng tiết học.

- Tổ chức các buổi thao giảng về lựa chọn và sử dụng PPDH phù hợp với nội dung chương trình mới: cử giáo viên có kinh nghiệm soạn bài mẫu, giảng mẫu và tổ chức cho giáo viên trong trường tham dự, học rút kinh nghiệm. Nhân rộng hình thức thao giảng với việc lựa chọn đúng và vận dụng hiệu quả PPDH trong toàn trường. Có biện pháp khuyến khích thi đua triển khai về số lượng, chất lượng và mở rộng diện trong toàn trường, đồng thời học tập kinh nghiệm của các trường khác.

- Hiệu trưởng thiết lập và tổ chức thực hiện các quy định của nhà trường về lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung chương trình – sách giáo khoa mới trong soạn bài, giảng bài và kiểm tra đánh giá học tập của học sinh.

- Xây dựng môi trường học tập tốt ở trường và ở cộng đồng nhằm hỗ trợ học sinh thực sự chủ động và tham gia tích cực vào quá trình dạy học.

- Hiệu trưởng tăng cường các biện pháp kích thích về tinh thần (thi đua, khen thưởng) và kinh tế để giáo viên tích cực thực hiện đổi mới PPDH phù hợp nội dung chương trình – sách giáo khoa mới.

3.2.3.5. Tăng cường công tác phát triển, bồi dưỡng đội ngũ GV

*** Mục đích**

Nhân tố quyết định chất lượng học tập của học sinh là chất lượng giảng dạy của giáo viên. Vì vậy, nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên là điều kiện tiên quyết nhằm khẳng định sự tồn tại của nhà trường trong xu thế cạnh tranh để phát triển của các trường tiểu học.

Nâng cao chuyên môn giáo viên còn có ý nghĩa bền vững, có tác dụng lâu dài cho sự phát triển của nhà trường và trước mắt là đáp ứng được yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp theo chương trình – sách giáo khoa mới.

*** Tổ chức thực hiện**

Phát triển chuyên môn giáo viên là quá trình thường xuyên liên tục gắn với công việc hằng ngày và được quyết định bởi chính sự cố gắng học hỏi của giáo viên dưới sự giúp đỡ của đồng nghiệp và các lực lượng khác.

Hiệu trưởng có thể tổ chức phát triển và bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên theo 3 mô hình sau:

- Tập huấn bồi dưỡng GV: mời chuyên gia bồi dưỡng từng chủ đề; bồi dưỡng theo một chương trình có tính hệ thống. Về hình thức tổ chức có thể tập trung; có thể tổ chức tập huấn đa cấp; tổ chức học tập từ xa, học tập qua mạng Internet.

- Mô hình nhóm:

Sinh hoạt theo tổ chuyên môn: những giáo viên dạy cùng một khối lớp tổ chức các hoạt động theo nhóm để thảo luận những vấn đề chuyên môn như thống nhất giáo án, nội dung, phương pháp dạy học, tập huấn trong nhóm, giúp đỡ nhau có tính chất truyền nghề, dự giờ có sự trao đổi và phản hồi người dạy và người dự.

Thảo luận trao đổi kinh nghiệm giữa giáo viên theo nhóm bộ phận, khối lớp, trường, nhóm trường...

- Mô hình cá nhân: được tổ chức như sau.

Đánh giá hoạt động của học sinh, thông qua việc đánh giá người giáo viên hiểu thêm trình độ học sinh, nhu cầu của các em và đưa ra các PPDH phù hợp.

Dự giờ đồng nghiệp để rút kinh nghiệm, học tập những PPDH, những kỹ thuật dạy học từ đồng nghiệp

Hồ sơ của giáo viên tập hợp những hiểu biết mà người giáo viên thu nhận được thông qua việc đọc tài liệu, học tập, trao đổi nhóm... để có thể theo dõi sự phát triển chuyên môn của mình.

Xây dựng chương trình tự bồi dưỡng để phát triển chuyên môn.

Tổng kết kinh nghiệm của bản thân và đồng nghiệp.

Như vậy, yêu cầu đối với công tác này là phải có kết quả cụ thể, có thể lượng giá được. Do đó, người Hiệu trưởng cần có kế hoạch cụ thể, thiết thực; lựa chọn được nội dung, hình thức phù hợp với đối tượng, với yêu cầu trước mắt và lâu dài của trường.

3.2.4. Biện pháp 4: Quản lý quy chế chuyên môn gắn với công tác thi đua

3.2.4.1. Mục đích

Thi đua là một biện pháp quan trọng để kích thích động viên tính tích cực hoạt động của cá nhân và tập thể. Quản lý quy chế chuyên môn gắn với công tác thi đua là cơ sở để người Hiệu trưởng động viên khuyến khích và tập hợp mọi cá nhân và tập thể thực hiện tốt công tác chuyên môn. Đồng thời, qua đó thiết lập nền nếp, kỷ cương trong hoạt động giảng dạy trong nhà trường; làm cho mọi hoạt động của nhà trường sinh động và đạt hiệu quả.

3.2.4.2. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng quản lý chuyên môn gắn với công tác thi đua khi tiến hành thực hiện phải thật sự có tác dụng thiết thực, cụ thể là:

- Người quản lý phải định ra nhiệm vụ với một số định lượng cụ thể rõ ràng theo điều lệ trường tiểu học và những quy định này mang tính đặc thù của nhà trường. Trước khi thực hiện phải phổ biến cho toàn thể cán bộ, giáo viên nghiên cứu, đóng góp và thống nhất cao. Các quy định thực hiện phải trên cơ sở chuẩn và có thưởng phạt rõ ràng.

- Trong thi đua cần lãnh đạo tư tưởng cán bộ, giáo viên hướng vào việc thi đua giúp đỡ nhau theo tinh thần, thái độ lao động mới cùng tiến bộ, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Do đó, người quản lý phải làm cho mọi người tham gia thi đua hiểu rõ và đúng mối quan hệ tác động giữa đạt danh hiệu thi đua với lợi ích của tập thể.

- Quản lý chuyên môn gắn với công tác thi đua khi tổ chức thực hiện cần phải có nhiều hình thức phong phú, đa dạng và phải đảm bảo tính công khai và tính tập thể.

3.2.5. Biện pháp 5: Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên

3.2.5.1. Mục đích

Kiểm tra là chức năng cơ bản của quản lý giáo dục nhằm thực hiện các nhiệm vụ đánh giá, phát hiện và điều chỉnh nhằm giúp đối tượng hoàn thành nhiệm vụ.

Kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên giúp Hiệu trưởng có cứ liệu chính xác để đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên, trên cơ sở đó thúc đẩy và tạo điều kiện để giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

3.2.5.2. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng hướng dẫn cho giáo viên nhận thức việc kiểm tra chuyên môn đối với người giáo viên là việc làm bình thường trong hoạt động dạy học và là một chức năng trong quy trình quản lý.

Khi tiến hành kiểm tra chuyên môn, người cán bộ quản lý cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hình thức kiểm tra phải đa dạng, kết hợp hình thức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra trực tiếp, kiểm tra gián tiếp, kiểm tra chuyên đề...

- Phương pháp kiểm tra phải phù hợp với đối tượng, các kết luận kiểm tra phải rõ ràng, chính xác; phải có căn cứ, dựa trên các tiêu chuẩn được xây dựng thống nhất. Tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá phải được công bố công khai, trong quá trình thực hiện có thay đổi, điều chỉnh phải có sự thống nhất và có thông báo bổ sung.

Trong công tác kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên cần đạt được yêu cầu và hiệu quả kiểm tra:

- Đánh giá kết quả kiểm tra phải có được sự đồng tình để giáo viên có hướng phấn đấu tốt hơn

- Giúp giáo viên có điều kiện rút kinh nghiệm, kịp thời sửa chữa những sai phạm và bổ sung những thiếu sót, đồng thời khuyến khích những điển hình tốt; biến quá trình kiểm tra thành quá trình tự kiểm tra.

- Trên cơ sở kiểm tra, nâng cao năng lực quản lý của người Hiệu trưởng, có tác dụng đào tạo, tự đào tạo; bồi dưỡng và tự bồi dưỡng đối với giáo viên và người quản lý.

3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy

3.2.6.1. Mục đích

Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy học là điều kiện thiết yếu để đảm bảo cho hoạt động dạy học được tiến hành và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì thế, người Hiệu trưởng phải có biện pháp tích cực để khai thác một cách có hiệu quả và xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động dạy học.

3.2.6.2. Tổ chức thực hiện

Người Hiệu trưởng cần tổ chức thực hiện đầy đủ và đồng bộ các bước sau:

- Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của trường phải định hướng theo mục tiêu đào tạo của nhà trường, mục tiêu của ngành giáo dục, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Khi thực hiện cần xác định mục tiêu lâu dài (5 – 10 năm) và mục tiêu trước mắt và kế hoạch hoá xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trường học có ý nghĩa quan trọng và có vậy mới có thể phối hợp được các lực lượng trong và ngoài nhà trường (như Tài chính, Ngân hàng, Công ty thiết bị trường học, Phòng Giáo dục – Đào tạo, Chính quyền địa phương, hội cha mẹ học sinh,...)

- Sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất – kỹ thuật trường học:

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục khác về tầm quan trọng của cơ sở vật chất - thiết bị dạy học trong đổi mới giáo dục tiểu học.

Tổ chức hướng dẫn giáo viên sử dụng thiết bị dạy học; tham gia triển lãm về thiết bị và đồ dùng dạy học... đồng thời tăng cường sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất - thiết bị dạy học. Việc sử dụng thiết bị dạy học, giáo dục được quy định trong chương trình môn học. Hiệu trưởng cần kiểm tra việc thực hiện của giáo viên trong trường. Chống “dạy chay”, chú ý xây dựng nội quy sử dụng thiết bị dạy học, giáo dục và bắt buộc thực hiện.

Giữ gìn và bảo quản thiết bị dạy học và giáo dục: bảo đảm các điều kiện vật chất bảo quản như có phòng đồ dùng dạy học, có các tủ, giá, kệ đựng đồ dùng dạy học; có phương tiện phòng cháy, chống ẩm; có sổ sách ghi chép, phân công trách nhiệm rõ ràng cho cán bộ phụ trách, cho các tổ trưởng chuyên môn; thực hiện chế độ kiểm kê định kỳ.

- Trang bị, mua sắm và tự làm đồ dùng dạy học cần chú ý thực hiện các biện pháp:

Sử dụng và khai thác những cái có sẵn hoặc tận dụng nguồn cung cấp khác ngoài xã hội hoặc còn tiềm tàng trong nhân dân và phụ huynh học sinh để có thể sử dụng và mua sắm.

Tạo nguồn vốn, nguyên vật liệu để mua sắm trang bị hoặc tự tạo vốn bằng nhiều cách: trích các quỹ ngoài ngân sách, vận động nguồn lực từ các cá nhân tổ chức xã hội ...

Trong việc mua sắm trang thiết bị dạy học và giáo dục thì việc tự làm, sáng chế đồ dùng dạy học có ý nghĩa rất quan trọng, đây là sự vật chất hoá tri thức của thầy và trò, là cầu nối giữa học với hành, rèn luyện và phát triển tính tích cực sáng tạo, song việc tự làm đồ dùng dạy học phải chống hình thức, chạy theo phong trào, bệnh thành tích.

3.3. Kết quả khảo sát mức độ khả thi của các biện pháp

Trong phạm vi của luận văn và do giới hạn về mặt thời gian, chúng tôi không có điều kiện để tổ chức thực nghiệm các biện pháp đề xuất trên. Chính vì thế, chúng tôi chỉ tổ chức khảo sát về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp bằng việc xin ý kiến bằng phiếu hỏi đối với lãnh đạo Sở GD&ĐT Cà Mau; lãnh đạo Phòng GD&ĐT, cán bộ quản lý Phòng GD&ĐT thành phố Cà Mau; cán bộ quản lý và giáo viên các trường tiểu học thành phố Cà Mau. Tổng số người được hỏi ý kiến là 508, gồm có:

- Lãnh đạo Sở GD&ĐT: 2 (1 Giám đốc , 1 Phó Giám đốc Sở);
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT TP Cà Mau: 3 (1 Trưởng phòng, 2 Phó Trưởng phòng);
- Cán bộ quản lý các trường tiểu học TP Cà Mau: 82 (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn);
- Giáo viên đang dạy ở trường tiểu học TP Cà Mau: 421 người.

Căn cứ vào số ý kiến tán thành về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp, chúng tôi thống kê theo tỷ lệ phần trăm. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3.1 như sau:

Bảng 3.1: Kết quả khảo sát mức độ khả thi của các biện pháp

TT	CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY	SỐ LƯỢNG VÀ PHẦN TRĂM	MỨC ĐỘ KHẢ THI						Xếp thứ tự
			Rất khả thi		Khả thi		Chưa khả thi		
			CB QL	GV	CB QL	GV	CB QL	GV	
1	Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý cho CBQL	Số lượng	74	353	13	68	0	0	1
		Tỷ lệ (%)	85,0	83,8	15,0	16,2	0	0	
2	Kế hoạch hoá trong quản lý hoạt động giảng dạy	Số lượng	45	218	40	197	2	6	5
		Tỷ lệ (%)	51,7	51,8	46,0	46,8	2,3	1,4	
3	Các biện pháp quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của GV	Số lượng	47	235	39	176	1	10	4
		Tỷ lệ (%)	54,0	55,8	44,8	41,8	1,2	2,4	
4	Quản lý quy chế chuyên môn gắn với thi đua	Số lượng	37	203	48	211	2	7	6
		Tỷ lệ (%)	42,5	48,2	55,2	50,1	2,3	1,7	
5	Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với GV	Số lượng	69	341	18	77	0	3	2
		Tỷ lệ (%)	79,3	81,0	20,7	18,3	0	0,7	
6	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy	Số lượng	64	311	23	110	0	0	3
		Tỷ lệ (%)	73,6	73,9	26,4	26,1	0	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Từ kết quả khảo sát thu được, chúng tôi rút ra nhận xét sau:

Tất cả các biện pháp đều được CBQL và GV đánh giá là cần thiết và khả thi trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau. Trong đó có 4 biện pháp được đánh giá có mức độ cần thiết và tính khả thi cao là:

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý cho CBQL;
- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên;
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy

- Thực hiện quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên.

Như vậy, có thể nói vấn đề bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý cho cán bộ quản lý và tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với đội ngũ giáo viên là cơ sở nền tảng đối với người quản lý. Đồng thời, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên, đảm bảo việc thực hiện nội dung chương trình, nâng cao chất lượng giờ lên lớp là vấn đề cơ bản và rất cần thiết trong công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau.

Qua kết quả thu được từ kiểm nghiệm thực tế đã chứng tỏ các biện pháp đề xuất trong việc quản lý hoạt động giảng dạy ở nhà trường tiểu học là rất cần thiết, khả thi và phù hợp với thực tiễn quản lý, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và mong muốn của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau.

Đề tài đã thực hiện được đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu, xây dựng được các cơ sở khoa học và chứng minh được tính khả thi của việc quản lý hoạt động giảng dạy trong điều kiện cụ thể của nhà trường tiểu học ở thành phố Cà Mau. Những kết quả nghiên cứu của đề tài đang được sự hưởng ứng của hầu hết các trường tiểu học ở thành phố Cà Mau. Có thể nói đề tài này đã mở đầu và góp phần phát động phong trào “Đổi mới công tác quản lý ở trường tiểu học”.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở mục đích và nghiên cứu của đề tài đặt ra, chúng tôi đã trình bày và phân tích cơ sở lý luận, thực trạng việc quản lý hoạt động giảng dạy trường tiểu học ở thành phố Cà Mau, bước đầu có khảo sát và xin ý kiến. Có thể khẳng định: vấn đề đặt ra của đề tài đã được giải quyết và xác nhận giả thuyết khoa học của luận văn là đúng. Qua đó chúng tôi có thể rút ra một số kết luận khái quát sau:

1.1. Giáo dục và Đào tạo ở thành phố Cà Mau trong những năm qua đã xây dựng được một đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đông đảo, có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ này đã đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, góp phần vào thắng lợi phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên trước những yêu cầu mới của sự phát triển giáo dục, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ở trường tiểu học còn có những hạn chế, bất cập nhất định về cơ cấu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tình hình trên đòi hỏi phải tăng cường xây dựng một cách toàn diện đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD.

Đặc biệt là thực trạng về công tác quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng các trường tiểu học ở TP Cà Mau còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa có sự chỉ đạo nhất quán, sát sao, thiếu những “định hướng chuẩn” để thực thi. Các biện pháp, phương pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mà chủ thể quản lý giáo dục đã đề ra tuy mang tính tích cực và sáng tạo song còn rời rạc, thiếu tính đồng bộ và hệ thống. Nói cách khác là việc quản lý hoạt động giảng dạy chưa có tính khoa học và thực tế cao. Đây cũng là một lực cản đối với việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Kết quả khảo sát tình hình đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học cho thấy tính chuyên nghiệp chưa cao, trình độ năng lực điều hành trong quản lý còn hạn chế về nhiều mặt như trong thực thi công vụ, khả năng tham mưu, xây dựng chính sách phát triển giáo dục, chỉ đạo tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, trong vận dụng các phương pháp quản lý,

Tăng cường công tác quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học của thành phố Cà Mau là vấn đề hết sức bức thiết. Quản lý hoạt động dạy học là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi Hiệu trưởng nhà trường. Vì thế, nghiên cứu lý luận của vấn đề này là điều cần thiết cho người quản lý nhà trường, những vấn đề lý luận là cơ sở soi sáng cho hoạt động thực tiễn của Hiệu trưởng, giúp người Hiệu trưởng trường học quản lý trên cơ sở của khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Luận văn đã góp phần làm rõ lý luận trên. Từ đó tìm hiểu, phân tích bức tranh quản lý hoạt động dạy học của trường tiểu học ở thành phố Cà Mau. Những mặt mạnh trong công tác quản

lý thực sự đã góp phần đưa chất lượng giáo dục có bước ổn định; song phải thấy rằng hạn chế, bất cập còn nhiều; quản lý còn làm một cách tùy tiện, làm theo kinh nghiệm mà ít có vận dụng của khoa học quản lý và khoa học giáo dục

1.2. Qua kết quả điều tra về thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau, chúng tôi đã thu thập được những thông tin thiết thực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các trường tiểu học. Trên cơ sở xử lý kết quả điều tra, có thể kết luận công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của thành phố Cà Mau được thực hiện trong các năm qua đã góp phần đưa hoạt động của nhà trường vào nề nếp, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Cụ thể là:

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý hoạt động giảng dạy. Hiệu trưởng các trường đều chú ý đến việc quản lý mục tiêu giáo dục, coi trọng việc phân công lao động cho giáo viên trên cơ sở là năng lực của họ, phù hợp với nhiệm vụ của nhà trường và có chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh của giáo viên.

- Chú ý đến việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới theo đúng quy định. Hiệu trưởng có đề ra yêu cầu cụ thể về thực hiện chương trình giảng dạy, có nhiều biện pháp hướng dẫn để giáo viên nắm được và thực hiện những phần mới và khó trong chương trình.

- Hiệu trưởng coi trọng việc thực hiện giờ lên lớp của giáo viên nên đã tổ chức cho giáo viên nghiên cứu đầy đủ chuẩn giờ dạy, nề nếp giảng dạy trên lớp đảm bảo đúng theo quy chế chuyên môn. Đồng thời có chú ý đến yêu cầu cải tiến phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh.

- Hiệu trưởng các trường đã tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, quan tâm đến việc trang bị các phương tiện cần thiết để hỗ trợ giảng dạy và tổ chức các phong trào thi đua trong giảng dạy .

Những kết quả đạt được trong công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học ngày càng ổn định và phát triển. Tuy nhiên, trong thực tế công tác quản lý vẫn còn một số biện pháp chưa đạt hiệu quả cao cần phải tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Việc xây dựng cơ cấu tổ chức chuyên môn trong nhà trường chưa được Hiệu trưởng quan tâm đúng mức. Vấn đề là ở chỗ Hiệu trưởng chưa phân công cụ thể trách nhiệm, quyền hạn hợp lý, đạt tính hiệu quả cao trong hoạt động.

- Việc chỉ đạo - quản lý hoạt động của tổ chuyên môn chưa thật sâu sát, có chất lượng và hiệu quả; chưa xây dựng được quy định chế độ báo cáo, lễ lễ quan hệ, nề nếp làm việc giữa Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng với Tổ trưởng chuyên môn.

- Công tác bồi dưỡng đội ngũ chưa có kế hoạch cụ thể, thiết thực; lựa chọn được nội dung, hình thức phù hợp với đối tượng, với yêu cầu trước mắt và lâu dài của nhà trường.

- Việc đánh giá xếp loại chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, từ trước đến nay vẫn được Hiệu trưởng tiến hành thường xuyên nhưng chưa theo một quy trình thống nhất. Vì thế, hiệu quả của việc làm này còn hạn chế, nhất là khâu xử lý sau đánh giá, xếp loại. Cách quản lý nói chung vẫn chú trọng việc lấy thanh tra, kiểm tra do một bộ phận bên ngoài tiến hành làm công cụ điều chỉnh cơ bản và chủ yếu mà chưa coi trọng và phát huy vai trò của hoạt động tự kiểm tra, tự đánh giá thường xuyên bên trong cơ sở giáo dục, một yếu tố rất cơ bản để tạo nên chất lượng thực.

- Các biện pháp kích thích hoạt động giảng dạy chưa thiết thực như: chưa đánh giá đúng năng lực phẩm chất; khuyến khích sự sáng tạo sư phạm; động viên tinh thần kịp thời, quan tâm khuyến khích vật chất xứng đáng.

1.3. Căn cứ vào mục tiêu đào tạo của giáo dục tiểu học và thực trạng quản lý hoạt động dạy học tại các trường tiểu học thành phố Cà Mau, đối chiếu với cơ sở lý luận chúng tôi đề xuất một số giải pháp quản lý hoạt động dạy học nhằm tháo gỡ, khắc phục mặt yếu kém, bất cập, nâng cao chất lượng dạy học:

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý của cán bộ quản lý;
- Kế hoạch hoá trong quản lý hoạt động giảng dạy;
- Các biện pháp về quản lý hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên;
- Quản lý quy chế chuyên môn gắn với công tác thi đua;
- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên;
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy.

Các biện pháp trên bổ sung cho các biện pháp mà Hiệu trưởng các trường tiểu học đã thực hiện trong quản lý nhằm khắc phục những tồn tại, góp phần thúc đẩy công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học tốt hơn.

Qua khảo sát các biện pháp đề xuất trong việc quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học thành phố Cà Mau, đã được đánh giá là cần thiết và khả thi trong việc giải quyết vấn đề nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học.

Với những căn cứ trên, xét về tính cần thiết và tính khả thi, các giải pháp này góp phần phát huy tác dụng trong từng loại hình trường Tiểu học để nâng cao chất lượng dạy học ở thành phố Cà Mau.

2. Kiến nghị

Đổi mới công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học là một quá trình lâu dài. Mỗi giai đoạn của quá trình này chỉ có thể giải quyết một số vấn đề trọng tâm và phải kinh qua kiểm nghiệm thực tế ở các địa bàn khác nhau mới có điều kiện hoàn chỉnh và hoàn thiện những vấn đề đã nghiên cứu.

Giai đoạn nghiên cứu cơ bản được khảo sát trên những mẫu phiếu hỏi đã xác định tính hiệu quả và tính khả thi của các kết quả nghiên cứu của đề tài này. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị, trong giai đoạn tiếp theo như sau:

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Bộ GD&ĐT cần ban hành chế độ chung cho cả nước đối với Hiệu trưởng trường tiểu học, tránh chế độ chỉ mang tính hình thức. Về mặt văn bằng của nhà nước, cần phân loại rõ, chẳng hạn như: trung cấp quản lý giáo dục, cử nhân quản lý giáo dục... Đây là loại văn bằng được ưu tiên thêm về đề bạt, xếp lương, nâng lương sớm. Chúng tôi nghĩ rằng Bộ GD&ĐT cần quan tâm tối đa đến vấn đề này, đầu tư cho các trường quản lý giáo dục – đào tạo ở trung ương cũng như ở địa phương cả về con người, chương trình, nội dung... vươn lên ngang tầm nhiệm vụ.

- Bộ GD&ĐT tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; khắc phục và điều chỉnh kịp thời những sai sót, bất hợp lý trong nội dung chương trình, sách giáo khoa mới ở một số chương, một số bài còn gây quá tải. Về thiết bị dạy học cần được các ngành chuyên môn thẩm định về chất lượng, hiệu quả sử dụng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và sư phạm trước khi sản xuất đại trà, đưa vào sử dụng.

- Thẻ chế hoá, cụ thể hoá về tăng quyền tự chủ cho cán bộ quản lý, giáo viên và các cơ sở giáo dục tiểu học.

2.2. Đối với Sở Giáo dục & Đào tạo

- Cần phải có văn bản thống nhất chỉ đạo, kiểm tra và xử lý công tác hoạt động dạy học trên phạm vi tỉnh để tránh trường hợp mỗi Phòng Giáo dục – Đào tạo là một lĩnh vực riêng, dẫn tới Hiệu trưởng trường tiểu học gặp nhiều khó khăn trong quản lý; đồng thời tạo điều kiện để người quản lý cơ sở được phát huy khả năng sáng tạo của mình.

- Sở Giáo dục & Đào tạo cần phải đổi mới việc kiểm tra đánh giá từ chủ trương đến biện pháp cụ thể, phải xuất phát từ cơ sở khoa học để người quản lý của trường tiểu học có định hướng và giải pháp quản lý phù hợp, ổn định và mang tính chiến lược.

- Sở GD&ĐT và Trường Cao đẳng sư phạm có chương trình liên kết chặt chẽ với trường Cán bộ quản lý giáo dục để cử cán bộ quản lý trường tiểu học đi học các lớp bồi dưỡng dài ngày hoặc ngắn ngày mở theo hình thức tập trung hoặc tại chức và đồng thời, nên cho Hiệu trưởng tham quan những mô hình tiên tiến trong cả nước, qua đó đối chiếu so sánh để tự họ rút ra những kinh nghiệm quý báu trong công tác quản lý trường tiểu học mà có thể áp dụng tốt tại trường mình.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên dạy lớp; đa dạng hoá các hình thức bồi dưỡng, tăng cường viết tài liệu và xây dựng băng hình các tiết dạy để làm tài liệu bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho giáo viên.

2.3. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau

- Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trường học cho các trường tiểu học tại thành phố Cà Mau có đầy đủ về phòng học, phòng chức năng, về phương tiện trang thiết bị dạy học.

- Tăng nguồn kinh phí Nhà nước cho hoạt động dạy học.

- Có chính sách địa phương mang tính ổn định đối với quản lý nhà trường giỏi, giáo viên giỏi và những người quản lý giỏi, giáo viên có công lao cho sự phát triển giáo dục của thành phố Cà Mau; có chính sách thu hút nguồn nhân lực.

2.4. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cà Mau

- Cần đổi mới chỉ đạo công tác quản lý hoạt động dạy học đi vào thực chất chuyên môn, tổ chức và chỉ đạo thường xuyên các lớp tập huấn, thảo luận về phương pháp dạy học; đổi mới công tác kiểm tra, thanh tra để tạo động lực cho cán bộ quản lý và giáo viên an tâm và tích cực tham gia công hiến.

- Nhanh chóng làm tốt kế hoạch chiến lược giáo dục đào tạo và kế hoạch quản lý hoạt động dạy học.

- Về chế độ bồi dưỡng cho người được cử đi học, ngoài những quy định của trung ương, ngành giáo dục địa phương cần tham mưu tốt cho chính quyền địa phương ban hành một số chế độ khuyến khích Hiệu trưởng tiểu học như: có định mức kinh phí đủ đảm bảo cho người học đi lại, sinh hoạt, nghiên cứu trong và ngoài tỉnh. Đối với những Hiệu trưởng điều động đi vùng sâu, vùng xa,... nên có chế độ ưu đãi đặc biệt để thu hút họ tình nguyện và an tâm khi được điều động đến những vùng khó khăn trong địa phương.

- Xây dựng và thực hiện chuẩn đội ngũ cán bộ quản lý; đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý theo hướng chuẩn hoá quy định; điều chỉnh, sắp xếp lại cán bộ quản lý các trường tiểu học theo yêu cầu mới của ngành, phù hợp với năng lực, phẩm chất từng người, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu.

2.5. Đối với Hiệu trưởng trường tiểu học

- Hiệu trưởng các trường tiểu học cần phải phân tích đúng thực trạng quản lý của trường, soi sáng bằng cơ sở lý luận của khoa học quản lý; tìm và áp dụng các giải pháp, các biện pháp quản lý phù hợp để đảm bảo nâng cao chất lượng dạy học.

- Để ứng dụng hiệu quả các biện pháp nêu trên vào thực tiễn quản lý hoạt động giảng dạy có hiệu quả thiết thực, người Hiệu trưởng cần phải có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Mặt khác, Hiệu trưởng các trường tiểu học phải biết vận dụng đồng bộ các biện pháp một cách linh động, sáng tạo, phù hợp với đối tượng và tình huống cụ thể nhằm phát huy được tiềm năng và thế mạnh của đội ngũ cán bộ quản lý cùng tập thể giáo viên trong nhà trường thực hiện có hiệu quả mục tiêu quản lý.

Hướng phát triển của đề tài

Đề tài sẽ được tiếp tục nghiên cứu, thực nghiệm để hoàn thiện và đưa vào áp dụng ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

PHỤ LỤC

**Bảng 2.1: Tình hình phát triển trường lớp giáo dục tiểu học
từ năm học 2003-2004 đến năm học 2007-2008**

TT	NĂM HỌC	TỔNG SỐ					Tỉ lệ GV/lớp	Trường đạt chuẩn
		Trường	Lớp	Học sinh	Giáo viên	Tỉ lệ HS/lớp		
1	2003 – 2004	33	706	21399	999	28,8	1,4	1
2	2004 – 2005	33	688	19733	1167	26,6	1,6	
3	2005 – 2006	33	669	18281	1073	27,3	1,5	
4	2006 – 2007	33	674	18500	986	27,4	1,4	1
5	2007 – 2008	33	672	18748	1059	27,8	1,5	

(Nguồn Phòng GD &ĐT thành phố Cà Mau năm 2008)

Bảng 2.2: Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý trường tiểu học TP. Cà Mau năm học 2007-2008

TT	Trường tiểu học	Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng		Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị			Thâm niên quản lý			Đã bồi dưỡng quản lý	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	ĐH	CD	TH	CC	TC	SC	<5	5-10	>10	HT	PHT
1	Phường 1/1	1		1		2					2			2	1	1
2	Phường ½	1		1	1	3				2		1		2	1	2
3	Nguyễn Tạo		1	1	1	3				3		3			1	2
4	Phường 4		1		1			2			2			2	1	
5	Hùng Vương	1			2	3			1		1		2	1	1	2
6	Quang Trung		1		2	1		2		2			3		1	2
7	Nguyễn Văn Trỗi	1		1	1	3				2		1		2	1	2
8	Phường 6/1		1	1	1	3				2		1	2		1	2
9	Phường 6/2		1	2		1		2			1	1	1	1	1	2
10	Lạc Long Quân	1		1	1	3				2				3	1	2
11	Phường 7/2	1			1	2				2			2		1	1
12	Phường 8/1	1		1	1	3				1			3		1	2
13	Nguyễn Đình Chiểu	1			2	2		1		2	1		1	2	1	2
14	Phường 9	1			2	3				2	1		1	2	1	2
15	Lý Văn Lâm1		1	2		3				1	2		1	2	1	2
16	Lý Văn Lâm2	1		1	1	2		1			3			3	1	2
17	Hòa Thành 1	1		1		1		1			1		2		1	2
18	Hòa Thành 2	1		2		2		1		1	2	1	1	1	1	2
19	Hòa Thành 3	1		2		1		2		1	2	1	1	1	1	1
20	Hòa Tân 1	1		1		2				1	1	1	1		1	1
21	Hòa Tân 2	1			1	1		1			1	2			1	1
22	Hòa Tân 3	1		1		2				1	1		1	1	1	1
23	Tân Thành 1	1		2		2		1		1	1		1	2	1	2
24	Tân Thành 2	1		1		1		1		1				2	1	1
25	Tân Định	1		1		1		1			1	1	1		1	1
26	Kim Đồng	1		2		3				3				3	1	2
27	Lê Văn Tâm	1		2		1	2			1			3		1	2
28	Tắc Vân 1		1	1	1	2		1		1			2	1	1	1
29	Trần Hưng Đạo	1			1	1		1		1	1	1		1	1	1
30	An Xuyên 1	1		1		2				1	2	1	1		1	1
31	An Xuyên 2	1		2		3				1				3	1	2
32	An Xuyên 3	1		1		2				1	1		1	1	1	
33	An Xuyên 4	1		2		2		1			1	1	2		1	
Cộng		26	7	34	20	66	2	19	1	36	28	16	33	38	33	49
Cộng chung		87				87			65			87			82	

(Nguồn Phòng GD&ĐT năm học 2007-2008)

**Bảng 2.3: Tình hình đội ngũ giáo viên các trường tiểu học
TP Cà Mau năm học 2007-2008**

TT	Trường tiểu học	Số GV		Độ tuổi				Trình độ chuyên môn			Thâm niên công tác				Chất lượng giảng dạy		
		TS	Nữ	<30	30-40	41-50	>50	ĐH	TH	9+3	<5	5-10	11-15	>15	G	Kh	TB
1	Phường 1/1	24	22	8	11	2	3	6	3	15	3	5	6	10	14	6	4
2	Phường ½	27	26	6	14	6	1	3	2	22	4	4	7	12	20	3	2
3	Nguyễn Tạo	64	60	9	34	19	2	33	8	23	6	11	39	8	60	4	
4	Phường 4	38	35	3	17	17	1	9	4	25	4	5	10	29	12	14	8
5	Hùng Vương	42	36	14	19	8	1	20	4	18	6	8	5	13	28	14	
6	Quang Trung	36	34	13	16	7		14	3	19	6	11	11	8	20	11	5
7	Nguyễn Văn Trỗi	37	35	11	20	4	2	10	5	22	12	6	7	12	28	6	2
8	Phường 6/1	43	43	12	19	12		14	2	27	7	9	7	20	20	20	3
9	Phường 6/2	38	36	10	22	4	2	8	1	29	4	8	14	12	8	26	4
10	Lạc Long Quân	40	38	7	24	8	1	15	1	24	6	6	16	12	20	14	4
11	Phường 7/2	18	16	6	9	3		7	2	9	3	8	5	2	11	3	4
12	Phường 8/1	51	43	14	22	10	5	10	2	39	6	9	15	21	18	20	9
13	Nguyễn Đình Chiểu	40	36	16	14	8	2	16	6	18	10	8	14	8	28	12	
14	Phường 9	39	35	12	15	10	2	10	5	24	5	10	10	14	23	8	7
15	Lý Văn Lâm1	38	17	4	32	2				38	4	8	9	17	12	12	12
16	Lý Văn Lâm2	34	28	3	29	2		12		22	1	7	9	17	14	10	8
17	Hòa Thành 1	14	9	2	10	2		1	1	12	2		5	7	10	2	1
18	Hòa Thành 2	26	23	12	12	2		6	2	18	5	5	10	6	12	8	4
19	Hòa Thành 3	18	10	10	8				2	16	6		12		6	8	4
20	Hòa Tân 1	17	9	7	9	1		2	3	12	3	4	6	4	4	8	4
21	Hòa Tân 2	16	6	9	6	1			4	12	6	3	4	3	4	6	4
22	Hòa Tân 3	22	17	9	13			2	2	18	2	14	2	4	6	10	4
23	Tân Thành 1	29	17	6	21	2		1		28	5	12	10	2	15	10	4
24	Tân Thành 2	20	13	6	12	2		4	1	15	5	2	4	9	4	6	7
25	Tân Định	29	16	10	13	5	1	2	3	24	7	3	9	10	9	10	8
26	Kim Đồng	30	20	10	10	9	1	4	3	23		10	12	8	6	14	8
27	Lê Văn Tám	32	14	25	5	2		6	12	14	8	8	12	4	8	10	14
28	Tắc Vân 1	24	18	5	17	2		1		23	3	5	6	10	4	9	8
29	Trần Hưng Đạo	31	30	15	11	5		1	3	27	6	11	8	6	9	10	10
30	An Xuyên 1	47	33	15	26	3	3	4	6	37	8	7	3	29	13	14	18
31	An Xuyên 2	34	16	10	21	3		5	2	27	6	4	15	9	10	12	10
32	An Xuyên 3	38	20	12	24	2				38	9	5	13	11	14	14	8
33	An Xuyên 4	23	11	9	9	5		3	4	16	10	1	4	8	6	7	9
Cộng		1059	822	320	544	168	27	229	96	734	178	217	319	345	476	341	152
<i>Tổng</i>		<i>1059</i>				<i>1059</i>				<i>1059</i>				<i>969</i>			

(Nguồn Phòng GD&ĐT TP Cà Mau năm học 2007-2008)

Bảng 2.4. Thống kê kết quả xếp loại học lực môn Tiếng Việt
 của học sinh các trường tiểu học TP Cà Mau
 (So sánh năm học 2005-2006 và 2006-2007)

KHỐI	NĂM HỌC	TS HS	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2005-2006	3645	1680	46,1	1236	33,9	650	17,8	79	2,2
	2006-2007	4376	2330	53,2	1211	27,8	639	14,6	196	4,5
2	2005-2006	3211	1379	42,9	1052	32,8	731	22,8	49	1,5
	2006-2007	3428	1549	45,2	1149	33,5	614	17,9	116	3,4
3	2005-2006	3569	1497	41,9	1415	39,7	640	17,9	17	0,5
	2006-2007	3168	1486	46,9	1059	33,4	551	17,4	72	2,3
4	2005-2006	3749	1432	38,2	1657	44,2	639	17,0	21	0,6
	2006-2007	3513	1783	50,7	1183	33,7	516	14,7	31	0,9
5	2005-2006	4307	1615	37,5	1874	43,5	767	17,8	51	1,2
	2006-2007	3632	1688	46,5	1369	37,7	544	15,0	31	0,8
\bar{X}	2005-2006	3696	1520	41,3	1446	38,8	685	18,7	43	1,2
	2006-2007	3623	1767	48,7	1194	33,0	573	15,8	89	2,5

(Nguồn Phòng GD&ĐT TP Cà Mau năm 2007)

Bảng 2.5. Thống kê kết quả xếp loại học lực môn Toán của học sinh các trường tiểu học TP Cà Mau.

(So sánh năm học 2005-2006 và 2006-2007)

KHỐI	NĂM HỌC	TS HS	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2005-2006	3645	1778	48,6	1179	32,4	623	17,1	65	1,9
	2006-2007	4376	2335	53,4	1144	26,1	719	16,4	178	4,1
2	2005-2006	3211	1471	45,8	1183	36,8	529	16,5	28	0,9
	2006-2007	3428	1685	49,2	1096	31,9	562	16,4	85	2,5
3	2005-2006	3569	1356	38,0	1400	39,2	793	22,2	20	0,6
	2006-2007	3168	1454	45,9	929	29,3	702	22,2	83	2,6
4	2005-2006	3749	1287	34,3	1399	37,3	1023	27,3	40	1,1
	2006-2007	3513	1561	44,4	1032	29,4	815	23,2	105	3,0
5	2005-2006	4307	1787	41,5	1545	35,9	894	20,7	81	1,9
	2006-2007	3632	1723	47,5	1046	28,8	789	21,7	74	2,0
\bar{X}	2005-2006	3696	1536	41,6	1341	36,3	772	20,8	47	1,3
	2006-2007	3623	1752	48,4	1049	28,9	717	19,9	105	2,8

(Nguồn Phòng GD&ĐT TP Cà Mau năm 2007)

Bảng 2.6: Những căn cứ để phân công giảng dạy cho giáo viên.

Nội dung căn cứ để phân công	Cán bộ quản lý		Giáo viên	
	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
a. Phẩm chất đạo đức	80/87	91,95	375/441	85,03
b. Năng lực chuyên môn	85/87	97,70	410/441	92,97
c. Trình độ đào tạo	53/87	60,91	294/441	66,66
d. Sức khoẻ của giáo viên	69/87	79,31	329/441	74,60
e. Điều kiện cụ thể của nhà trường	59/87	67,81	228/441	51,70
f. Đối tượng học sinh theo từng lớp	41/87	47,12	158/441	35,82
g. Nguyên vọng của giáo viên	41/87	47,12	179/441	44,67

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.7: Ý kiến của GV về cách phân công giảng dạy đạt hiệu quả

Nội dung khảo sát	Trường chuẩn quốc gia		Trường ở phường		Trường ở xã	
	Tần số N=30	Tỉ lệ (%)	Tần số N=183	Tỉ lệ (%)	Tần số N=228	Tỉ lệ (%)
- Phân công GV dạy một khối lớp nhiều năm	28	93.33	120	65.57	138	60.53
- Phân công GV dạy theo lớp	0	0	19	10.38	22	9.65
- Phân công GV theo nhóm 1, 2, 3 và nhóm 4, 5	2	6.67	44	24.04	57	25,00
- Cách phân công khác (dạy theo môn)	0	0	0	0	11	4.82

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.8: Ý kiến của CBQL và GV trường tiểu học về việc thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy.

Nội dung khảo sát	Nhóm đánh giá	Số phiếu	Rất tốt		Tốt		Trung bình		Chưa tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Nắm vững chương trình toàn cấp	CBQL	87	25	28.74	50	57.47	11	12.64	1	1.15
	GV	441	129	29.25	272	61.68	39	8.84	1	0.23
b. Nắm vững chương trình lớp đang dạy	CBQL	87	45	51.72	39	44.83	1	1.15	2	2.3
	GV	441	253	57.37	181	41.04	6	1.36	1	0,23
c. Hướng dẫn GV lập kế hoạch dạy học	CBQL	87	20	22.99	63	72.41	4	4.6	0	0
	GV	441	158	35.83	264	59.86	18	4.08	1	0,23
d. Kiểm tra qua báo cáo của tổ CM, giáo án và phiếu báo giảng của GV	CBQL	87	24	27,57	61	70,11	2	2,30	0	0
	GV	441	170	38,55	264	59,86	7	1,59	0	0

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.9: Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	— X
a. Hướng dẫn GV cách soạn bài	GV	441	156	269	16	0	3.32
		100%	35.37	61,0	3.63	0	
	CBQL	87	22	64	1	0	3.24
		100%	25.29	73.56	1.15	0	
b. Có kế hoạch kiểm tra giờ lên lớp	GV	441	159	265	12	5	3.31
		100%	36.05	60.09	2.72	1.13	
	CBQL	87	18	62	7	0	3.13
		100%	20.69	71.26	8.05	0	
c. Chuẩn bị ĐDDH trước khi lên lớp	GV	441	128	279	30	4	3.08
		100%	29.02	63.27	6.8	0.91	
	CBQL	87	16	53	16	2	2.95
		100%	18.39	60.92	18.39	2.3	
d. Kiểm tra hồ sơ giảng dạy định kỳ và đột xuất	GV	441	201	227	12	1	3.42
		100%	45.58	51.47	2,72	0,23	
	CBQL	87	34	49	4	0	3.34
		100%	39.08	56.32	4.6	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.10: Ý kiến của cán bộ quản lý và GV trường tiểu học về việc quản lý giờ lên lớp của GV

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	— X
a. Quy định cụ thể việc thực hiện giờ lên lớp của GV	GV	441	252	186	2	1	3.56
		100%	57.14	42.18	0.45	0.23	
	CBQL	87	43	43	1	0	3.54
		100%	49.43	49.43	1.15	0	
b. Có kế hoạch quản lý giờ lên lớp của GV	GV	441	206	225	9	1	3.44
		100%	46.71	51.02	2.04	0.23	
	CBQL	87	23	60	3	1	3.21
		100%	26.44	68.97	3.45	1.15	
c. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy trên lớp của GV	GV	441	152	276	13	0	3.32
		100%	34.47	62.59	2.95	0	
	CBQL	87	22	63	2	0	3.23
		100%	25.29	72.41	2.3	0	
d. Đưa vào tiêu chuẩn thi đua	GV	441	181	244	13	3	3.37
		100%	41.04	55.33	2.95	0.68	
	CBQL	87	27	57	3	0	3.28
		100%	31.03	65.52	3.45	0	
e. Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại giờ dạy	GV	441	197	230	13	1	3.41
		100%	44.67	52.15	2.95	0.23	
	CBQL	87	38	46	3	0	3.4
		100%	43.68	52.87	3.45	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.11: Thực trạng việc cải tiến phương pháp giảng dạy của GV tiểu học TP Cà Mau.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	— X
a. Tổ chức cho GV học tập, nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy	GV	441	182	236	21	2	3.36
		100%	41.27	53.51	4.76	0.45	
	CBQL	87	25	59	3	0	3.25
		100%	28.74	67.82	3.45	0	
b. Tạo điều kiện cho GV dự dụng ĐDDH	GV	441	151	262	24	4	3.27
		100%	34.24	59.41	5.44	0.91	
	CBQL	87	17	65	5	0	3.14
		100%	19.54	74.71	5.75	0	
c. Tổ chức chuyên đề, thao giảng, trao đổi cải tiến phương pháp giảng dạy	GV	441	228	195	15	3	3.47
		100%	51.7	44.22	3.4	0.68	
	CBQL	87	30	48	9	0	3.24
		100%	34.48	55.17	10.34	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.12: Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Phổ biến các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS	GV	441	254	183	4	0	3.57
		100%	57.6	41.5	0.91	0	
	CBQL	87	48	39	0	0	3.55
		100%	55.17	44.83	0	0	
b. Chỉ đạo GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng quy định	GV	441	240	189	12	0	3.52
		100%	54.42	42.86	2.72	0	
	CBQL	87	44	43	0	0	3.51
		100%	50.57	49.43	0	0	
c. Xây dựng chế độ thông tin hai chiều giữa GV và PHHS	GV	441	137	275	20	1	3.21
		100%	31.07	62.36	4.54	0.23	
	CBQL	87	24	56	7	0	3.2
		100%	27.59	64.37	8.05	0	
d. Kiểm tra việc chấm bài kiểm tra của GV	GV	441	150	270	20	1	3.29
		100%	34.01	61.22	4.54	0.23	
	CBQL	87	24	60	3	0	3.24
		100%	27.59	68.97	3.45	0	
e. Kiểm tra sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc	GV	441	253	186	2	0	3.57
		100%	57.37	42.18	0.45	0	
	CBQL	87	37	50	0	0	3.43
		100%	42.53	57.47	0	0	
f. Động viên, khen thưởng GV và HS kịp thời	GV	441	186	223	26	6	3.34
		100%	42.18	50.57	5.9	1.36	
	CBQL	87	25	57	5	0	3.23
		100%	28.74	65.52	5.75	0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.13: Thực trạng quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy

Nội dung đánh giá kết quả giảng dạy	CBQL		Giáo viên	
	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%
1. Dựa vào kết quả chất lượng cuối năm của học sinh	75/87	86,2	342/441	77,55
2. Dựa vào kết quả thi học kỳ	36/87	41,4	201/441	45,6
3. Dựa vào tiết dự giờ đột xuất	60/87	68,97	305/441	69,2
4. Dựa vào việc kiểm tra hồ sơ sổ sách định kỳ và cuối năm	53/87	60,9	265/441	60,09
5. Dựa vào việc thi GV dạy giỏi	31/87	35,63	137/441	31,07
6. Ý kiến nhận xét của đồng nghiệp	53/87	60,9	197/441	44,67
7. Ý kiến của tổ trưởng chuyên môn	54/87	62,06	204/441	46,3

Bảng 2.14: Thực trạng quản lý công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	\bar{X}
a. Kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ GV	GV	441	193	231	16	1	3.4
		100%	43.76	52.38	3.63	0.23	
	CBQL	87	30	55	2	0	3.32
		100%	34.48	63.22	2.3	0	
b. Xác định nhu cầu, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV	GV	441	146	264	30	1	3.26
		100%	33.11	59.86	6.8	0.23	
	CBQL	87	23	56	8	0	3.17
		100%	26.44	64.37	9.2	0	
c. Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ	GV	441	175	241	23	2	3.34
		100%	39.68	54.65	5.22	0.45	
	CBQL	87	20	62	5	0	3.17
		100%	22.99	71.26	5.75	0	
d. Giới thiệu và cung cấp tài liệu cho GV	GV	441	154	245	37	5	3.24
		100%	34.92	55.56	8.39	1.13	
	CBQL	87	19	61	6	1	3.13
		100%	21.84	70.11	6.9	1.15	
e. Tạo điều kiện cho GV đi học nâng cao trình độ	GV	441	252	177	10	2	3.54
		100%	57.14	40.14	2.27	0.45	
	CBQL	87	40	43	4	0	3.41
		100%	45.98	49.43	4.6	0	
f. Quản lý việc tự học, tự bồi dưỡng của GV	GV	441	115	300	26	0	3.2
		100%	26.08	68.03	5.9		
	CBQL	87	20	56	11	0	3.1
		100%	22.99	64.37	12.64		

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.15: Ý kiến của GV về CSVC phục vụ giảng dạy.

TT	Trường tiểu học	Số phiếu	Mức độ								— X
			Rất tốt (4 điểm)		Tốt (3 điểm)		Tạm được (2 điểm)		Chưa tốt (1 điểm)		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Hùng Vương	17	2	11.76	15	88.24	0	0	0	0	3.12
2	Nguyễn Đình Chiểu	13	0	0	13	100	0	0	0	0	4,0
3	Phường 4	13	0	0	9	69.23	4	30.77	0	0	2.69
4	Phường 6/1	17	1	5.88	7	41.18	9	52.94	0		2.53
5	Lạc Long Quân	17	0	0	6	35.29	9	52.94	2	11.76	2.24
6	Phường 8/1	22	0	0	1	4.55	20	90.91	1	4.55	2,0
7	Phường 9	22	0	0	5	22.73	4	18.18	13	59.09	1.64
8	Quang Trung	14	0	0	5	35.71	9	64.29	0	0	2.36
9	Phường 1/1	13	0	0	1	7.69	12	92.31	0	0	2.08
10	Lý Văn Lâm 1	12	0	0	6	50,0	6	50,0	0	0	2.5
11	Tân Thành 1	11	2	18.18	7	63.64	2	18.18	0	0	3,0
12	Tân Định	13	1	7.69	9	69.23	1	7.69	2	15.38	2.69
13	Kim Đồng	9	0	0	9	100	0	0	0	0	3,0
14	Trần Hưng Đạo	12	1	8.33	3	25	6	50	2	16.67	2.25
15	An Xuyên 1	19	1	5.26	9	47.37	5	26.32	4	21.05	2.37
16	Hòa Thành 2	12	1	8.33	7	58.33	2	16.67	2	16.67	2.58
	Cộng	236	9	3.81	112	47.46	89	37.71	26	11.02	2.44

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.16: Thực trạng quản lý và sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

Nội dung	Nhóm đánh giá	TS (%)	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt	— X
a. Tham mưu các cấp đầu tư trang thiết bị dạy học	GV	441	100	300	38	3	3.13
		100%	22.68	68.03	8.62	0.68	
	CBQL	87	11	69	7	0	3.05
		100%	12.64	79.31	8.05	0	
b. Quản lý, sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học	GV	441	119	285	36	1	3.18
		100%	26.98	64.63	8.16	0.23	
	CBQL	87	16	63	8	0	3.09
		100%	18.39	72.41	9.2	0	
c. Tổ chức phong trào làm ĐDDH	GV	441	69	287	77	8	3,0
		100%	15.65	65.08	17.46	1.81	
	CBQL	87	10	35	38	4	2.59
		100%	11.49	40.23	43.68	4.6	
d. Vận động các nguồn lực mua sắm trang thiết bị dạy học	GV	441	54	238	91	58	2.65
		100%	12.24	53.97	20.63	13.15	
	CBQL	87	7	19	37	24	2.1
		100%	8.05	21.84	42.53	27.59	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 2.17: Ý kiến của CBQL và GV về công tác thi đua khen thưởng

TT	Trường tiểu học	Số phiếu	Rất hợp lý		Hợp lý		Tạm được		Chưa hợp lý	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phường 1/1	15	1	6.67	13	86.67	1	6.67	0	0
2	Nguyễn Tạo	35	17	48.57	18	51.43	0	0	0	0
3	Phường 4	15	4	26.67	8	53.33	3	20	0	0
4	Phường 6/1	19	11	57.89	7	36.84	1	5.26	0	0
5	Lạc Long Quân	20	0	0	11	55,0	8	40	1	5,0
6	Phường 8/1	25	5	20,0	19	76,0	1	4,0	0	0
7	Phường 9	25	12	48,0	11	44,0	2	8,0	0	0
8	Lý Văn Lâm 1	15	6	40,0	8	53.33	0	0	1	6.67
9	Hòa Thành 2	15	5	33.33	8	53.33	2	13.33	0	0
10	Hòa Tân 3	15	2	13.33	11	73.33	1	6.67	1	6.67
11	Tân Thành 2	9	2	22.22	7	77.78	0	0	0	0
12	Tân Định	15	5	33.33	10	66.67	0	0	0	0
13	Kim Đồng	12	1	8.33	7	58.33	1	8.33	3	25,0
14	Trần Hưng Đạo	15	2	13.33	12	80,0	1	6.67	0	0
15	An Xuyên 1	21	8	38.1	12	57.14	0	0	1	4.76
16	An Xuyên 4	10	0	0	8	80,0	2	20,0	0	0
Cộng		281	81	28.83	170	60.5	23	8.19	7	2.49

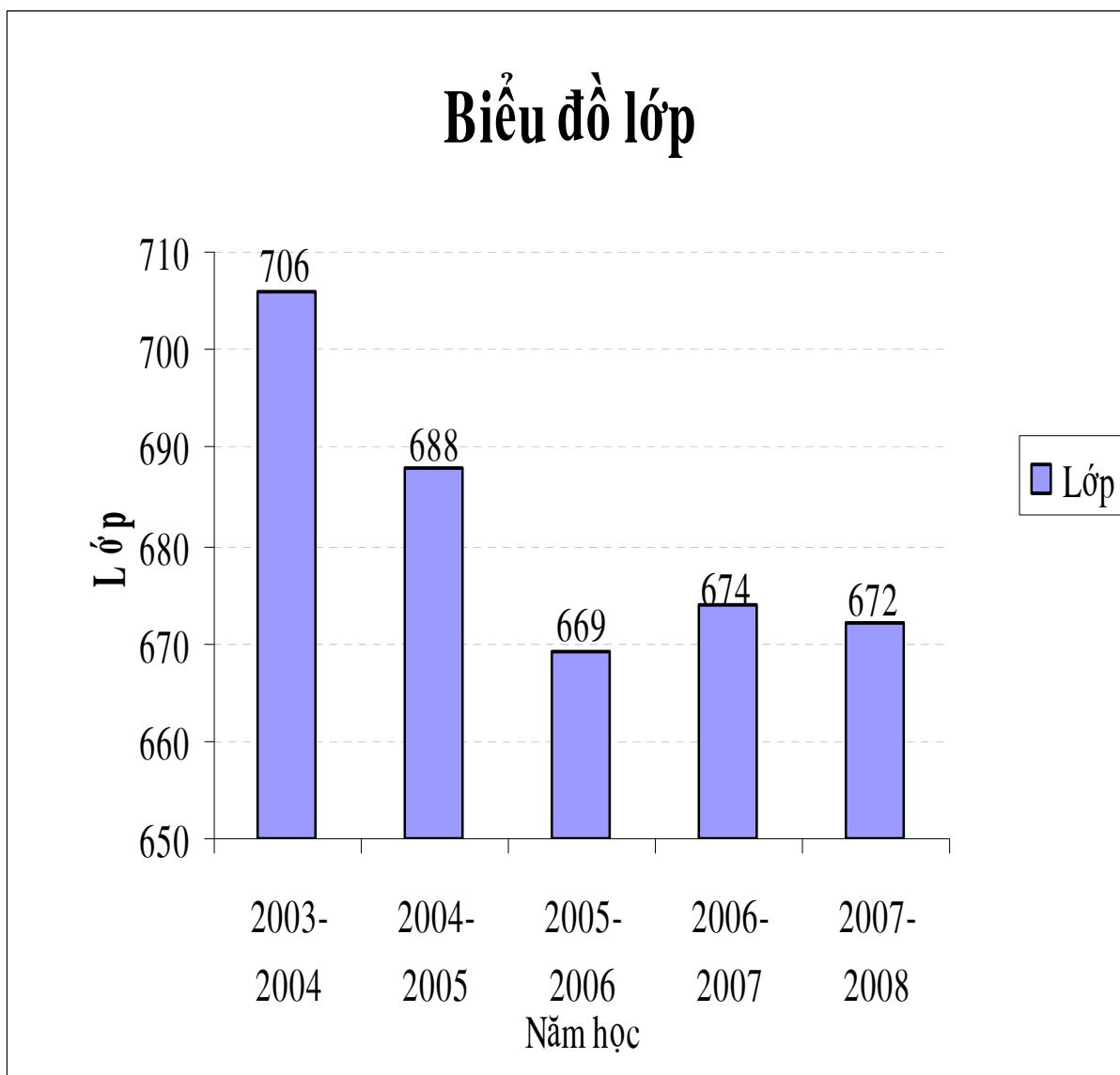
(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

Bảng 3.1: Kết quả khảo sát mức độ khả thi của các biện pháp

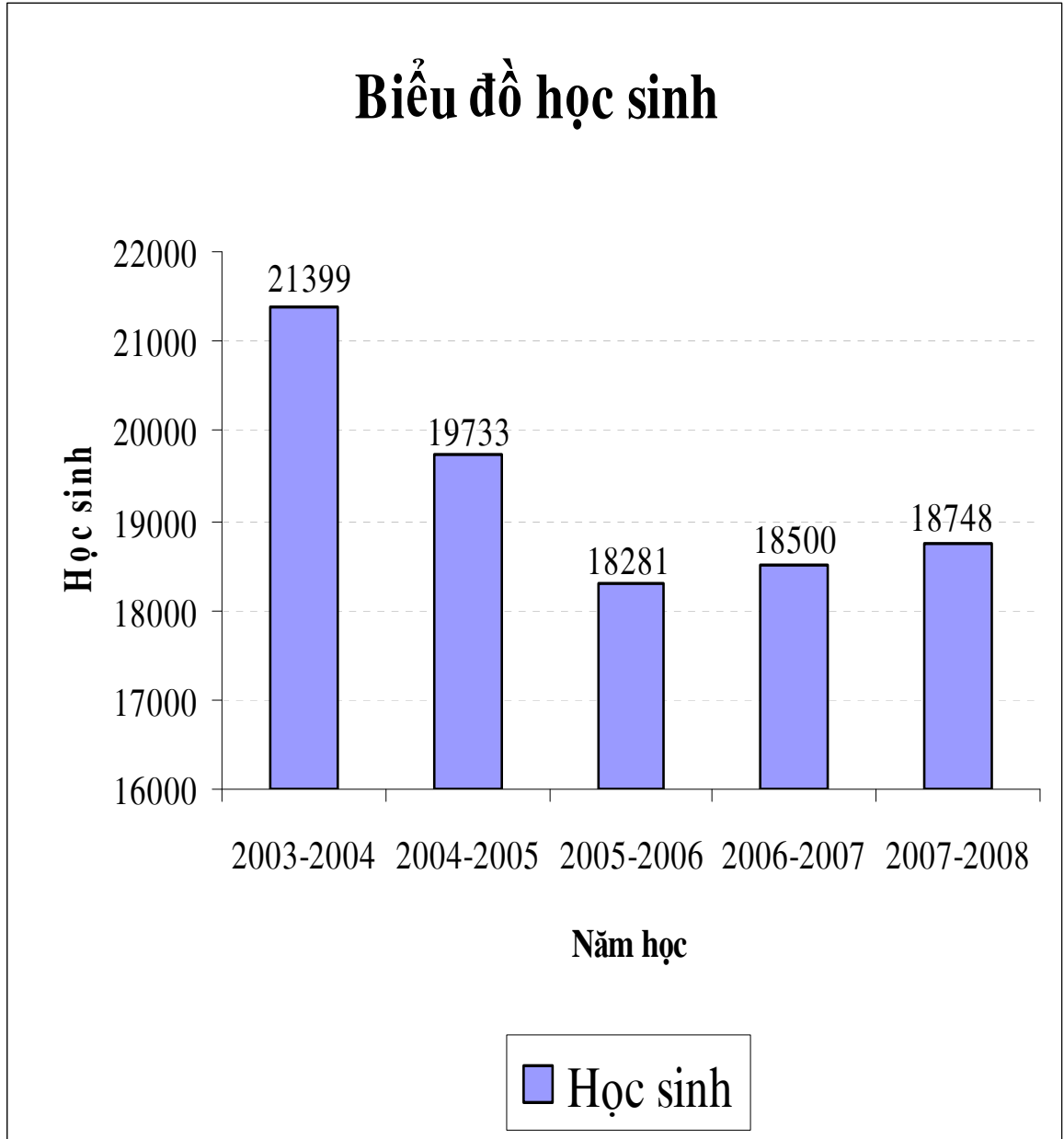
TT	CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY	SỐ LƯỢNG GV VÀ PHẦN TRĂM	MỨC ĐỘ KHẢ THI						Xếp thứ tự
			Rất khả thi		Khả thi		Chưa khả thi		
			CB QL	GV	CB QL	GV	CB QL	GV	
1	Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực quản lý cho CBQL	Số lượng	74	353	13	68	0	0	1
		Tỷ lệ (%)	85,0	83,8	15,0	16,2	0	0	
2	Kế hoạch hoá trong quản lý hoạt động giảng dạy	Số lượng	45	218	10	197	2	6	5
		Tỷ lệ (%)	51,7	51,8	46,0	46,8	2,3	1,4	
3	Các biện pháp quản lý hoạt động giảng dạy của GV	Số lượng	47	235	39	176	1	10	4
		Tỷ lệ (%)	54,0	55,8	44,8	41,8	1,2	2,4	
4	Quản lý quy chế chuyên môn gắn với thi đua	Số lượng	37	203	48	211	2	7	7
		Tỷ lệ (%)	42,5	48,2	55,2	50,1	2,3	1,7	
5	Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn đối với GV	Số lượng	69	341	18	77	0	3	2
		Tỷ lệ (%)	79,3	81,0	20,7	18,3	0	0,7	
6	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy	Số lượng	64	311	23	110	0	0	3
		Tỷ lệ (%)	73,6	73,9	26,4	26,1	0	0	
7	Huy động cộng đồng tham gia xây dựng và phát triển trường tiểu học	Số lượng	42	205	45	212	0	4	6
		Tỷ lệ (%)	48,3	48,7	51,7	50,3	0	1,0	

(Nguồn: xử lý phiếu điều tra năm 2008)

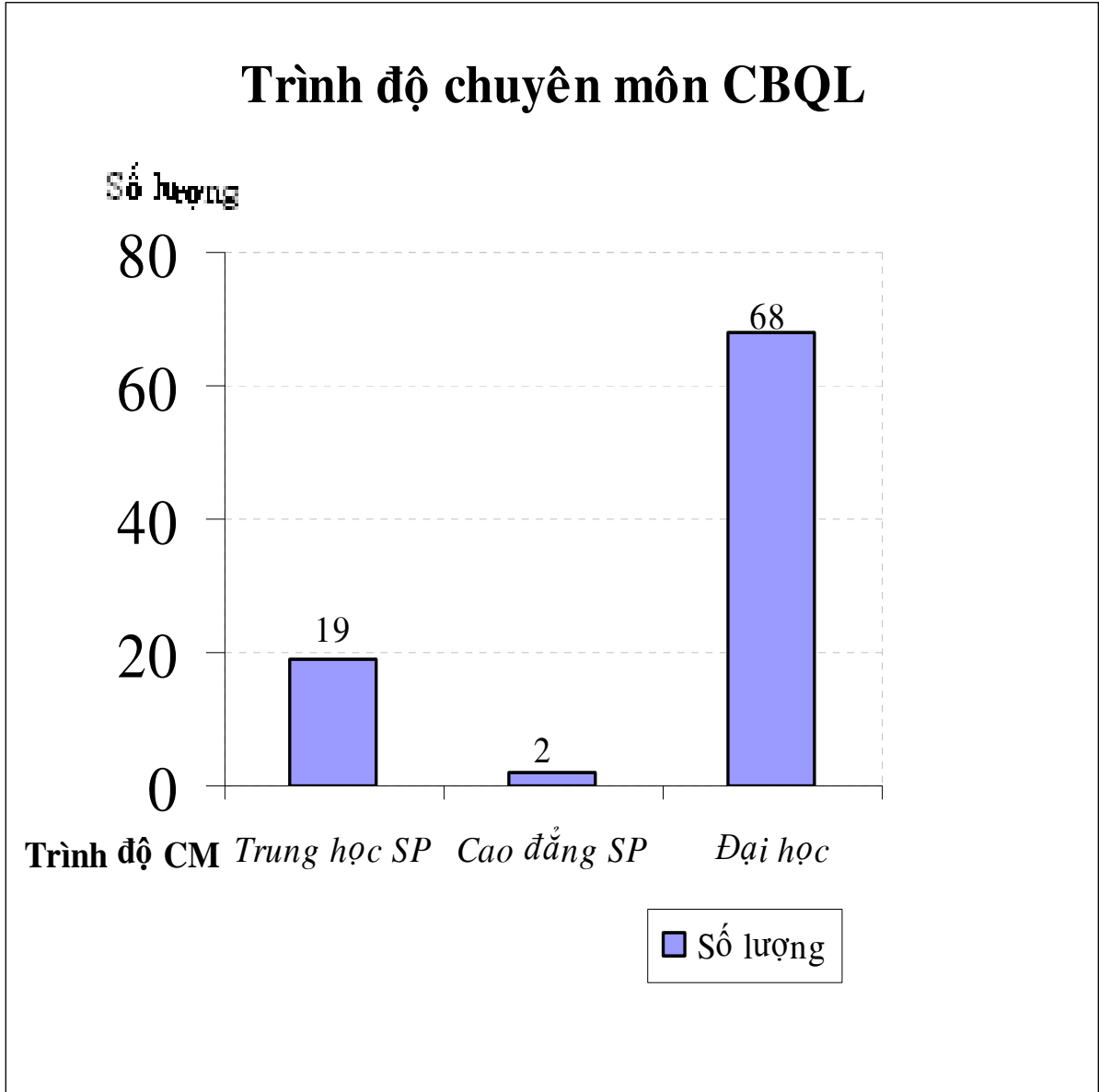
Biểu đồ 2.1: Số lớp học cấp tiểu học
từ năm học 2003 – 2004 đến năm học 2007 – 2008



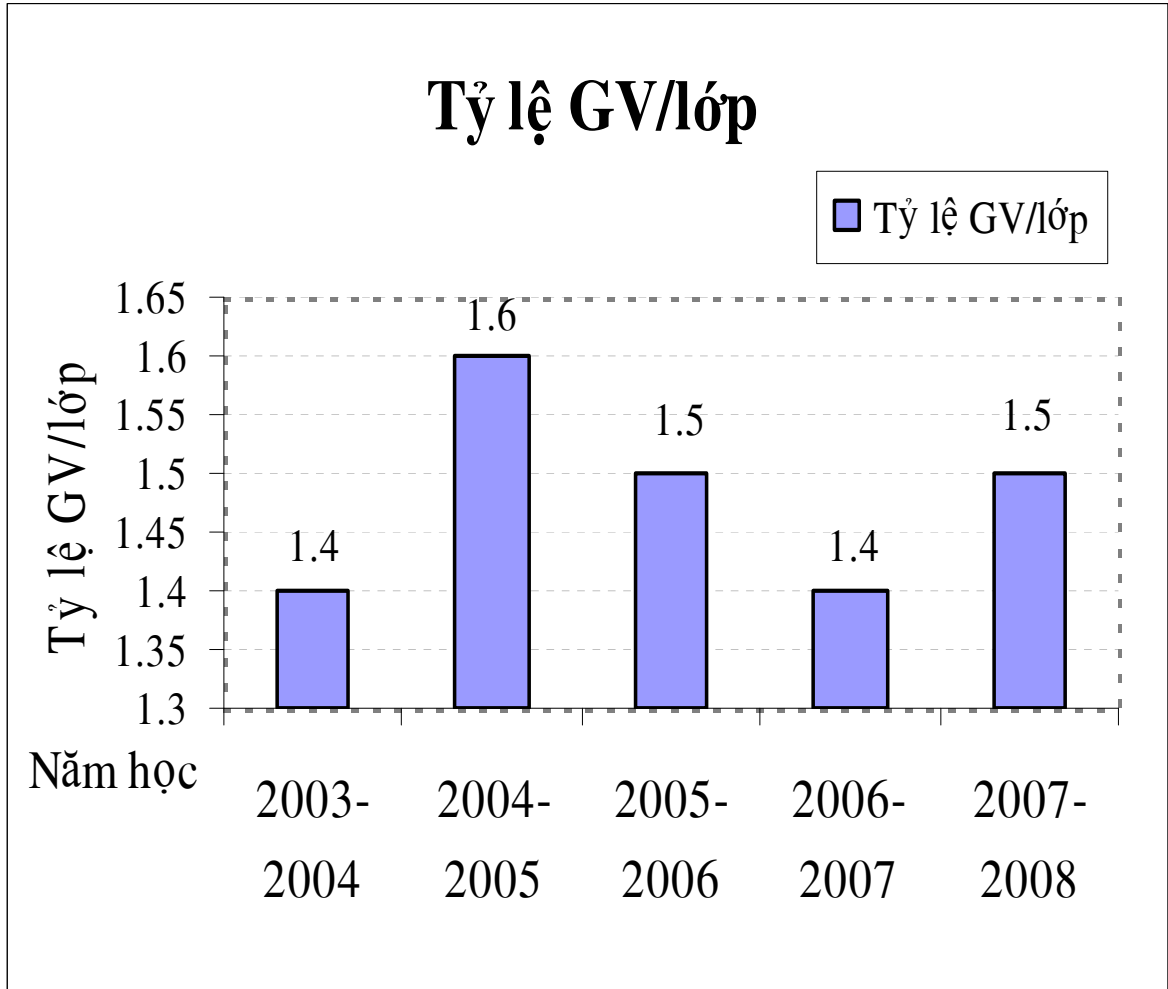
Biểu đồ 2.2: Số HS tiểu học của TP Cà Mau
từ năm học 2003 – 2004 đến năm học 2007 - 2008



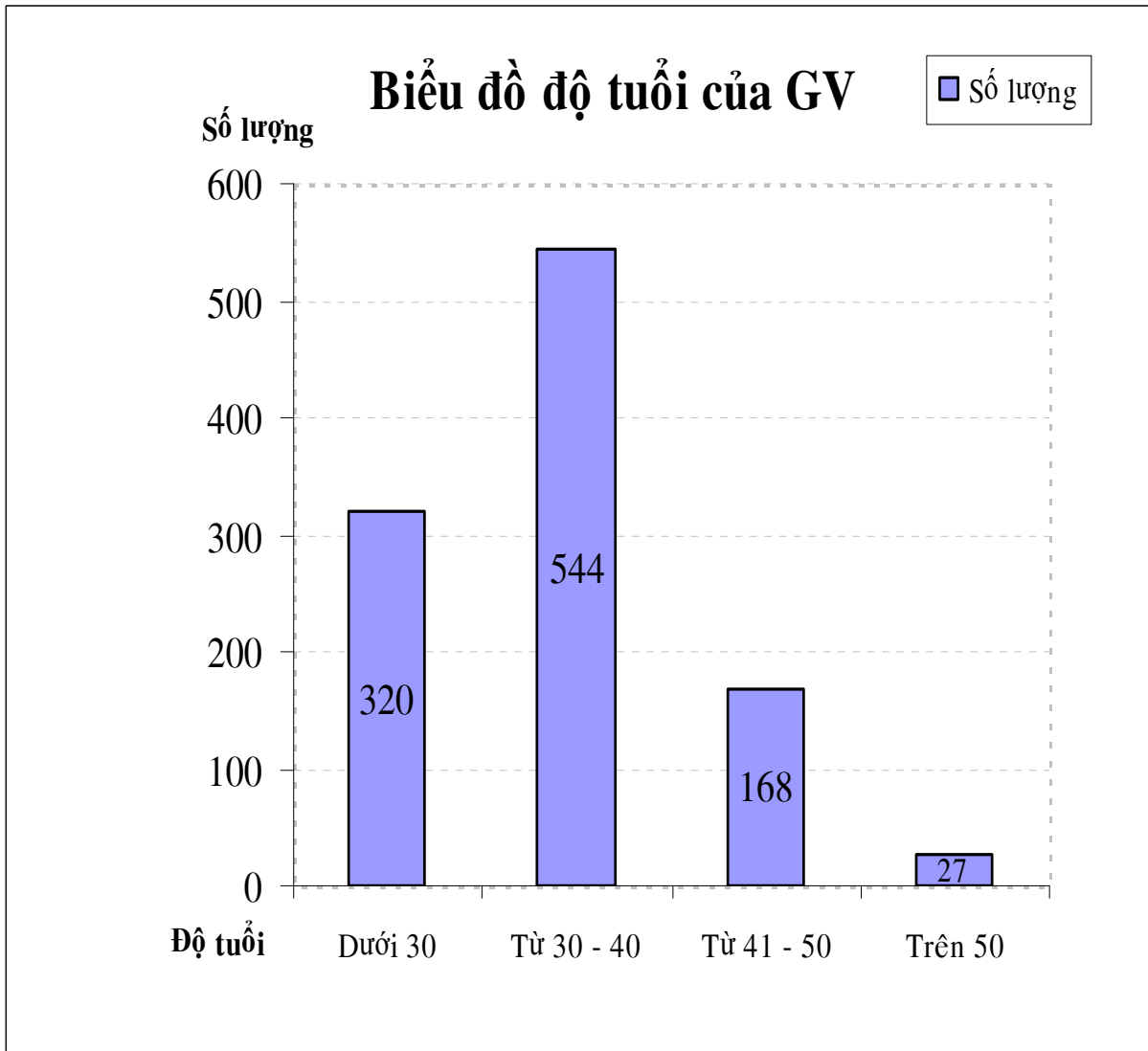
Biểu đồ 2.3: Trình độ chuyên môn CBQL
các trường tiểu học TP Cà Mau



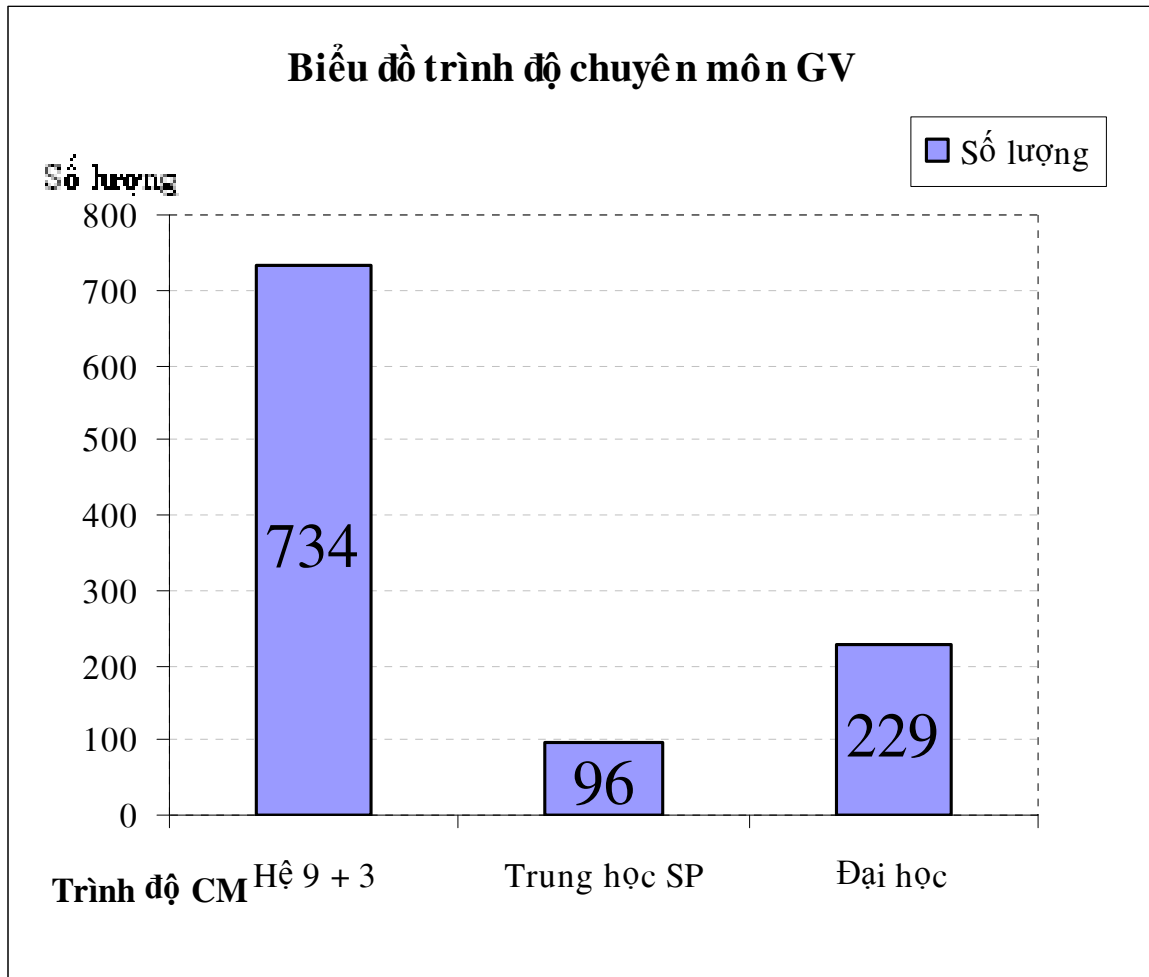
Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ GV/lớp
từ năm học 2003 – 2004 đến năm học 2007 – 2008



Biểu đồ 2.5: Độ tuổi đội ngũ GV
các trường tiểu học TP Cà Mau



Biểu đồ 2.6: Trình độ chuyên môn của đội ngũ GV
Các trường tiểu học TP Cà Mau



PHIẾU HỎI

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG TIỂU HỌC

Trường tiểu học:

Nhằm giúp chúng tôi có đủ cơ sở thực hiện đề tài “*Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau*”.

Xin quý thầy cô vui lòng cho biết một số thông tin về trường như sau:

1. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng:

Hiệu trưởng		Phó HT		Trình độ chuyên môn (HT và PHT)			Trình độ chính trị (HT và PHT)			Thâm niên quản lý (HT và PHT)			Đã bồi dưỡng quản lý		
				ĐH	CĐ	TH	CC	TC	SC	<5	5-10	>10	HT	PHT	
Nam	Nữ	Nam	Nữ												

2. Giáo viên giảng dạy:

Tổng số GV		Độ tuổi				Trình độ chuyên môn			Thâm niên công tác				Chất lượng giảng dạy			
		<30	30-40	41-50	>50	ĐH	CĐ	TH	<5	5-10	11-15	>15	Giỏi	Khá	TB	
Nam	Nữ															

***Ghi chú chữ viết tắt:**

- *Bảng 1:*

HT: hiệu trưởng, PHT: phó hiệu trưởng

ĐH: đại học, CĐ: cao đẳng, TH: trung học

CC: cao cấp, TC: trung cấp, SC: sơ cấp

<5 : dưới 5 năm, 5-10: từ 5 năm đến 10 năm, >10: trên 10 năm.

- *Bảng 2:*

<30: dưới 30 tuổi, 30-40: từ 30 đến 40 tuổi, 41-50: từ 41 đến 50 tuổi,

>50: trên 50 tuổi.

<5: dưới 5 năm, 5-10: từ 5 năm đến 10 năm, 11-15: từ 11 năm đến 15 năm,

>15: trên 15 năm.

TB: trung bình.

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô.

PHIẾU XIN Ý KIẾN GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC

Nhằm giúp chúng tôi có đủ cơ sở thực hiện đề tài “*Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau*”.

Xin quý thầy cô vui lòng trả lời phiếu bằng cách đánh dấu (x) vào ô bên phải hoặc điền vào chỗ trống ngay sau câu hỏi.

1. Xin thầy (cô) đánh giá chất lượng công tác quản lý của cán bộ quản lý nhà trường đang công tác.
 - Tốt
 - Khá
 - Trung bình
 - Chưa đạt

2. Xin thầy (cô) cho biết người Hiệu trưởng cần có những năng lực nào để quản lý hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả.
 - Năng lực quản lý chuyên môn
 - Năng lực tổ chức kiểm tra
 - Năng lực xây dựng đội ngũ
 - Năng lực ứng xử tình huống trong quản lý
 - Năng lực khác:.....

3. Thầy (cô) cho ý kiến về thực trạng một số công việc nhà trường đã thực hiện . (Khoanh tròn vào 1 trong 4 số bên phải: 1 là yếu, 2 là TB, 3 là khá và 4 là tốt)
 - Phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý 1 2 3 4
 - Kế hoạch năm học 1 2 3 4
 - Sinh hoạt tổ chuyên môn 1 2 3 4
 - Công tác bồi dưỡng chuyên môn 1 2 3 4
 - Thi đua khen thưởng 1 2 3 4
 - Chế độ chính sách 1 2 3 4

4. Thầy (cô) cho biết những tiêu chí căn cứ để phân công giáo viên giảng dạy.

- Phẩm chất đạo đức
- Năng lực chuyên môn
- Trình độ đào tạo
- Sức khỏe của giáo viên
- Điều kiện cụ thể của nhà trường
- Đối tượng học sinh theo từng lớp
- Nguyên vọng của giáo viên

5. Thầy (cô) có nhận định thế nào về việc phân công giáo viên giảng dạy của Hiệu trưởng ?

.....
.....

6. Thầy cô có hài lòng với sự phân công giáo viên giảng dạy của Ban giám hiệu không.

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Chấp nhận
- Chưa hài lòng

7. Theo thầy (cô) cách phân công giảng dạy nào cho giáo viên đạt hiệu quả.

- Phân công giáo viên dạy một khối lớp nhiều năm
- Phân công giáo viên theo lớp
- Phân công giáo viên theo nhóm lớp 1,2,3 và nhóm lớp 4,5
- Cách phân công khác

.....
.....

8. Theo thầy (cô) việc hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy là.

- Rất phù hợp
- Phù hợp
- Tạm được
- Chưa phù hợp

9. Xin thầy (cô) đánh dấu (x) vào các mức độ phù hợp với suy nghĩ và thực tiễn nơi mình công tác.

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Chưa tốt</i>
1	<i>Về thực hiện chương trình</i>				
	a. Nắm vững chương trình toàn cấp				
	b. Nắm vững chương trình lớp mình dạy				
	c. Hướng dẫn GV lập kế hoạch dạy học				
	d. Kiểm tra việc thực hiện chương trình thông qua:				
	- Báo cáo của tổ chuyên môn				
	- Giáo án của giáo viên				
	- Phiếu báo giảng				
2	<i>Về chuẩn bị giờ lên lớp</i>				
	a. Hướng dẫn GV cách soạn bài				
	b. Có kế hoạch kiểm tra việc chuẩn bị giờ lên lớp				
	c. Chuẩn bị ĐDDH trước khi lên lớp				
	d. Kiểm tra hồ sơ giảng dạy định kỳ và đột xuất				
3	<i>Về cải tiến phương pháp giảng dạy</i>				
	a. Tổ chức cho GV học tập, nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy				
	b. Tạo điều kiện cho GV sử dụng ĐDDH				
	c. Tổ chức chuyên đề, thao giảng, trao đổi cải tiến phương pháp giảng dạy				

4	<i>Quản lý giờ lên lớp</i>				
	a. Quy định cụ thể việc thực hiện giờ lên lớp của GV				
	b. Có kế hoạch quản lý giờ lên lớp của GV				
	c. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy trên lớp của giáo viên				
	d. Đưa vào tiêu chuẩn thi đua				
	e. Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại giờ dạy				
5	<i>Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh</i>				
	a. Phổ biến các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh				
	b. Chỉ đạo GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng quy định				
	c. Xây dựng chế độ thông tin hai chiều giữa GV và PHHS				
	d. Kiểm tra việc chấm bài kiểm tra của GV				
	e. Kiểm tra sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc				
	f. Động viên, khen thưởng GV và HS kịp thời				
6	<i>Quản lý công tác bồi dưỡng chuyên môn giảng dạy</i>				
	a. Kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên				
	b. Xác định nhu cầu, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV				
	c. Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ				
	d. Giới thiệu và cung cấp tài liệu cho GV				
	e. Tạo điều kiện cho GV đi học nâng cao trình độ				
	f. Quản lý việc tự học, tự bồi dưỡng của GV				

10. Trong thời gian qua, thầy (cô) cho biết cách bồi dưỡng nào là hiệu quả đối với đội ngũ giáo viên tiểu học

TT	Cách bồi dưỡng	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Không hiệu quả
a	Chuẩn hóa không tập trung tại trường sư phạm			
b	Nâng chuẩn không tập trung tại trường sư phạm			
c	Bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ của Bộ			
d	Bồi dưỡng qua các hoạt động chuyên môn ở trường và Phòng GD&ĐT			
e	Tự bồi dưỡng của giáo viên			

11. Xin thầy (cô) cho biết những biện pháp chỉ đạo của Phòng GD&ĐT đã thực hiện nhằm giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động giảng dạy tốt hơn?

.....

12. Trong việc đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên, khi thực hiện hiệu trưởng đã căn cứ vào những kết quả nào.

- a. Căn cứ vào kết quả chất lượng cuối năm của học sinh lớp phụ trách.
- b. Căn cứ vào kết quả thi học kì
- c. Căn cứ vào tiết dự giờ đột xuất của Ban giám hiệu.
- d. Dựa vào việc kiểm tra hồ sơ sổ sách định kì và cuối năm.
- e. Dựa vào kết quả thi giáo viên dạy giỏi các cấp.
- f. Kết quả bình xét của đồng nghiệp.
- g. Ý kiến của tổ trưởng chuyên môn.
- h. Những căn cứ khác:.....

13. Cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay đã đáp ứng được cho hoạt động giảng dạy.

-Rất tốt

-Tốt

-Tạm được

-Chưa tốt

-Ý kiến khác

.....

14. Xin thầy (cô) đánh dấu x vào các mức độ phù hợp với nhận xét và thực tiễn nơi trường đang giảng dạy về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt
a	Tham mưu các cấp đầu tư trang thiết bị dạy học				
b	Quản lý, sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học				
c	Tổ chức phong trào tự làm ĐDDH				
d	Vận động các nguồn lực mua sắm trang thiết bị dạy học				

15. Việc tổ chức thi đua khen thưởng trong tập thể sư phạm của trường trong năm học vừa qua như thế nào.

- Rất hợp lý

- Hợp lý

- Tạm được

- Chưa hợp lý

16. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học hiện nay, theo thầy (cô) cần có những biện pháp nào?

Thầy (cô) vui lòng ghi theo thứ tự ưu tiên.

a).....

b).....

c).....

17. Để giúp người giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thầy (cô) có những kiến nghị gì đối với các cấp quản lý giáo dục:

a. Đối với Sở GD&ĐT:

.....
.....
.....

b. Đối với Phòng GD&ĐT:

.....
.....
.....

c. Đối với trường tiểu học:

.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô.

PHIẾU XIN Ý KIẾN HIỆU TRƯỞNG, PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nhằm giúp chúng tôi có đủ cơ sở thực hiện đề tài “*Thực trạng về quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học thành phố Cà Mau*”.

Xin quý thầy cô vui lòng trả lời phiếu bằng cách đánh dấu (x) vào ô bên phải hoặc điền vào chỗ trống ngay sau câu hỏi.

1. Xin thầy (cô) đánh giá chất lượng công tác quản lý của cán bộ quản lý nhà trường.
 - Tốt
 - Khá
 - Trung bình
 - Chưa đạt

2. Xin thầy (cô) cho biết người Hiệu trưởng cần có những năng lực nào để quản lý hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả.
 - Năng lực quản lý chuyên môn
 - Năng lực tổ chức kiểm tra
 - Năng lực xây dựng đội ngũ
 - Năng lực ứng xử tình huống trong quản lý
 - Năng lực khác:.....

3. Thầy (cô) cho ý kiến về thực trạng một số công việc nhà trường đã thực hiện . (Khoanh tròn vào 1 trong 4 số bên phải: 1 là yếu, 2 là TB, 3 là khá và 4 là tốt)
 - Phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý 1 2 3 4
 - Kế hoạch năm học 1 2 3 4
 - Sinh hoạt tổ chuyên môn 1 2 3 4
 - Công tác bồi dưỡng chuyên môn 1 2 3 4
 - Thi đua khen thưởng 1 2 3 4
 - Chế độ chính sách 1 2 3 4

4. Thầy (cô) cho biết những tiêu chí căn cứ để phân công giáo viên giảng dạy.

- Phẩm chất đạo đức
- Năng lực chuyên môn
- Trình độ đào tạo
- Sức khỏe của giáo viên
- Điều kiện cụ thể của nhà trường
- Đối tượng học sinh theo từng lớp
- Nguyên vọng của giáo viên

5. Thầy (cô) có nhận định thế nào về việc phân công giáo viên giảng dạy của Ban giám hiệu?

.....
.....

6. Thầy cô có hài lòng với sự phân công giáo viên giảng dạy của Ban giám hiệu không.

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Chấp nhận
- Chưa hài lòng

7. Theo thầy (cô) cách phân công giảng dạy nào cho giáo viên đạt hiệu quả.

- Phân công giáo viên dạy một khối lớp nhiều năm
- Phân công giáo viên theo lớp
- Phân công giáo viên theo nhóm lớp 1,2,3 và nhóm lớp 4,5
- Cách phân công khác

.....
.....

8. Theo thầy (cô) việc hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy là.

- Rất cần thiết
 - Cần thiết
 - Không cần thiết
 - Ý kiến khác
-
-

9. Xin thầy (cô) đánh dấu (x) vào các mức độ phù hợp với suy nghĩ và thực tiễn nơi mình công tác.

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Chưa tốt</i>
1	<i>Về thực hiện chương trình</i>				
	a. Nắm vững chương trình toàn cấp				
	b. Nắm vững chương trình lớp mình dạy				
	c. Hướng dẫn GV lập kế hoạch dạy học				
	d. Kiểm tra việc thực hiện chương trình thông qua:				
	- Báo cáo của tổ chuyên môn				
	- Giáo án của giáo viên				
	- Phiếu báo giảng				
2	<i>Về chuẩn bị giờ lên lớp</i>				
	a. Hướng dẫn GV cách soạn bài				
	b. Có kế hoạch kiểm tra việc chuẩn bị giờ lên lớp				
	c. Chuẩn bị ĐDDH trước khi lên lớp				
	d. Kiểm tra hồ sơ giảng dạy định kỳ và đột xuất				
3	<i>Về cải tiến phương pháp giảng dạy</i>				
	a. Tổ chức cho GV học tập, nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy				
	b. Tạo điều kiện cho GV sử dụng ĐDDH				
	c. Tổ chức chuyên đề, thao giảng, trao đổi cải tiến phương pháp giảng dạy				

4	<i>Quản lý giờ lên lớp</i>				
	a. Quy định cụ thể việc thực hiện giờ lên lớp của GV				
	b. Có kế hoạch quản lý giờ lên lớp của GV				
	c. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy trên lớp của giáo viên				
	d. Đưa vào tiêu chuẩn thi đua				
	e. Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại giờ dạy				
5	<i>Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh</i>				
	a. Phổ biến các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh				
	b. Chỉ đạo GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng quy định				
	c. Xây dựng chế độ thông tin hai chiều giữa GV và PHHS				
	d. Kiểm tra việc chấm bài kiểm tra của GV				
	e. Kiểm tra sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc				
	f. Động viên, khen thưởng GV và HS kịp thời				
6	<i>Quản lý công tác bồi dưỡng chuyên môn giảng dạy</i>				
	a. Kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên				
	b. Xác định nhu cầu, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV				
	c. Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ				
	d. Giới thiệu và cung cấp tài liệu cho GV				
	e. Tạo điều kiện cho GV đi học nâng cao trình độ				
	f. Quản lý việc tự học, tự bồi dưỡng của GV				

10. Trong thời gian qua, thầy (cô) cho biết cách bồi dưỡng nào là hiệu quả đối với đội ngũ giáo viên tiểu học

TT	Cách bồi dưỡng	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Không hiệu quả
a	Chuẩn hóa không tập trung tại trường sư phạm			
b	Nâng chuẩn không tập trung tại trường sư phạm			
c	Bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ của Bộ			
d	Bồi dưỡng qua các hoạt động chuyên môn ở trường và Phòng GD&ĐT			
e	Tự bồi dưỡng của giáo viên			

11. Xin thầy (cô) cho biết những biện pháp chỉ đạo của Phòng GD&ĐT đã thực hiện nhằm giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động giảng dạy tốt hơn?

.....

12. Trong việc đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên, khi thực hiện hiệu trưởng đã căn cứ vào những kết quả nào.

- a. Căn cứ vào kết quả chất lượng cuối năm của học sinh lớp phụ trách.
- b. Căn cứ vào kết quả thi học kì
- c. Căn cứ vào tiết dự giờ đột xuất của Ban giám hiệu.
- d. Dựa vào việc kiểm tra hồ sơ sổ sách định kì và cuối năm.
- e. Dựa vào kết quả thi giáo viên dạy giỏi các cấp.
- f. Kết quả bình xét của đồng nghiệp.
- g. Ý kiến của tổ trưởng chuyên môn.
- h. Những căn cứ khác:.....

13. Cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay đã đáp ứng được cho hoạt động giảng dạy.

-Rất tốt

-Tốt

-Tạm được

-Chưa tốt

-Ý kiến khác

.....

14. Xin thầy (cô) đánh dấu x vào các mức độ phù hợp với nhận xét và thực tiễn nơi trường đang giảng dạy về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt
a	Tham mưu các cấp đầu tư trang thiết bị dạy học				
b	Quản lý, sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học				
c	Tổ chức phong trào tự làm ĐDDH				
d	Vận động các nguồn lực mua sắm trang thiết bị dạy học				

15. Việc tổ chức thi đua khen thưởng trong tập thể sư phạm của trường trong năm học vừa qua như thế nào.

- Rất hợp lý

- Hợp lý

- Tạm được

- Chưa hợp lý

16. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở trường tiểu học hiện nay, theo thầy (cô) cần có những biện pháp nào?

Thầy (cô) vui lòng ghi theo thứ tự ưu tiên.

a).....

b).....

c).....

17. Để giúp người quản lý trường tiểu học hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thầy (cô) có những kiến nghị gì đối với các cấp quản lý giáo dục:

a. Đối với Bộ GD&ĐT:

.....
.....
.....

b. Đối với Sở GD&ĐT:

.....
.....
.....

c. Đối với Phòng GD&ĐT:

.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô.

PHIẾU XIN Ý KIẾN

(Dùng cho cán bộ Phòng GD&ĐT, cán bộ quản lý và GV trường tiểu học TP Cà Mau)

Để đánh giá đúng thực trạng về công tác quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của TP Cà Mau, xin thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (x) vào từng dòng ở mỗi cột dưới đây phù hợp với ý kiến của mình.

TT	Nội dung quản lý	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Quản lý việc phân công GV			
2	Quản lý việc thực hiện chương trình			
3	Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp			
4	Quản lý việc cải tiến phương pháp giảng dạy			
5	Quản lý giờ lên lớp của GV			
6	Quản lý việc dự giờ			
7	Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập			
8	Quản lý công tác bồi dưỡng chuyên môn giảng dạy			
9	Quản lý cơ sở vật chất – trang thiết bị			
10	Tổ chức công tác thi đua khen thưởng			

Xin chân thành cảm ơn.

PHIẾU XIN Ý KIẾN

(Dùng cho cán bộ Phòng GD&ĐT, cán bộ quản lý và GV trường tiểu học TP Cà Mau)

Để áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động giảng dạy ở các trường tiểu học của TP Cà Mau có hiệu quả, xin thầy (cô) vui lòng đánh giá về mức độ của cần thiết của các biện pháp dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào các cột và dòng tương ứng:

TT	BIỆN PHÁP	Rất cần thiết	Cần thiết	Chưa cần thiết
1	Bồi dưỡng nâng cao nhận thức tư tưởng, trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý			
2	Kế hoạch hóa công tác quản lý hoạt động giảng dạy			
3	Thực hiện quản lý hoạt động giảng dạy theo hướng tiếp cận khoa học			
4	Quản lý quy chế gắn với công tác thi đua			
5	Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn, khảo sát chất lượng học sinh			
6	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy			

Xin cảm ơn